

Bài học « Chiến tranh và hòa bình ở xứ Lào »

• Huyền thoại

*Picasso * Kinh và Sữa của đàn bà dưới mắt Đông y và Tây y * Cuộc đời đức Phật*

BÁCH KHOA

GIẢI PHẨM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÃN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.100đ.

MỘT NĂM

2.100đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai-lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-câu, Đại-dương-châu)	: 245đ
— Nhật-bản. Đại-han, Ấn-độ, Hôi-quốc	: 120đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chỉ phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon.
Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Giấy phép số 318/TU/DV/GP
ngày 11-5-1973

L:

PHẠM VIỆT CHÂU <i>bài học xứ Lào: Chiến tranh và Hòa bình (I)</i>	05
LÊ XUÂN KHOA <i>nhân mùa Phật Đản kể lại: cuộc đời Đức Phật Thích Ca</i>	15
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>ngụ ngôn</i>	23
TRẦN VĂN TÍCH <i>Đông y và Tây y đối với kinh và sữa của phụ nữ</i>	29
TỪ MINH <i>Pablo Picasso, một ông vua không ngai của thế giới nghệ thuật thế kỷ XX</i>	39
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>những phát giác kỳ dị về « những phát giác kỳ dị chung quanh cuốn Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc »</i>	47
TƯỜNG LINH <i>gặp lại Vũ Hữu Định (thơ)</i>	52
ĐẠM NHƯ <i>mùa trăng, chim biển, hoa quì (thơ)</i>	53
TRẦN NGỌC KIM <i>đêm nguyện cầu (thơ)</i>	54
NGUYỄN NGÂN SƠN <i>vách đá cheo leo (truyện ngắn)</i>	55
LÊ MIÊN TƯỜNG <i>bánh mì và nghệ thuật (truyện ngắn)</i>	63
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH <i>lá thư Căm-bốt</i>	73
SINH HOẠT	
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	79
NGÊ BÁ LÍ <i>« Kim Túy Tình Từ » phải chăng là thoại gằn nguyên bản truyện Kiều nhất</i>	84
PHẠM NGỌC ẪN <i>Sa kê hay mít nài</i>	85
BÁCH KHOA <i>bài thơ « Đan Thanh bạch chi » của Vũ Hoàng Chương</i>	86
TRẦN THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	91
Họa sĩ VẤN-THANH <i>trình bày bìa — Tranh bìa: trích họa phẩm « Guernica » của Picasso</i>	

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ: 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại: 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ: 100\$ Công sở: 200\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-5-1973

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Dịch học nhập môn của Đỗ Đình Tuân do Hoa-Lư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 208 trang gồm 2 phần : Tìm hiểu tổng quát về kinh Dịch và bàn về những điều liên quan giữa lý thuyết của Dịch với Đông y (Y Dịch). Phụ lục : Hán tự giản dị. Bản đặc biệt.

— Tạp luận của Võ Phiến do Trí Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 328 trang gồm 19 bài tiểu luận cùng bút về văn học, chính trị, xã hội, về tuổi trẻ vv... Một số lớn bài đã được viết trong năm 1968 sau vụ Tết Mậu Thân rất có giá trị. Giá 380đ

— Bức bình phong của S. Maugham, Nguyễn Minh Hoàng dịch. Truyện dài của Maugham viết về những mối tình xảy ra ở Trung Hoa. Sách dày 160 trang. Đề giá 400đ.

Hình bìa do Đinh Cường. Trí Đăng xuất bản.

— 5 cuộc đối thoại về Phật giáo Hòa Hảo của Nguyễn văn Hữu do Hương Sen xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 142 trang ghi những cuộc đối thoại của tác giả, hồi đó là Trưởng-ban Phổ thông giáo lý Trung Ương Phật giáo Hòa Hảo, với tuần báo Cộng Hòa và với các nhân vật : Tiến sĩ Waltes Sloste, giáo sư Milton Sacks, giáo sư Nguyễn thị Châu, ông Stephen Shlafer, ông Makoto Anabuki về giáo lý PGHH, về sự hình thành và phát triển của Giáo hội, về Đức Huỳnh Giáo chủ vv... Bản đặc biệt.

— Suối nguồn vi diệu (Kinh Thơ) thi hóa tư tưởng Dhammapapa (Pháp Cú kinh) của Phạm Thiên Thư do Cơ sở Văn chương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm 423 bài thơ ngũ ngôn, Việt hóa 423 câu kinh Pháp Cú nói về con đường tu chứng và giải thoát của đạo Phật. T.T. Thích Đức Nhuận đề tựa. Trình bày trang nhã. Bản đặc biệt. Giá 250đ.

CÁO LỖI

Bách Khoa số trước, đến phút chót phải cắt đi 8 trang, từ 71 đến 78 — trong có một truyện ngắn «Người chờ đợi» của Trần Quý Sách, và một bài thơ của Bùi Khiết — mà không kịp báo trước cùng bạn đọc. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn.

Mặt khác do những thẻ thức mới, việc xuất bản giai phẩm gặp nhiều khó khăn, nên các số giai phẩm ra không còn đúng được thời hạn và từ sau Tết đến nay bị chậm trễ rất nhiều. Chúng tôi sẽ cố gắng tìm mọi phương sách để quý bạn đọc đỡ phải trông đợi và cũng mong quý bạn thông cảm mà lượng tình cho.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA.

Bài học Xứ Lào: Chiến tranh và hòa bình

Chiến tranh tự nó vốn đã phức tạp, nhưng chiến tranh ở Lào mới quả là phức tạp ghê gớm. Thật khó mà có một danh từ nào để gọi cho đúng nghĩa cuộc chiến ở đó. Một dân tộc hiếu hòa vô địch như dân tộc Lào, thế mà cứ bị đẩy vào vòng khói lửa! Một vùng đất tui kết không hề có một tác dụng chiến lược đáng kể nào thế mà lại bị đủ mọi thứ cường lực nhào vào xâu xé!

Chúng quy chỉ vì chiến tranh Việt-nam nên mới có chiến tranh Lào, chỉ vì muốn tranh thắng ở Việt-nam, nên những kẻ đối chiến mới phải chiếm đoạt và chặn giữ nhau ở Lào. Thành ra, bảo rằng dân tộc Lào nhỏ bé đã bị «cháy thành vạ lây» cũng không ngoa. Thân phận Lào đã đương nhiên bị ràng buộc vào thân phận Việt. Vấn đề Việt nam không được giải quyết thì vấn đề Lào cũng sẽ vẫn còn đó. Hiệp định đình chiến ở Việt nam đã được ký kết và đã bị thường xuyên vi phạm, thì hiệp định đình chiến ở Lào cũng sẽ chẳng được ai tôn trọng!

Tết dương lịch vừa rồi (1973), trong «Lá thư xuân» gửi ông hoàng em Souphanouvong (Chủ tịch «Mặt trận Lào yêu nước» của Cộng sản), ông hoàng anh Souvanna Phouma (đương kim Thủ tướng) đã viết: «Tại sao chúng ta lại cứ phải chờ đợi nước khác [ý chỉ Việt-nam] giải quyết xong công việc của họ rồi chúng ta mới giải quyết việc của ta?

«Vấn nạn của ông Souvanna Phouma thật đáng suy nghĩ, nhưng đồng ý với ông thì không; vì quả có hợp tình, mà không hợp lý. Cái lý rành rành trước mắt là cả hai anh em ông (cầm đầu hai phe đối nghịch) đều chỉ là cái bung xung của đế-quốc mà thôi! Đã là cái bung xung thì còn tự giải quyết với nhau thế nào được. Đế-quốc không thuận nhau, các ông vẫn còn phải tiếp tục mang mặt nạ (cho đỡ ngượng) để mà chửi nhau là đồ tay sai... đế quốc (!) mặc dầu ít ra cũng đã có hai lần các ông ngồi chung với nhau trong thứ chính phủ được gọi chính phủ liên hiệp.



Chẳng qua Mỹ vốn biết nhưng để yên, lúc nào cần sử dụng mới lôi món đòn ấy ra đẩy thôi.



Nguyên do là ngày 22-6-1961 tại Zurich, ba ông Hoàng Souvanna Phouma, Souphanouvong và Boum Oum, đại diện ba phe, đã đồng chấp thuận hình thức chính phủ liên hiệp do hội nghị thượng đỉnh Kennedy - Khrushchev tại Vienne ngày 4-6-1961 đề ra. Nhưng khi về Vientiane, Boum Oum cứ lần lữa không thi hành, lấy cớ là chờ kết quả hội nghị 14 phái đoàn ở Genève về Lào.

Do đó Vientiane đã bị cúp viện trợ từ tháng 2-1962 giữa lúc Cộng quân đang tấn công khắp nơi. Đầu tháng 5-1962, thị trấn bị vây hãm Nam Tha đã thất thủ chỉ vì Vientiane không còn đạn dược, lương thực để

tiếp tế !

Boum Oum đành trao quyền lại cho Phouma với chính phủ liên hiệp ba thành phần mới, đề trở về "cứ điểm dòng họ" ở Quân khu IV (Nam Hạ Lào) tiếp tục công cuộc kinh doanh và trồng tía của ông. Trường cần nhắc lại một điều là chính phủ liên hiệp lần thứ 2 đã được thành lập vào tháng 6-1962

chứ không phải do việc thi hành hiệp định Genève 1962, vì bản hiệp định này mãi hơn một tháng sau (22-7-62) mới được ký kết ; ký kết được cũng là do nội tình ở Vientiane đã ổn.



Sự đảo thái thế đứng thứ ba trong cuộc tranh chấp Tư bản / Cộng sản

Trong chính phủ liên hiệp lần thứ 2, chỗ dựa chính trị của Souvanna là sự thỏa thuận giữa các đế quốc và chỗ dựa quân sự là lực lượng trung lập trong nước, tức lực lượng Kong Le (thành hình sau đảo chính 8-1960). Một khi các đế quốc không còn thỏa thuận được với nhau nữa, hoặc khi lực lượng trung lập trong nước tan rã thì cái thế liên hiệp ở Lào phải sụp đổ.

Bắc Việt vốn cầm chịch mọi hoạt động của Cộng sản Lào, đã bày mưu tính kế phá rã hàng ngũ trung lập của Phouma. Đó là sự tách rời của nhóm Deuan Sunnalath ra khỏi lực lượng Kong Le.



Đề trả đũa, phe Kong Le đã ám sát Ngoại-trưởng trung lập thân Cộng Quinim Pholsena tại Vientiane ngày 1-4-1963. Thế là chiến tranh giữa nội bộ phe trung lập bùng nổ. Lực lượng Cộng sản và Deuan đã trục xuất lực lượng Kong Le ra khỏi Cánh đồng chum và khởi sự uy hiếp con đường độc nhất nối Luang Prabang với Vientiane. Giữa lúc chiến tranh đang diễn ra, Souphanouvong và Phoumi Vongvichit đã rút êm khỏi Vientiane về Khang Khay lập cơ sở đầu não mới.

Đầu năm 1964, Souvanna Phouma đã gặp Souphanouvong hai lần, một tại Săm Nưá vào tháng 2 và một tại Khang Khay vào tháng 4, nhưng đã chẳng hàn gắn lại được gì. Trong khi ấy thì ở Vientiane tướng Kouprasith Abhay và Siho Lanphouthacoul thuộc phe hữu lại đảo chính (19-4-

1964) nhằm lật đổ Phouma,

Phouma vẫn giữ nguyên được ghế Thủ-tướng. Tuy nhiên, phe trung lập đã không còn trung lập một nửa đi theo Cộng sản một nửa trở lại với phe hữu. Chính phủ Phouma cũng không còn giữ được tính chất liên hiệp lúc đầu mà rõ ràng đã tự biến thành hữu phái trong một cuộc chiến luôn luôn có khuynh hướng đảo thái thế đứng giữa.

Sự thay đổi này của Phouma đã được cụ-thể-hóa bằng công bố ngày 1-5-1964, theo đó ông ta đã được các phe phái ở Vientiane chấp thuận là đại diện cả trung lập lẫn hữu phái. Thế đứng của Phouma ở Vientiane được coi là khá vững, nhất là từ khi ông loại được hai tướng hữu phái Phoumi Nosavan và Siho Lanphouthakoul trong một cuộc chính biến do hai tướng này khởi xướng (31-1-1965). Năm 1966, ông ra lệnh đặt quân trung lập dưới quyền chỉ huy trực tiếp của bộ tư lệnh Vientiane. Kong Le không chịu, nhưng cũng không bỏ theo Cộng-sản nên đã tự lưu vong sang Thái rồi sang Pháp.

Rút cục, Vientiane chỉ còn một phe đó là phe hữu. Còn đối lập với Vientiane là phe Cộng, trong đó bao gồm cả lực lượng trung lập Deuan. Phe Deuan vẫn thường được Cộng-sản gọi là «Lực lượng trung lập yêu nước», sau này trở thành bộ phận nòng cốt của «Liên-minh các Lực lượng Trung lập yêu nước Lào» (1)



do Cộng-sản thành lập năm 1968. Trong số các Tổng trưởng trung lập của Chính phủ liên-hiệp cũ, Tổng trưởng nào tự đồng hóa với phe hữu thì ở lại chức vị, Tổng trưởng nào tự đồng hóa với phe tả thì ra mặt khu (Khamsouk Keola, Heuan Monkonvilay).

Chiến tranh mở rộng

Sự đổ vỡ của cuộc liên-hiệp gượng ép 1962 đã đưa xứ Lào vào trận chiến lần thứ hai kể từ khi có hiệp định đình chiến trên toàn cõi Đông-dương 1954. Chiến tranh Lào mang nhiều ý nghĩa khác nhau tùy theo nhận định hoặc theo cách nói có lợi (để tuyên truyền) của mỗi phe. Đối với Vientiane thì đây là cuộc chiến giữa Lào và Bắc Việt. Lào chiến đấu để chống lại quân xâm lăng Bắc Việt, nhưng vì thế yếu chống không nổi nên phải nhờ đồng minh (Mỹ) trợ giúp. Cộng sản Lào thì dĩ nhiên bao giờ cũng phủ nhận sự hiện diện của Bắc Việt và tự khoác cho mình chiêu bài «kháng chiến chống can thiệp Mỹ». Cảnh Mỹ cũng còn được Cộng sản kê thêm quân đội «tay sai hữu phái» (Vientiane), quân «phỉ» Vang Pao, quân Thái «đánh thuê». Các đế quốc cầm chịch cho cuộc chiến thì dĩ nhiên cũng cùng luận điệu với mỗi phe ở Lào, mặc dầu mỗi đế quốc đều tự hiểu rõ vai trò thật sự của mình. Có một số người Mỹ lại đưa ra một luận khá ngộ nghĩnh rằng thực chất chiến tranh Lào chỉ là một cuộc tranh chấp có tính cách lịch sử : đó là cuộc tranh chấp để không chế đất Vạn-tượng (Lan Xang) của Việt-nam và

Thái, Trong giai đoạn này. Việt-nam (Bắc Việt) đã tràn sang Lào, Thái không trực tiếp chống đỡ nhưng đã giúp rập Vientiane (qua Mỹ)

Nhìn từ khía cạnh khác, người ta có thể nhận thấy cuộc chiến quanh đi quẩn lại chỉ ở một số khu vực : tại Hạ Lào là khu vực hệ thống hành lang Hồ chí Minh của Bắc Việt, tại Thượng Lào là khu vực Cánh đồng chum. Bắc Việt đã giữ vững hệ thống đường mòn suốt 10 năm. Còn Cánh đồng chum thì đã bị giành đi giạt lại nhiều lần do các cuộc tấn công và phản công của đôi bên. Thường thường cứ mùa khô Cộng sản tấn công chiếm đoạt nhiều điểm trọng yếu ; sang mùa mưa quân hữu phái lại phản công giành lại. Chuyện này cứ lặp đi lặp lại hàng năm cho nên đã có người gọi chiến tranh Lào là «giặc mùa».



Năm 1964 là năm ghi dấu mức leo

thang thâm nhập lãnh thổ Lào của Bắc Việt, phần vì nhu cầu chuyển quân xuống Nam Việt-nam, phần vì phải cứu nguy cho quân Cộng-sản Lào. Trong cuộc tấn công mùa mưa của quân hữu phái, Cộng-sản Lào đã phải bỏ đường 13, nhất là hai thị trấn quan trọng Vang Vieng và Sala Phou Khoun; ngoài ra quân hữu phái còn lấn chiếm lập cả tiền đồn sâu vào lãnh thổ Phong Saly và Sầm Nứa.



Cuối năm 1967, tình hình Lào tương đối ổn định. Hữu phái Lào kiểm soát hoàn toàn được 50% và bán phần được 20% lãnh thổ. Tuy nhiên, từ tháng 1-1968 Lào đã bị Bắc Việt tấn công dữ dội song song với cuộc Tổng công kích tại Miền Nam



Về phía hữu phái, sau những mất mát nặng nề lúc ban đầu, các lực lượng địa phương cũng đã đoạt lại nhiều khu vực đáng kể. Tháng 5-1968 trong cuộc phản công đầu mùa mưa, quân hữu phái đã mở lại được đường số 9 tới Mường Phalane và khai thông được một số trục lộ tại Cao nguyên Boloven. Tại mạn đông bắc, lực lượng đặc biệt Vang Pao đã chiếm lại được hàng chục tiền đồn. Tới tháng 11-1968, Vang Pao đã tiến sâu vào tỉnh Sầm Nứa tới điểm chỉ còn cách Bộ Tư lệnh CS Lào có 20km. Tuy nhiên, tổng kết toàn niên, hữu phái cũng đã mất thêm một phần lãnh thổ.

Trong mùa mưa 1969, quân Vang Pao, với sự yểm trợ mạnh mẽ của không quân Mỹ, đã chiếm lại Mường Suôi, trục xuất CS Lào ra khỏi Cánh đồng chum và cả Khang khay.



Chiến trận 1971 đáng ghi nhận nhất là tấn công đường số 9 của quân đội VNCH nhằm cắt đứt hành

ang Hồ chí Minh và phá căn cứ hậu cần của BV ở Tchépone. Cuộc tấn công khởi diễn vào ngày 8-2-1971 và được mệnh danh là hành quân Lam sơn 719. Trận đánh đã diễn ra hoàn toàn trong lãnh thổ Lào và ở một tầm mức rất lớn lao, nhưng thực sự không có ảnh hưởng gì đến Vientiane. Chiến trận liên hệ đến quân đội hữu phái ngoài những cuộc giằng co cố hữu ở khu vực Cánh đồng chum, còn có trận đánh lớn ở Cao nguyên Boloven.

BV nỗ lực chiếm Cao-nguyên Boloven ở nam Hạ Lào nhằm nối kết khu vực này với các tỉnh bắc Kampuchia và tây biên VNCH để thành lập căn cứ địa Đông Dương (ba nước) và đồng thời cũng để mở đường tiếp vận xuống Kampuchia sau khi cửa khẩu Kompong Som (Sihanoukville) đã không còn sử dụng được nữa (từ cuộc đảo chính 3-1970). Tại Cánh đồng chum, quân Vang Pao được phi pháo Mỹ yểm trợ đã tấn công mở rộng vùng kiểm soát vào đầu mùa mưa. Hết mùa mưa, tháng 12-1971, quân BV lại tấn công quy mô với 2 sư đoàn 312, 316, 3 trung đoàn độc lập, một trung đoàn pháo, một bộ phận phòng không và một bộ phận xe tăng, đã dồn quân Vang Pao vào cứ điểm cuối cùng là Long Cheng. Long Cheng là nơi có Bộ Tư lệnh Quân khu II của Vang Pao, đồng thời cũng là một căn cứ chính của bộ phận Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) ở Lào. Cộng quân đã thâm nhập hàng rào phòng thủ cứ điểm Long Cheng, nhưng Long Cheng đã không mất nhờ phi pháo Mỹ yểm trợ đặc lực.

Sang tháng 3-1972, Vang Pao chiếm lại được Sam Thong, tới tháng 9 chiếm thêm được mầu nam Cánh đồng chum, nhưng giữa tháng 10 lại bị đẩy lui. Cuối năm 1972, Vang Pao tấn công lần nữa nhưng cũng lại bị đẩy lui, nghĩa là rút cục sang mùa khô Cánh đồng chum vẫn tiếp tục nằm trong tay Cộng quân. Ở Hạ Lào, chiến trận đã xảy ra xung quanh vùng Paksé. Thị trấn Kong Sédone ở bắc Paksé đã bị chiếm đi, đoạt lại nhiều lần trong suốt năm 1972.

Những trận đánh cuối năm 1972 và đầu năm 1973 trở nên dữ dội vì cả hai bên cùng cố tạo thế thượng phong để làm áp lực cho cuộc hòa đàm ở Vientiane (khai diễn 17-10-1972) giữa đại diện chính phủ Phouma cùng đại diện phe Cộng và thân Cộng. Quan trọng nhất là trận đánh đường 13 nối Vientiane với Luang Prabang. Cộng quân đã chiếm được 200km trên đường 13, trong đó có giao lộ chiến lược Sala Phou Khoun.

Tới ngày 21-2-1973, đôi bên đã ký kết hiệp định đình chiến, nhưng cũng như tại Việt Nam, tiếng súng đã không vì thế mà ngưng hẳn và hơn nữa, chưa có dấu hiệu gì cho thấy quân ngoại nhập chuẩn bị rút ra khỏi Lào.

PHẠM VIỆT CHÂU

Kỳ tới: Tiến tới hiệp-định đình chiến thứ 3.

Cuộc đời

Phật Thích - Ca

Ngay sau khi Phật nhập diệt Niết bàn, các hàng đệ tử đã nhận thấy sự cần thiết phải kết tập kinh điển để có thể duy trì giáo lý chân truyền của vị Đại Sư-phụ. Công việc đó được khởi sự trong kỳ Đại-hội đầu tiên tại Rajagrha (Vương-Xá thành), với sự tham dự của 500 tỳ kheo đã đắc quả A-la-hán, trong số đó có nhiều người là môn sinh trực tiếp của Đức Phật. Công cuộc kết tập kinh điển còn được tiếp tục và hoàn thành qua ba kỳ Đại hội nữa mà lần sau cùng được triệu tập tại Kashmira (Ca-thấp-di-la) vào khoảng năm 100 trước T.C. Điều đáng tiếc duy nhất là trong suốt những kỳ Đại hội này, đặc biệt kỳ Đại hội đầu tiên, là tiểu sử của Phật Thích-ca đã không được các đệ tử của Ngài lưu tâm biên soạn thành một bộ riêng biệt, đầy đủ và mạch lạc. Các học giả đời sau đã mất nhiều công khó nhọc chấp nối những phần rời rạc trong kinh điển để xây dựng lại tiểu sử của Phật, với những yếu tố lịch sử và huyền thoại lẫn lộn với nhau, và không thể biết rõ thuật giả cùng thời gian của những tài liệu đó. Sự kiện đáng tiếc này chỉ có thể giải thích được bởi truyền thống thờ ơ với công việc ghi chép lịch sử của dân tộc Ấn độ thời xưa.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể đòi hỏi có một tiểu sử chính xác của một nhân vật sống cách đây đã hai mươi sáu thế kỷ, nhất là nhân vật đó lại là một vị giáo chủ siêu phàm, được chính các đệ tử đương thời tô điểm thêm vào cuộc đời vốn dĩ phi thường của Ngài bằng những huyền thoại còn phi thường hơn nữa. Điều quan trọng là, dù tin hay không, người ta sẽ không thể thật sự hiểu được một tôn giáo nếu không chịu ghi nhận cả những yếu tố huyền thoại và lịch sử chung quanh cuộc đời của vị giáo chủ.

Phần tiểu sử này không có tham vọng tập hợp đầy đủ các tài liệu về cuộc đời đức Phật mà chỉ nhằm ghi lại những sự kiện chính yếu kèm theo một số huyền thoại có ý nghĩa đã được ghi chép trong các kinh điển nhà Phật. Những tài liệu này được sắp xếp theo một thứ tự liên tục để

có thể trình bày một cách tương đối mạch lạc các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời đức Phật.

Thời niên thiếu

Đức Phật xuất thân ở một gia đình quyền quý, họ Gautama thuộc bộ tộc



Đản sinh Đức Phật, hình nổi tại Gandhara

Shakya (1), khi ấy đang cầm đầu một tiểu quốc mà địa giới nằm giữa xứ Nepal và Ấn độ ngày nay. Kinh đô đặt tại thành Kapilavastu (Ca-tì-la-vệ).

Thân phụ là tiểu vương Suddhodana, (2) thân mẫu là hoàng hậu Mà-yà Devi. Theo lời tự thuật của Phật (3) thì trước đó Ngài đang ngự trên cõi trời Đâu-Suất (Tusita : Hi lạc) và nhờ công quả của các kiếp trước Ngài chỉ còn tái sinh một lần chót ở hế gian để trở thành bậc toàn giác. Ngài lựa chọn đầu thai nơi bà Mà-yà bằng cách nhập vào sườn bên mặt trong lúc bà đang ngủ. (4) Vì tính

Kosala. Sujāta, vì lỡ hứa thỏa mãn một thỉnh nguyện của bà vợ nhỏ, đã phải chấp nhận truyền ngôi cho con bà này và lưu đầy 10 người con lớn của ông ra khỏi vương quốc. Mười người này, năm trai và năm gái, đi tới chân núi Hi-mã (Himalaya) thì gặp đạo sĩ Kapila. Theo lời khuyên của ông, họ thiết lập thành Kapilavastu, có nghĩa là "trú sở của Kapila". Mười anh em sau đó lấy nhau và lập thành một thị tộc mới mang tên là Shakya. Gautama là một chi của thị tộc này.

(2) Suddhodhana có nghĩa là thực phẩm tinh khiết, do đó Trung-hoa dịch là Tịnh phạn vương.

(3) Digha-nikaya XVI và Majjhima-nikaya III.

(4) Có thuyết kể rằng Phật đầu thai dưới hình ảnh một bạch tượng có sáu ngà, nhưng theo một thuyết khác thì Phật lúc mới đầu thai đã lớn bằng một bào thai sáu tháng. Bà Mà-yà mang thai được coi là vô nhiễm vì đức vua và hoàng hậu không có con và đã trai giới một thời gian.

(1) Truyền thuyết cho rằng thị tộc Shakya là dòng dõi của mặt trời. Họ này đã có nhiều đời làm vua, kể từ Mahasammata xuống đến Sujāta, trị vì ở vương quốc

chất vô nhiễm, bào thai không nằm trong tử cung mà được bao trong một lớp ngọc quý và được nuôi dưỡng chỉ bằng một giọt cam lộ chứa đựng trong một bông sen mọc cao lên đến tận trời Phạm Thiên và nở đúng vào ngày Phật đầu thai. Chính Thần Phạm Thiên đã hứng lấy giọt cam lộ này cho thai nhi uống. Trong suốt thời kỳ mang thai, bà Màya được hoàn toàn lành mạnh cả về thể chất cũng như tinh thần. Bà cũng có thể nhìn thấy rõ đầy đủ hình thể của bào thai như nhìn qua một tấm gương trong.

Gần tới ngày sanh, theo tục lệ đương thời, bà Màya lên đường về quê ngoại. Một buổi sáng đẹp trời, bà ngự chơi vườn Lumbini (Lâm-ti-ni). Trong lúc hoàng hậu đứng nghỉ dưới một cây vô-ưu (ashoka) thì thái tử ra đời, từ nơi nách bên mặt của bà. Thần Shakra (Indra) và Phạm Thiên (Brahmà) hiện ra đề đỡ lấy thái tử, và ngay khi đó, thái tử đứng trên một bông sen, có lọng che, tiến bảy bước về hướng Bắc, một tay trở lên trời một tay trở xuống đất và thốt lên câu «Trên trời dưới đất chỉ có ta là cao cả» (Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn) (1) Nói xong, thái tử lại trở về trạng thái hài đồng như mọi trẻ sơ sinh khác. Sự kiện này có ý nghĩa báo hiệu sự ra đời của một đấng cứu thế và được mệnh danh là «Sur tử Hống» (Simhanàda) tiếng gầm của chúa tể các loài vật. Hai con rồng hiện ra phun nước tắm cho thái tử, một vòi ấm một vòi lạnh.

Toàn thể thế gian rung chuyển sáu lần, nhã nhạc vang lừng trên bầu trời, muôn loài hoa đua nhau nở trái mùa, ánh sáng rọi chiếu đến tận cùng địa ngục, và vạn vật chúng sinh đều tươi tỉnh hân hoan. Hôm đó nhằm ngày trăng tròn tháng Vaishàkha

(1) Kinh Digha Nikaya XIV chép sự kiện này như sau : « Theo đúng lệ, khi một đức Phật ra đời, Ngài đứng thẳng, tiến bảy bước về hướng Bắc trong khi có một chiếc lọng trắng che trên đầu. Ngài ngảnh mặt về bốn phía rồi thốt lên giọng nói lớn như tiếng rống của con bò mộng : Ta là chúa tể của thế gian, ta sống xưa nhất ở thế gian, ta là bậc đầu tiên của thế gian. Đây là lần ra đời sau chót của ta. Từ nay ta không còn tái sinh nữa ». (Trích lời dịch của Rhys Davis trong *Gotama, le Bouddha*, E.H. Brewster hợp soạn, bản Pháp văn của nhà xuất bản Payot, Paris, 1951, trang 24).

Nếu ta chỉ căn cứ vào câu Hán văn «Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn» thì có thể giải thích chữ «ngã» ở đây không phải là lời Phật tự xưng mà chính là đề nói về cái Ngã đại đồng hay Phật tính. Giải thích này tuy khéo léo nhưng không xác đáng, và cũng không thích hợp với tinh thần của Phật giáo nguyên thủy. Có lẽ ta nên hiểu sự kiện này theo ý nghĩa của một huyền thoại do các vị đệ tử của Phật sáng tạo ra cốt làm nổi bật giá trị siêu việt của đạo Phật và tính cách cứu đời của Ngài, giữa cơn khủng hoảng trầm trọng về tư tưởng và tín ngưỡng đương thời ở Ấn Độ. Giả thử sự kiện này có thật thì ta phải hiểu đức Phật nói đến mình như một tấm gương giải thoát cá nhân mà những người khác phải noi theo, bởi lẽ mọi người ai cũng có thể trở thành Phật được. Dầu với bất cứ ý nghĩa nào trên đây, không ai có thể gán cho lời nói của Ngài có ý nghĩa tự cao tự đại như thái độ tầm thường của người thế tục.

(tháng năm) năm 563 tr. T.C. (1)

Năm ngày sau, thái tử được rước tới đền Vô-Ủy (Abhaya) ở kinh đô để ra mắt chư Thiên của bộ tộc Shakya và làm lễ đặt tên. Vua cha đặt tên cho thái tử là Siddharta (Tất đạt đa) có nghĩa là «người được toại nguyện». Các đạo sĩ bà la môn được mời đến để tiên đoán vận mệnh tương lai cho thái tử. Sau khi quan sát 32 tướng chính và 80 tướng phụ, họ đều kết luận là thái tử hoặc sẽ trở thành một bậc minh quân vĩ đại nhất thế gian, hoặc sẽ từ bỏ thế tục để đi tu thành Phật. Bấy giờ có nhà tiên tri là Asita (A tư đà) đang ngụ trong thế giới chư thần, nghe tin mừng chấn động cả cõi trời, bèn xuống trần tới cung điện vua Suddhodana đòi được vào thăm thái tử. Sau khi quan sát tướng mạo thái tử, Asita bỗng thốt lên tiếng cười, nhưng cười rồi lại khóc. Trước sự kinh ngạc của mọi người, nhà tiên tri giải thích rằng ông rất vui mừng vì được biết sau này thái tử sẽ đắc quả Phật và giảng Pháp cứu đời, nhưng ông cũng vô cùng đau khổ vì biết mình không còn sống được bao lâu để được nghe pháp và chứng kiến công quả của Ngài.

Bảy ngày sau khi thái tử ra đời, bà Màya qua đời và được tái sinh trên tầng trời Tusita (Đâu Suất hay Hỉ Lạc). Thái tử được bà dì là Mahà Prajapati Gautami nuôi dưỡng cho tới năm bảy tuổi. Đến tuổi đi học, thái tử được lần lượt giảng dạy đủ sáu mươi bốn ngành học thuật (kalajñana) bao gồm cả văn, võ và nghệ

thuật. Cậu học trò thông minh xuất chúng đến độ các vị sư phụ đều phải thán phục. Sách Lalitavistara kể rằng trong lớp học chữ viết, thái tử đã đọc ra 64 thứ văn tự mà chính thầy dạy cũng không biết được hết. Còn có nhiều chuyện kỳ lạ khác trong thời kỳ này, chẳng hạn một ngày kia, Siddharta ngồi suy tư dưới một bóng cây, và bóng cây đã không dời đổi vị trí theo hướng chiếu của mặt trời để có thể tiếp tục che mát cho thái tử.

Hôn nhân và tiếp xúc với đời.

Năm 16 tuổi, Siddharta kết hôn cùng công chúa Yashodhara, cũng dòng họ Shakya. Về điểm này, truyền thuyết kể rằng thái tử đã phải trải qua một cuộc thi võ và bắn cung, hạ được hết các đối thủ mới lấy được công chúa. Đặc biệt là cây cung Simhahanu, chỉ có một mình thái tử là

(1) Về năm đản sinh của đức Phật có nhiều thuyết khác nhau. Đáng tin cậy hơn cả là cách tính dựa vào sử liệu Divampasa của Tích Lan, theo đó thì Phật nhập diệt 218 năm trước năm đăng quang của vua A-Dục (Ashoka) hay 162 năm trước năm đầu của triều đại Chandragupta. Các học giả ngày nay thường xác định năm đầu ấy là 321 trước T.C. Vậy năm Phật nhập diệt phải là $321 + 162 = 483$ trước T.C. Vì Phật thọ 80 tuổi nên năm sinh của Ngài phải là $483 + 80 = 563$ trước T.C.

Tuy nhiên, Đại Hội Phật giáo thế giới năm 1952 đã quyết định lấy năm 543 trước T.C. làm năm Phật nhập diệt Niết bàn, và tính Phật Lịch khởi đầu từ năm đó. Năm sinh của Phật, do đó, là $543 + 80 = 623$ trước T.C. Không rõ Đại Hội Phật giáo thế giới đã căn cứ vào những chứng liệu nào để ấn định niên đại như trên.

dương lên và bắn nôi mũi tên mà thôi. Trong mười ba năm sau khi thành hôn, thái tử hoàn toàn sống trong cuộc đời vương giả, không hay biết gì đến cuộc sống đau khổ ở bên ngoài. Kinh Tăng nhất A-hàm (Anguttara-nikàya) có chép lại lời của Phật mô tả giai đoạn ấy như sau :

«Đời sống của ta thật là tế nhị, vô cùng tinh vi. Trong hoàng cung, chỗ ta ở, phụ hoàng có đào ao, xây những đầm sen, Khi sen xanh đua nhau khoe màu ở đây thì sen đỏ vươn mình phô sắc bên kia, và trong đầm bên cạnh, sen trắng đua nhau tranh đẹp dưới ánh nắng ban mai. Trầm hương của ta dùng đều thuộc loại thượng hảo hạng từ xứ Kasi đưa tới. Khăn và xiêm áo của ta cũng may bằng hàng lụa bạc nhất từ Kasi chở đến.

«Ngày cũng như đêm, mỗi khi ta bước chân ra khỏi cung điện là có tàn lọng che sương đỡ nắng.

«Phụ hoàng cũng kiến tạo riêng cho ta ba tòa cung điện. Một để cho ta ở mùa lạnh, một mùa nóng và mùa mưa. Trong suốt bốn tháng mưa ta ngụ tại một biệt điện có đầy đủ tiện nghi, giữa những cung tần mỹ nữ. Cho đến hàng nô tỳ của ta cũng được ăn sung mặc sướng chứ không phải như ở các nhà khác, gia đình chỉ được ăn cơm xấu và thức ăn cũ». (1)

Tuy nhiên, cuộc sống hạnh phúc vật chất ấy đã không thể kéo dài mãi đối với một tâm hồn ham suy tư và đầy khát vọng tâm linh. Bởi vậy có bốn

chuyến du ngoạn ra ngoài hoàng cung đã ảnh hưởng quyết định đến tương lai của thái tử. Lần thứ nhất, thái tử gặp một cụ già tóc bạc, lưng còng, tay chân run rẩy ; lần thứ hai, gặp một kẻ bệnh hoạn đau đớn rên la ; lần thứ ba, gặp một thầy ma đưa lên đàn hỏa. Mỗi lần được người xa phu giải thích về những hình ảnh không thể tránh được ấy của đời sống, thái tử càng ý thức được rõ rệt ý nghĩa thâm sâu về tình trạng khổ não và nhu cầu giải thoát. Lần thứ tư, thái tử gặp một nhà tu với thái độ an nhàn thư thái thì bỗng nhiên cảm thấy được con đường thoát khổ.

Giữa lúc ấy, công chúa Yashodara sinh được một hoàng nam. Siddharta không lấy làm vui mừng vì từ nay phải mang thêm một liên hệ ràng buộc với cuộc đời thế tục, vì vậy đặt tên cho con là Ràhula, có nghĩa là trời buộc. Nhận thấy không thể kéo dài cuộc sống giàu sang nhưng bất lực trước khát vọng về hạnh phúc chân thực và vĩnh cửu của con người, thái tử quyết định từ bỏ hoàng cung để lên đường tầm sư học đạo. Năm ấy thái tử được 29 tuổi.

Tìm chân lý

Chuyến ra đi của thái tử được mệnh danh là cuộc Đại Khởi Hành (mahàbhiniskramana). Nhằm đúng ngày sinh nhật của mình, nửa đêm, thái tử truyền cho người hầu cận

(1) Trích theo Nàrada Maha Thera trong *The Buddha and His Teachings*, bản dịch của Phạm Kim Khánh Đức Phật và Phật Pháp, 1971, tr. 28-29.

thân tín là Chandaka (Xa-Nặc) thắng yên cương con ngựa Kanthaka (Kiền-Trắc) rồi bí mật trốn ra khỏi hoàng cung sau khi đã ghé vào thăm vợ con khi ấy đang còn yên giấc.

Thái tử nhằm nẻo Đông nam đi luôn một mạch cho tới sáng. Khi đã vượt qua sông Anomà (Neranjara), thái tử dừng ngựa trên bãi cát, tự cắt tóc cạo râu, lột bỏ xiêm y để khoác lên một tấm y vàng rồi truyền cho Chandaka dắt ngựa trở về. Khi ấy, vua Suddhodana cũng vừa hay tin thái tử đã ra đi, liền cho người đi lùng kiếm khắp nơi, nhưng khi Chandaka trở về cho biết rõ ý chí cương quyết của thái tử thì nhà vua đành phải chấp nhận vì đã nghiệm đúng lời tiên tri của đạo sĩ Asita ngày trước.

Trở thành một nhà tu khổ thực, Siddharta Gautama đi tới thành Vai-shali (Tỳ-xá-ly hay Quảng nghiêm thành) theo học nơi đạo sĩ Àrada Kàlāma. Chỉ trong một thời gian ngắn, Ngài đã học hết giáo lý của đạo sư, chứng được cảnh giới Vô-Sở-Hữu-Xứ Thiên và được Kàlāma mời hợp tác giảng dạy chúng đệ tử. Tuy nhiên Gautama chưa được toại nguyện với trình độ giác ngộ này nên xin cáo biệt đạo sư. Lần này, Ngài tới Rajagṛha, thủ đô của Vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà). Tại đây, vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la, hay Bình-sa vương), nghe danh vị đạo sĩ trẻ tuổi nên tìm đến tịnh thất của Gautama để bàn luận. Sau cuộc gặp gỡ, nhà vua có ý định nhường lại một nửa vương quốc cho Gautama để tỏ lòng ngưỡng mộ của mình.

Gautama từ chối nhưng hứa sẽ truyền lại chân lý tối thượng cho nhà vua sau khi Ngài đã đắc đạo. Sau đó Gautama đến thọ giáo với đạo sư Udraka Rāmaputra. Cũng chỉ trong một thời gian ngắn, Gautama đã thấu triệt giáo lý của thầy và chứng được cảnh giới Phi-tướng Phi-Phi-tướng, tức là đệ bát Thiên Vô Sắc. Đây là bậc cao nhất của Thiên Vô-Sắc, đứng đầu tam giới. (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới). Khi đắc được thiền này, tâm trở nên vô cùng tinh vi, tế nhị đến nỗi không thể nói được là có tâm hay không. Thời bấy giờ, không có ai đắc được thiền nào cao hơn nữa. Tuy nhiên, cũng như lần trước, Gautama vẫn chưa được mãn nguyện; vì vậy, dù được Rāmaputra giao phó trọn quyền giảng dạy các đệ tử, Gautama vẫn một mực chối từ và xin cáo biệt. Lần này, vì không còn vị đạo sư nào khác siêu việt hơn, Gautama quyết định tự thực hiện lấy cứu cánh giải thoát. Có năm đệ tử bà-là-môn xin đi theo và được chấp thuận, đó là: Anna Kaundinya (Kiều-Trần-Như), Bhaddiya, Vappa, Assaji và Mahānāma. Sáu thầy trò tìm đến một khu rừng êm tĩnh, cạnh dòng sông Neranjara (nay là Lilanj) và lập tịnh thất tại đó.

Trong sáu năm trời, đạo sĩ Gautama tự khép mình vào những phép tu cực kỳ khổ hạnh mà các bậc muni tự cổ thời vẫn ca ngợi là con đường khó khăn nhất nhưng hữu hiệu nhất để đạt đạo giải thoát. Từ nay, Ngài mang thêm danh hiệu mới là Shakyamuni (Thích-ca Mâu-ni, đạo sĩ trăm họ Thích-ca).

Lúc đầu, Ngài thực hiện các phép nín thở và phải chịu sự đau đớn cùng cực của thể xác. Hãy xem một đoạn trong kinh Trung A-hàm (Majjhima-nikàya) ghi lại lời tường thuật của chính đức Phật :

«... Rồi tôi kiểm soát hơi thở vô, thở ra bằng miệng, mũi và tai. Và lúc tôi ngừng thở thì hơi bị dồn lại đập mạnh trong đầu tôi. Như có người thật mạnh khoan vào sọ tôi bằng một lưỡi khoan thật bén, hơi đập vào đầu tôi cũng làm đau đớn như vậy.

«... Lần nữa, tôi tự nghĩ : Ta hãy tham thiền về sự nín thở một lần nữa. Khi tôi kiểm soát hơi thở như thế thì một luồng gió mạnh xuyên qua bụng tôi. Tên đồ tề, thiện nghệ hay mới tập sự, dùng dao bén rạch một đường trên bụng làm đau đớn thế nào thì luồng gió mạnh xuyên qua bụng tôi cũng làm đau đớn dường ấy.

«... Lần nữa tôi tự nghĩ : Ta hãy tham thiền về sự nín thở một lần nữa. Lần này tôi cảm giác như có một ngọn lửa to khủng khiếp bùng lên và bao trùm lấy tôi. Như có một người mạnh nắm chặt một người yếu và đặt lên một đồng lửa than đang cháy đỏ cho tới lúc than hoàn toàn thiêu rụi, lửa thiêu đốt thân tôi lúc ngừng thở cũng nóng như thế ấy.»

Tiếp theo đó, Gautama Shakyamuni hành pháp tuyệt thực cho đến độ thân thể chỉ còn da bọc xương và gần kề sự chết. Đây là một đoạn kinh khác về việc này :

«... Vì thiếu vật thực, những bộ

phận lớn và nhỏ trong thân tôi ốm gầy không khác nào những cọng cỏ ống hay những cây đấng tam thảo. Bàn tọa của tôi chỉ còn bằng cái móng của con lạc đà. Xương sống tôi cũng như một xâu chuỗi dựng đứng lên và cong lại. Xương sườn tôi tựa như một cái sườn nhà bị sụp đổ. Tròng mắt tôi không khác nào hình ảnh của những ngôi sao mà ta có thể thấy dưới lòng một giếng sâu. Trái mướp đắng còn tươi đem cắt ra và phơi khô, gặp gió và nắng làm cho da mướp nhăn nhúm và héo tàn thế nào thì da tôi khi ấy cũng nhăn nhúm và héo tàn thế ấy.

«Khi muốn rờ da bụng thì tôi đụng nhằm xương sống. Và khi muốn rờ xương sống thì tôi lại đụng nhằm da bụng. Vì thiếu vật thực, da bụng tôi ép sát vào xương sống, và lúc muốn đứng dậy đi tiểu tiện thì tôi lóng cồng té xuống đất. Tôi đập nhẹ chân tay để làm cho thân mình sống lại. Than ôi, lúc đập như thế, lông trên mình tôi rơi rụng lả tả vì đã chết gốc. Những người thấy tôi như vậy thì nói : Đạo sĩ Cồ-đàm đen. Vài người khác nói : «Đạo sĩ Cồ-đàm không đen mà xanh dương». Cũng có người nói : «Đạo sĩ Cồ-đàm không đen cũng không xanh dương mà nâu sậm»..(1).

Đến lúc ấy thì đạo sĩ Gautama phát hiện ý nghĩ rằng tất cả những phép tu cực đoan đều chỉ làm tổn hại cả về thể xác lẫn tinh thần, do đó không thể nào đạt được giác ngộ. Ngài quyết

(Xem tiếp trang 89)

(1) Sách dẫn trên, tr 42-45 (lược trích).

Sách do An Tiêm xuất bản :

- KHUNG CỬA HẸP của André Gide
sách in lần thứ 5, ấn loát toàn trên giấy đẹp và một phụ bản 4 màu của Đinh Cường.
- ÁO NGHĨA THU *Upanishads*
do Aurobindo bình giải, Thạch Trung Giả dịch.
- THỰC HIỆN TOÀN MÃN, *Sâdhanâ*
của Rabindranath Tagore
bản dịch của Nguyễn Ngọc Thơ
- KẸ LẠ Ở THIÊN ĐƯỜNG
của Simone Weil, bản dịch của Phùng Thăng
- TÔI VÀ EM
truyện dài của Hoàng Ngọc Tuấn
- MỘT THỜI ĐỀ YÊU VÀ
MỘT THỜI ĐỀ CHẾT
tiểu thuyết của Remarque, bản dịch của Cô Liêu,
sách in lần thứ 4.
- HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC
sách của Kim Định, in lần thứ 2.
- TẶNG VẬT
của Rabindranath Tagore
Đỗ Khánh Hoan dịch và giới thiệu.
- THIÊN LUẬN (III)
của D.T. Suzuki bản dịch của Tuệ Sỹ
- THIÊN HỌC GIANG THOẠI
của D.T. Suzuki, bản dịch của Nguyễn Ngọc Thơ.
- TỊNH KHẦU
Thơ Nguyễn Đức Sơn

☞ Những sách rao ở trên có cuốn đã phát hành, có cuốn đang in và tất cả sẽ phát hành trong tháng 5 và 6-73. Các vị mua sách lẻ và các hiệu sách xin liên lạc với những địa chỉ sau đây : nhà ĐỒNG NAI, 240, Đề Thám Saigon, nhà LÁ BỐI, Chung cư Minh Mạng Saigon và 243 Hồng Thập Tự Saigon...

NGỤ NGÔN

Sau khi còn người phát minh ra được tiếng nói để có một biểu tượng diễn tả nội tâm mình, họ cũng đã tiến thêm một bước nữa để biểu tượng ấy trở thành vô cùng điêu luyện trong hình thức ngụ ngôn.

Một nếp biểu-tượng của con người.

Từ Trang tử đến La Fontaine danh từ *ngụ ngôn* được gán cho những chuyện bịa ra để dạy đời. Sự thật thì trước Trang tử và sau La Fontaine, ngoài châu Á châu Âu cũng đã có ngụ ngôn. Nước nào lại chẳng có những câu tục ngữ thuộc loại lấy chuyện này để ngụ ý kia như «rau nào sâu ấy, tre già măng mọc», hay «đạp vỏ dừa, thấy vỏ dừa thì sợ (kinh cung chi điều, kiến khúc mộc nhi cao phi; chat échaudé craint l'eau froide; once bitten twice shy)» không phải là chuyện con sâu, cây tre hay con mèo mà là chuyện con người, không phải con người đạp vỏ dừa hay bị cắn xé, mà con người đã trải qua một kinh nghiệm hãi hùng. Rồi nhiều thần thoại, nhiều cổ tích như chuyện Tấm Cám, chuyện Thạch Sanh Lý Thông, chuyện chàng Sisyphe, cả những ẩn dụ (paraboles) trong Kinh Phật và Thánh Kinh, nếu không có ý nghĩa ngụ ngôn thì không có lý do tương truyền để mà tồn tại.

Có lẽ sau những hình thức xưa ấy mới có những ngụ ngôn theo nghĩa quen thuộc bây giờ: Bên Tây phương,

nhà ngụ ngôn xưa nhất của Hy Lạp là Ésope. Tương truyền ông là một người nô lệ được phóng thích vào khoảng 5.600 trăm năm trước Tây lịch, đã có chuyện bắt hủ về *cái lưới* mà ngày nay gần như dân tộc nào cũng biết: Chủ nhà là Xanthos sai Ésope ra chợ mua món ăn nào là ngon nhất, ông ta đã mua một cái lưới. Bữa khác, chủ lại sai ông mua món ăn nào dở nhất, Ésope cũng lại mua một cái lưới. Lời giải thích của người nô lệ về những hành động giống nhau mà có ẩn ý khác nhau đã là những lời «dạy khéo» cho chủ nhà và cho tất cả mọi người trong thiên hạ.

Nếu hiểu rằng ngụ ngôn nói rộng là *chuyện bịa ra để ngụ một ý dạy đời* thì phải kể nhiều truyện, tiểu thuyết xưa và nay: Những nhân vật trong truyện Kiều, trong Tam quốc chí, trong bộ La Comédie humaine của Balzac sẽ được nhắc đến muôn đời vì muôn đời vẫn có những người như họ, ở hoàn cảnh giống họ. Ngày nay ai cũng biết A. Camus viết quyển L'Étranger thì không phải chỉ để kể chuyện riêng của một anh chàng Meursault nào đó, mà gặp việc gì cũng hờ hững, bất sá, thốt ra: «Ca m'est égal». Và ở tận cùng giới tuyến, còn có lịch sử nữa: những trang sử sáng chói nhất chính là những trang sử mang nhiều tính chất ngụ ngôn nhất: Dù Michelet có tô lục chuốt hồng lịch sử Pháp để dạy người Pháp yêu nước Pháp, ông cũng được coi như một sử

gia; dù Khổng-tử có tự ví mình như Lão-Bànb, một sử-gia trung thực của nhà Thương, có phân bua rằng mình chỉ «thuật nhi bất tác» và chép việc biên niên vắn tắt trong Kinh Xuân Thu, không ai bảo bậc vạn-thế-sư ấy là sử-gia bao giờ cả. Bởi vì dù nói rằng cái có thật nhất mới đáng là sự kiện lịch sử nhất thì cũng chỉ có cái quan điểm của người viết sử là có thật nhất: Trong bao nhiêu cái có thật đã xảy ra, chính nó đã hướng dẫn sự chọn lựa trong những cái có thật ấy, và ý nghĩa của lịch sử là do những cái đã được chọn lọc, sắp xếp để đưa vào sử mà có, chứ không phải do toàn thể hỗn độn, không kể xiết những sự việc đã xảy ra, mà nếu có ghi nhận lại được tất cả, thì cũng vượt ra ngoài tầm nhận thức của con người. Cho nên dù muốn dù không sử cũng chỉ phản ánh được trung thực cái ý đồ của người viết sử, cũng như những chuyện bịa trong một bài ngụ ngôn phản ánh đúng cái ý hướng của người đặt ngụ ngôn.

Có nhiều nguyên nhân cho ta hiểu tại sao con người xưa nay đã cần đến nhiều hình thức ngụ ngôn như vậy:

Trước hết, nếu khả năng trừu tượng của trí não chưa xuất hiện ở trẻ con thì nó cũng không phải tự nhiên mà xuất hiện ở người lớn, không cần một cố gắng lâu dài: ngôn ngữ các dân tộc bán khai còn đầy đầy những hình ảnh cụ thể. Con người ngày nay vẫn còn thích nhận thức những gì cụ thể hơn là suy lý trừu tượng. Trong khi đó, tư tưởng,

đạo lý bao giờ cũng trừu tượng, vô hình. Phải vin vào một cạnh khía hữu hình mới nắm lấy nó được để mà truyền đạt cho người khác hay để mà từ đó suy luận thêm ra. Đúng như lối suy tư và giảng dạy của các nhà khoa học ngày nay vậy: Khi nhà toán-học suy tư về một chân-lý trừu tượng, họ cũng bắt đầu từ một hình ảnh cụ-thể: họ lấy phấn vẽ một cái vòng tròn lên bảng, dù cái vòng ấy có vụng về thô kệch đến đâu, nó cũng đủ cụ-thể để giúp họ tiến tới một mệnh-đề hoàn toàn lý-tưởng vô hình. Họ đã từng nói đùa với nhau rằng: «Hình-học là nghệ-thuật suy-luận đúng từ những hình vẽ sai», bởi vì cái vẽ-vời sai-chạy ấy không đáng ngại: cái hữu hình, hữu-dạng của nó để đập được vào trực-giác của trí não, mới là cần. Ở tư-tưởng, đạo-lý cũng vậy, đừng coi thường những ẩn-dụ có vẻ ngây-ngô trong các kinh kệ. Từ câu chuyện con rắn xúi vợ chồng Adam ăn trái cấm trong Thánh Kinh, tất cả triết-lý của đạo Thiên-Chúa mãi đến bây giờ còn từ đó suy ra mà chưa vơi được.

Cũng nhờ cụ-thể mà thâm-trầm như vậy, mà ngụ-ngôn khuyên dạy được mọi người, từ nhà quyền thế đến kẻ thất phu:

Con người cầu được dạy để khôn cũng như họ cần ăn để lớn; nhưng hình như họ không thích đánh mất cái hãnh diện «làm người như ai» và không chịu để cho ai trực tiếp khuyên dạy mình, tuy rằng không có cách nào khác hơn là chỉ có con người mới giáo-dục được con người.

Trong văn-từ sách vở xưa nay, những lời dạy trực-tiếp rất ít so với những lời dạy gián-tiếp : Khổng-tử là bậc Thầy mà muốn dạy đời, phải nhờ san-định lại Kinh Xuân Thu chép chuyện nước Lỗ, Kinh Thư chép những lời dạy bảo lẫn nhau của vua tôi thời xưa. Các nhà hiền-triết đời sau thì chỉ chép lại lời của Khổng-tử vì người ta dễ chấp nhận lời lẽ của những kẻ đã chết hoặc là của đệ-tam-nhân trong một câu chuyện nào đó, hơn là của một người đang đứng trước mặt mình hay còn đồng thời đang tranh chỗ đứng với mình dưới ánh mặt trời. Đó là chưa nói đến chuyện những kẻ quyền thế chẳng dung tha một ai có ý muốn hơn mình. Dương-Tu mới nghe cái mật-hiệu « Gân gà » mà biết được tâm-trạng Tào-Tháo là đủ để phải chết chém rồi, làm sao cản ngăn, dẫn dạy được những người như thế mà không dùng ngụ-ngôn ? Triều-đại Louis XIV là một triều-đại chuyên-chế, La Fontaine có cách gì nói lên ý-tưởng của mình về nhà vua và bọn quyền-thần hơn là bằng ngụ-ngôn ? (Thế mà cũng đã có lần nhà vua nổi giận không chịu chuẩn y việc ông được bầu vào Hàn-lâm-viện Pháp). Nước ta có Chu-văn-An, một nhà nho tiết-tháo, ra làm quan đời Trần, đã dâng sớ xin chém bảy quyền-thần gian nịnh ; không toại nguyện, ông đã lui về dạy học ; may ra không bị thù hiềm mà được sống đến già, nhưng ông cũng đã làm được gì ngoài việc ấy mà người sau thường nhắc lại chẳng khác nào một

ngụ ngôn vì trong thiên hạ đã có bao nhiêu Chu-văn-An như vậy ? (1)

Ngụ-ngôn một văn-thể

Có nhiều hình-thức đề người ta « ngụ-ngôn », nhưng điều đó không làm lu mờ một văn-thể *ngụ-ngôn* (fables) có qui-củ riêng biệt. Nhất là ở Tây-phương người ta sớm có sự phân-biệt lối nói hay bút-pháp ngụ-ngôn (allégorie, parabole hay apologue) với những bài ngụ-ngôn chính-danh mà thể-thức ngày càng được xác-định : Trong một bài ngụ-ngôn thì *nhân-vật* bao giờ cũng phải là hoàn-toàn bịa đặt ; Aristote (384-322 trước T.L.) chỉ chấp nhận những vai thú-vật, nhưng những người khác thì không theo vậy : cây cối (Le Chêne et le roseau), con người, thần-linh (Phébus et Borée), và cả hiện-tượng vô-hình như cái chết (La mort et le bûcheron) cũng được nhân-vật-hóa trong ngụ-ngôn. Ở Đông-phương, dưới ngòi bút của Trang-tử (một triết-gia đồng thời với Aristote bên Tây-phương) những nhân-vật lịch-sử, cả Khổng-tử, Lão-tử, cũng có lần được dùng làm nhân-vật ngụ-ngôn ; và cũng không có gì bảo đảm rằng trong các áng văn Bách-gia chư-tử đã không có như vậy.

(1) Chuyện này nhờ biểu tượng được một nghĩa khí phi thường mà người sau truyền tụng. Hơn một trăm năm sau, một sử-gia nhà Lê là Lê-Tung đã có câu : « Thất trăm chi sớ nghĩa động can khôn ». Nhưng sử không nói vì sao sớ này đã bị bác, mặt dù vua nhà Trần vẫn phong tước cho ông Chu-văn-An. Hay là cũng vì « nếu đem chém hết thì lấy ai làm việc » ?

Về cốt-truyện thì ngụ-ngôn Esope được coi như điển-hình với những cốt-truyện ngắn, đơn giản mà gây được bất ngờ thích-thú như những vở kịch một màn, nên ở Pháp, vào thế-kỷ thứ 12, 13, có một truyện dài gồm nhiều bài thơ mà các nhân vật toàn là những thú vật, nhưng không được gọi là ngụ ngôn, đó là quyển Roman de Renart, roman bảy giờ có nghĩa là «truyện kể» bằng tiếng roman (nói chung những tiếng hệ-thuộc ngôn-ngữ la-tinh). Chính nhờ ngắn như vậy mà ngụ-ngôn được dễ nhớ và tiện dùng trong lúc chuyện trò dễ dễ dàng phổ-biến trong đại-chúng. Về hình-thức thì từ văn xuôi với Esope, ngụ-ngôn được viết thành thơ có lẽ từ Socrate vì theo Platon, trong phần đầu của quyển Phédon, thì về già Socrate (470-399 trước T.L.) đã dùng thì giờ để diễn thành thơ những ngụ-ngôn của Esope. Ở Hy-lạp, vào thế kỷ thứ 3 còn có Babrius cũng làm việc này. Các nhà ngụ-ngôn La-tinh thì được nhắc đến nhiều hơn như Phèdre (thế kỷ thứ I trước và sau T.L.), Abstémius (thế kỷ thứ 16) vì các tác-giả sau này đã lấy nguồn ở nhiều ngụ-ngôn của các vị ấy. Từ thế kỷ thứ 16, ngụ-ngôn mới được viết và phổ-biến rộng-rãi ở Âu-châu. Đến thế-kỷ thứ 17 có John Gay nổi bật ở Anh, nhất là Jean de La Fontaine ở Pháp với những văn thơ bay bướm và dí dỏm rất duyên dáng đã đóng góp vào văn-thề ngụ-ngôn những nét độc-đáo. Nhưng thế-kỷ thứ 18 mới có nhiều nhà ngụ-ngôn hơn như G.E. Lessing

ở Đức, Fénelon, Florian ở Pháp, G.C. Passeroni, L. Pignotti... ở Ý và Ivan A. Krylov ở Nga, tuy không vượt qua nổi các tác phẩm nổi tiếng của thế-kỷ trước. Qua thế-kỷ 19, 20, những đề tài không có gì mới lắm, nhưng về thể tài thì đã có nhiều sáng kiến: Joel Chandler Harris (1848-1908) ở Mỹ đã viết cả một bộ sách gồm nhiều tác-phẩm lần lượt xuất-bản với nhân vật Brer Rabbit trong những câu chuyện của Uncle Remus. Walt Disney (1901-1966) đã có sáng kiến thực-hiện ngụ-ngôn bằng những hình cử-động. Gần đây từ 1950 trở đi, còn có lối trình bày ngụ-ngôn bằng họa báo và hiện nay các hí họa linh động mà nhân vật là các loài thú đang được các giới trẻ con và người lớn hâm mộ trên màn điện-ảnh khắp nơi.

Nhưng nguồn-gốc xưa nhất của những ngụ-ngôn thành văn lại được coi như phát xuất từ Phương Đông với những ngụ-ngôn của Pilpay (hay Bidpay) viết bằng tiếng Phạn ở Ấn-độ và những ngụ-ngôn Ả-rập, Ba-tur (1). Bên Á-đông ta, ngụ-ngôn được nhắc tới từ những nhà phê bình văn của Trang-tử (từ 3 đến 4 thế-kỷ trước T.L.). Có điều là các nhà ngụ-ngôn Á Đông không gán cho tác-phẩm mình cái tên ngụ-ngôn, bởi lẽ ở đây con người vốn trầm-tư mặc-tưởng thì dưới một lời có hai ý, dưới một chuyện có hai đề, là việc thường. Cho nên dù họ không bảo đó là ngụ-

(1) Ngụ-ngôn Le chat, la belette et le petit lapin của La Fontaine lấy nguồn từ quyển Ngụ-ngôn của Pilpay (Ấn-độ).

ngôn, những câu chuyện có qui-lệ chặt chẽ như ngụ-ngôn Tây phương, không phải là ít. Chỉ trong Cồ-học tinh-hoa của Nguyễn-Văn-Ngọc và Trần-Lê-Nhân, chúng ta đã thấy sưu tập được nhiều ngụ-ngôn; như chuyện Ba con rận kiện nhau (Hàn-phi-tử), con cú mèo và con chim gáy, rắn đời chổ (Thuyết-uyên), Con cò và con trai, hồ mượn oai hồ (Chiến-quốc-sách) mà nói chuyện... thì thú vật, ma quỷ cũng nói chuyện như người. Ở nước ta đã có Lục súc tranh công, Trê cóc, Trinh-thử đều viết bằng thơ, là những ngụ-ngôn xưa. Ngày nay, trừ những bản dịch ngụ-ngôn La Fontaine của Nguyễn-Văn-Vĩnh và một vài truyện ngụ-ngôn văn vần hay xuôi viết theo kiểu Tây-phương, người nước ta hằng ngày vẫn thường dùng ngụ-ngôn trong lời nói cũng như văn-chương mà không nói đó là ngụ-ngôn. Ngụ-ngôn đã đi vào nếp sống bình thường và cũng đã đi vào tín-ngưỡng vì có nơi người bình dân ta vẫn còn tin rằng ngày xưa thú-vật cũng biết nói như người và mười hai «con giáp» từ chuột đến lợn vẫn còn mang nhiều ý-nghĩa định-mệnh. Lại có khi ngụ-ngôn được bịa đặt đến độ chọc cười để biến thành chuyện *tiểu-lâm*, một hình-thức ngụ-ngôn rất đại-chúng như chuyện con Cò và con Cáo của La Fontaine.

H. Bergson, trong *Le Rire*, đã ví cái cười của người ta «như lớp bọt sóng biển có tác-dụng hữu-ích là chan-hòa những va chạm trên mặt để cho nước được yên tĩnh dưới sâu,

cho nên dưới một bề mặt vui-vẻ nhộn-nhàng có chứa phần nào cái «chua-chát» của muối mặn». Ngụ-ngôn mà trở thành *tiểu-lâm* đến độ đó thì quả là một nghệ-thuật trong sứ-mạng dạy đời, vì nó có vẻ nông-nổi bên ngoài để người ta dễ chấp-nhận, rồi sẽ ngấm thấu mặn-mà vào tận bên trong.

Với một lịch-sử mang nhiều thành-tích như vậy, ngụ-ngôn đã đóng góp đáng kể vào túi khôn của nhân-loại nói chung: nhiều thành-ngữ, tục ngữ đã hình thành từ ngụ-ngôn. Những chuyện bán da gấu, hội-đồng chuột, rùa chạy đua với thỏ, giết gà để trứng vàng, cái lý của kẻ mạnh, cô hàng sữa, mèo làm cho khỉ ăn, cười người hôm trước hôm sau người cười (trong chuyện con Cáo và con Cò)... là những kinh-nghiệm sống được học từ tuổi nhỏ trên khắp thế-giới qua ngụ-ngôn. Kinh-nghiệm lịch-sử là kinh-nghiệm riêng của mỗi quốc-gia, kinh-nghiệm lấy ở ngụ-ngôn mới là kinh-nghiệm chung cho cả nhân-loại.

Con cáo già biểu-tượng cho sự xảo-quyệt, con cừu non cho sự hiền-lành, con sói cho sự hung-tợn, kiến cho sự biết lo xa, mèo cho sự sâu hiềm «Grippeminaud», cây sậy cho sự mềm dẻo... là những biểu-tượng xuất thân từ ngụ-ngôn...

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
— Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
— Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
— Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
— BanMêThuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
— Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
— Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
— Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
— Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
— Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
— Vĩnh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xd-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xd-số
- 4% mỗi năm : để xd-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Kinh và Sữa : Đông và Tây

Nhân nữ tối đa tình, huyết chi sở hóa dã...
Hải-Thượng Lan Ông. — (*hâu ngọc cách ngôn*)

Thần-thoại Hy-lạp kể rằng thần Zeus đã lén mang đứa con thơ Herakles đến nữ thần Hera đang say ngủ để kiếm sữa cho con bú, mà không dám nhờ công khai vì vị chúa tể biết rõ Hera rất ghét con mình, ghét đến độ đã từng gửi đến tận nơi để làm quà cho chú bé cả một cặp rắn sống nhăn. Chuyện xưa đã gợi cảm hứng cho một nghệ sĩ nổi danh thành Venise, Jacopo Tintoretto (1518-1594) sáng-tác bức-tranh « Khởi-nguyên Ngân-hà ». Trên tác phẩm, nữ thần Hôn-nhân đã thức giấc, và đứa trẻ, bú no, cũng đã nhả vú. Hai giòng sữa bắn vọt ra từ hai nhũ phòng căng cứng: tia nhũ-trấp hướng lên Trời tạo thành giòng Ngân-hà, để cho người chinh-phụ đời sau ngắm « bóng Ngân-hán khi mờ khi tỏ », tia hướng hạ biến thành một vườn hoa bách-hợp, để cho trong mối tình Bích Câu, có kẻ « đi về tuyết điểm hoa thôn ». Nhưng bức tranh còn có ý nghĩa đặc biệt đối với y-khoa vì đã chứng tỏ họa-sĩ có một số vốn vững vàng về thần-kinh nội tiết học, nhất là trong phạm vi cơ lý sản sinh sữa (1), mà y lý hiện đại đang mỗi ngày mỗi hiểu rõ hơn. Còn trong quá khứ

thì sinh sữa và kinh nguyệt, hai hiện tượng sinh lý đặc thù của nữ phái, đã làm chầy không biết bao nhiêu giòng mực của giới nghiên cứu.

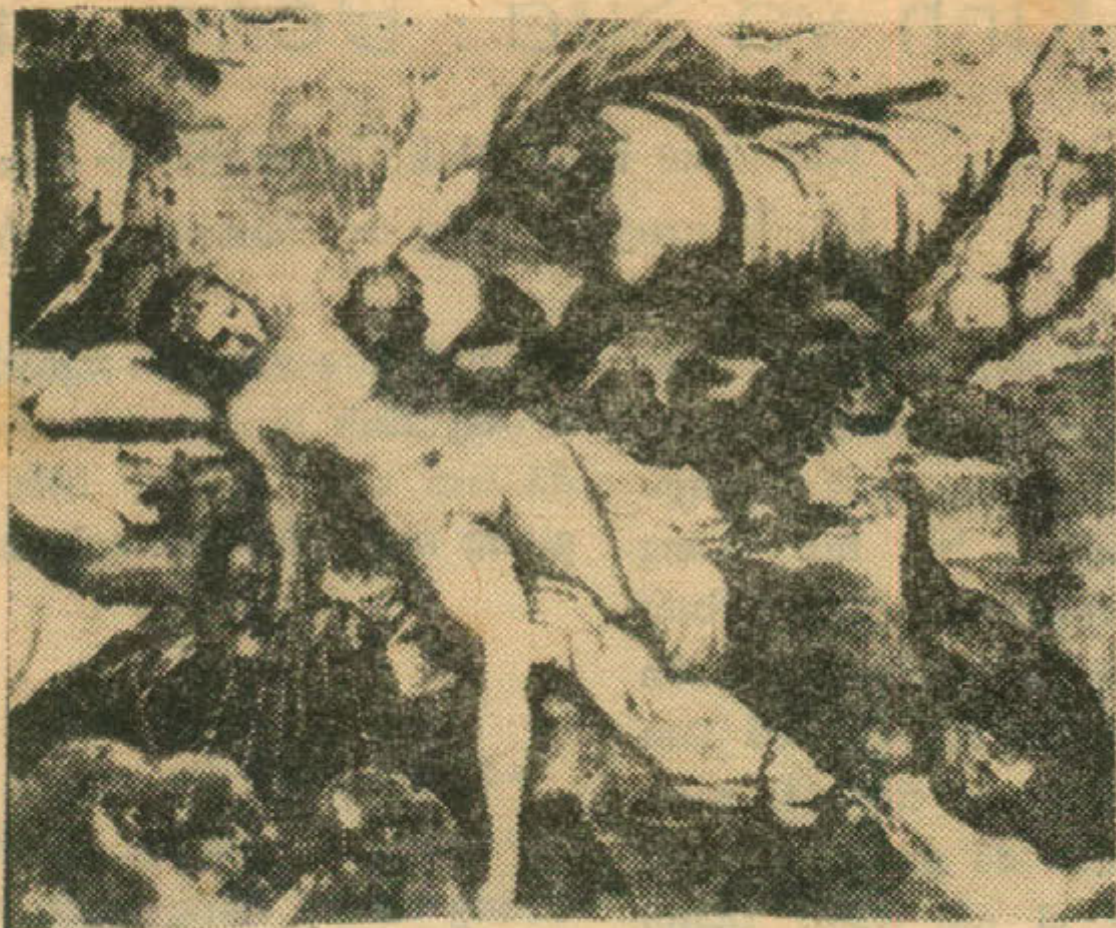
oOo

« Nhân thân tiêu thiên địa » thân thể con người là một vũ trụ thu nhỏ. Trong vũ trụ nắng mưa nóng lạnh có điều hòa thì muôn vật mới sinh-sản, tăng trưởng tốt tươi, trong con người âm dương khí huyết có điều-hòa thì kinh-kỳ mới đều-đặn, gần gũi mới dễ thụ thai. Đông-Y khi nói đến sự sinh dục của phụ nữ, là phải đề cập đến giác-độ điều-hòa của âm dương khí huyết.

Về cấu bản, sự hoạt động của tạng phủ kinh lạc khí huyết ở nữ-giới cũng giống nam-nhân. Tuy vậy, vẫn có một số điểm dị biệt quan yếu: chẳng hạn trong cơ thể học, thì chỉ phụ nữ là có bào cung; về sinh lý học, phụ nữ có kinh nguyệt, có thai sản, có sinh sữa để nuôi con cái... Với bệnh lý học, thì, nhìn một cách thực tổng quát, Đông-y nghĩ rằng chữa bệnh ở nữ giới thường có phần khó hơn chữa bệnh cho phái nam.

Cơ-quan trực-tiếp cấu-tạo nuôi-dưỡng thai nhi là bào cung, khí-quan bài-tiết nguyệt-kinh cũng là bào-

1.— S. J. Folly.— The milk-ejection reflex: a neuro-endocrine theme in biology, myth and art. *The Journal of Endocrinology*. Vol 44, No 4, Aug 1969, pp X-XX.



Jacopo Tintoretto.— *The Origin of the Milky Way*

cung. Do nơi công-năng đặc-thù của tử-cung, nên Nội-kinh còn gọi là « kỳ hăng phủ », một phủ khác thường. Nhưng sự hoạt-động chính thường của bào-cung cũng chịu ảnh-hưởng chặt-chẽ của rất nhiều cơ-quan, công-năng khác.

Nữ-tử khoẻ mạnh, từ (2x7) 14 tuổi đến (7x7) 49 tuổi, thì kinh nguyệt bắt đầu xuất-hiện, rồi cứ mỗi tháng thấy một lần, đều-đặn, định-kỳ. Nguyệt thường có hai nghĩa mà ai cũng biết: một là tháng, hai là mặt trăng; kinh là đường đi của khí huyết, có tính-chất tuần-hoàn theo chu-kỳ. Do nơi nguyệt-sự của nữ-giới mang tính-chất vòng kinh rất rõ-rệt, nên tiền-nhân phương Đông đem ví với mặt trăng. Trăng mỗi tháng tròn một lần, kinh mỗi tháng thấy một kỳ, tháng nào tháng nấy, không hề thay đổi, không bao giờ lỗi hẹn, không bao giờ đơn-sai,

rất trung-thành, rất thủy-chung, rất tín-nghĩa, cho nên mới gọi là nguyệt kinh, nguyệt kỳ, nguyệt sự, cũng có khi mệnh-danh là nguyệt-jin, là tín-thủy: có người đẹp nào không từng khắc-khoải đợi-chờ bản tin đặc-biệt hằng tháng ấy, chỉ sợ nó biến thành bản tin cuối cùng trong năm?

Cách đây gần 2.500 năm, — nếu chúng ta tin lịch thư Trung-quốc — thiên Thượng cổ thiên chân luận, sách Tổ-Văn đã nêu rõ:

« Nữ tử nhị thất nhi thiên quý chí, Nhâm mạch thông, Thái xung mạch thịnh, nguyệt sự dĩ thời hạ ».

Một câu ấy cô-động hầu hết sinh-lý chính thường của kinh-kỳ nữ-giới: khi con gái được mười bốn tuổi (nhị thất) thì có thiên quý, mạch Nhâm sẽ thông, mạch Thái xung sẽ thịnh, và kinh nguyệt sẽ ra đúng kỳ.

Hai chữ *thiên quý* rất phức-tạp. (1) *Thiên* là *tiên thiên* tức là từ đề chỉ tất cả những yếu-tố thai nhi thừa hưởng của cha mẹ, mà ta có thể đồng-hóa với quan-niệm về di-truyền của Tây-y cho dễ hiểu. *Quý* là *quý thủy*: thận là cơ-quan thuộc thủy, trong quan-hệ ngũ-hành, nhưng nếu phối-hợp với thiên can thì thận là *quý thủy*, trong khi phủ của thận, tức bàng quang, là *nhâm thủy*, bởi trong cặp *nhâm quý*, *nhâm* là dương, nên ứng với phủ, tức bàng quang; *quý* là âm, nên ứng với tạng, tức thận. Như vậy, thiên là *tiên thiên*, *quý* là *quý thủy*, với hai chữ *thiên quý*, Hoàng Kỳ muốn nói đến *thận khí*, vì lẽ thận là chủ thiên thiên, và *quý thủy* cũng chỉ là một mỹ-từ đề chỉ thận tạng. Mặt khác, Thái xung là thuộc can mạch, cho nên khi Tố-vấn ghi « mạch Thái xung thịnh » thì ta có thể hiểu là « can huyết thịnh » (vì can tàng huyết, theo sinh-lý-học Đông-phương). Tóm lại, bằng vào một câu ngắn, gọn, súc tích, Hiên Viên Kỳ Bá đã minh-định điều-kiện chủ-yếu sinh ra kinh nguyệt có quan-hệ mật-thiết đến can, thận và hai mạch *Xung, Nhâm*.

Khai-triển luận-điểm căn-bản ấy, các danh-y danh-gia đời sau đều xây-đắp học-thuyết của mình trên cùng một yếu-cương. Ta có thể nghe Lãn Ông chẳng hạn :

« Sữa nguồn gốc bởi huyết ở hai mạch Xung Nhâm mà ra. Khi chưa thụ thai thì tháng tháng huyết hành gọi là kinh nguyệt. Khi đã có thai thì huyết ở lại nuôi thai không hành kinh nữa. Khi sinh rồi thì biến

màu đỏ ra màu trắng làm sữa... (2) Trương - cảnh - Nhạc, trong *Phụ nhân qui* cũng cho biết :

« Sữa là do Xung, Nhâm, khí, huyết, hạ sinh kinh, thượng sinh nhũ, cho nên (nếu) trong thời-gian sản hậu, sữa ra ít là do khí huyết bất túc hoặc (nếu) không sữa là chắc chắn do Xung, Nhâm hư nhược mà ra » (3).

Mạch Xung là chỗ tụ-hội khí huyết của mười hai kinh và là nơi xung-yếu đề vận-hành khí huyết của toàn thân. Cho nên, thiên *Hỏa luận* sách *Linh xu* gọi là « thập nhị kinh chi hải », là « huyết hải » (bể huyết). Khởi đi từ bào cung, mạch Xung giữ vai-trò hàng đầu trong cơ - lý sản - sinh nguyệt-kinh, bởi tiền-nhân phương Đông quan-niệm người thiếu-nữ đến thời-kỳ phát dục thành-thục, tạng phủ khí huyết đều thịnh, thì *biến huyết đầy tràn, huyết chảy xuống và ra ngoài thành kinh nguyệt*. (4)

Mạch Nhâm là chủ phần âm trong cơ-thể (nữ giới thuộc âm, chủ huyết và huyết cũng thuộc âm), là chủ thai bào. Những chất như tân dịch, tinh

(1) Trần - văn - Tích. — Physiologie et pathologie cataméniales. Esquisse comparative oriento-occidentale. *Tập-San Quấn-Y Việt-Nam* Vol 38, 1972, pp 77-92.

(2) Hải-Tượng Lãn Ông. — *Y-tôn tâm lĩnh Châu ngọc cách ngôn Hạ thiên*. Câu thứ 11.

(3) Khuyết nhũ. Trong *Trung-Y Phụ-Khoa-Học giảng nghĩa*. Thành đô Trung-Y Học-viện chủ-biên. 1969, tr. 129-131.

(4) Nguyệt kinh sinh-sản đích cơ-lý trong *Trung-Y Phụ-Khoa-Học giảng nghĩa*. (tldd) tr. 1-4.

huyết đều thống thuộc mạch Nhâm, cũng lại là một kinh-mạch khởi đi từ bào cung, đi cùng ba mạch can, tỳ, thận hội-tụ nơi vùng bụng dưới. Có lẽ còn nên nói thêm là chữ nhâm, cũng đọc là nhậm, là nhiệm, theo từ-nguyên-học, có nghĩa là mang, gánh, thai, nghén.

Thành-phần của nguyệt-kinh chính là máu, là huyết. Phần tinh-hoa của thức ăn lọc lại, thông qua sự chuyển-hóa và phân-bố của tỳ vị, biến thành một chất nước. Chất nước ấy vận-hành lên phần trên của cơ-thể, chịu sự tác-động của phế-khí trở thành sắc trắng : *sữa đàn bà chính là chất nước trắng ấy*, theo Đông-Y. Chảy vào tâm mạch, sau khi chịu ảnh-hưởng khí-hóa của phế tạng, chất tinh-hoa từ tỳ vị đến trở thành huyết sắc đỏ, mà công-năng chủ-yếu là tưới nhuần dinh dưỡng toàn thân. Ở người đàn-bà nuôi con, vì phải cung-cấp cho nhũ-nhi một khối sữa quan-trọng, nên thủy-lượng của chất nước trắng tiền-thân của huyết vào tâm mạch bị giảm-thiểu, do đó cơ-thể nhũ-mẫu lâm vào một tình-trạng huyết-dịch bất-túc, mà hệ-quả là *suốt trong thời-gian cho con bú, người mẹ thường không có kinh-nguyệt*. Đông Y lý-luận rằng, cùng một nguồn gốc, nhưng chưa chịu sự biến-hóa ở tâm, không vào tâm mạch, chỉ qua phế tạng rồi vào nhũ hoa thì ta có sữa ; nhưng nếu đã vào tâm mạch, chịu sự nung-nấu của tâm — tâm thuộc hỏa — thì chất nước trắng trở thành huyết đỏ, và khi đạt khối lượng đầy-đủ, thì sẽ trào ra khỏi huyết-hải mà

biến thành kinh nguyệt. Đề bổ-túc thêm, tưởng cũng nên kể một lý-luận khác, thực dễ thương, của y-lý cò-truyền : sữa phơi nắng thì ngả sang sắc đỏ.

Vả chẳng, trong hện-tượng sinh sữa, nhân-tố tâm-lý, tinh-thần cũng chiếm một chỗ đứng quan-yếu. Cho nên bộ *Nho môn sự tân* dạy : « ... Sự la khóc, buồn giận, uất ức cũng có thể ảnh-hưởng về sinh sữa ».

Tâm chủ huyết — huyết giả hỏa chi tử, huyết là con của hỏa, hay của tâm thì cũng thế, — tỳ thống huyết : tỳ chỉ-huy huyết, can tàng huyết, thận tàng tinh : can chứa huyết, thận chứa tinh (tinh là nguồn gốc sinh thành của khí huyết) : cho nên các chức-năng vừa kể tâm, can, tỳ, thận đều có liên-hệ mật-thiết đến kinh-kỳ (1).

Trong trạng-thái sinh-lý bình-hoàn, vì lấy huyết làm gốc, nên phụ nữ thường dễ bị thiên-lệch về huyết dịch. Từ kinh-nguyệt, thai-nghén, nuôi con — dĩ nhiên bằng sữa mẹ, không phải sữa Guigoz ! — đều dựa vào tác-dụng của huyết, nên phần huyết dễ bị hao-tồn, những trạng-thái bệnh-lý do hoàn-cảnh huyết thiếu, khí thịnh (vì khí với huyết là âm với dương, mà âm suy thì dương thịnh) là những trạng-thái phổ-thông. Cho nên, thiên *Ngũ âm ngũ vị bộ Linh-xu* giải-thích : « Đàn-bà thường khí có thừa, huyết lại thường không

(1) « Bào mạch thuộc tâm nhi lạc vu bào trung ». *Tổ-Vấn. Bình nhiệt bệnh luận* ; và « Bào mạch giả hệ vu thận ». *Tổ-Vấn. Cơ bệnh luận v.v...*

đủ vì luôn luôn bị thoát huyết». Tình trạng bị thoát huyết là một mối đe-doạ thường-xuyên cho phái yếu.

Trong hiện-tượng thụ thai, vai trò chủ-yếu cũng không ngoài hai mạch Xung, Nhâm. Chử-tề-Hiền lập-luận :

« Bước đầu cấu-tạo ra thai, bầm-thụ ở hai mạch Xung, Nhâm. Vì mạch Xung là bề chứa huyết, mạch Nhâm cấu-tạo nên bào thai. Hai mạch này thông khí thì kinh-nguyệt tốt, dễ thụ thai ».

Theo kinh-nghiệm kể-truyền của cô-nhân, trong lúc mang thai, công-năng sinh-lý của phụ-nữ thay-đổi hẳn, phần nhiều yếu hơn trước, vì vậy từ lúc bắt đầu có thai cho đến khi sinh nở, phải hạn-chế vấn-đề tình-dục. Người xưa tin rằng nếu phòng the quá độ, có thể phát-sinh chứng băng-huyết, hoặc hư thai, sảy thai, đẻ non, đẻ chậm. Và khi đang cho con bú, nếu thấy cần thai thì cũng không nên tiếp-tục nuôi con bằng sữa mẹ.

oOo

Những khái-niệm sinh-lý và bệnh-lý vừa trình-bày là căn-bản cho hệ-thống lý-luận Đông-phương về sản, phụ khoa, nói lên quan-niệm tổng-quát về cơ-lý sản-sinh nguyệt kinh, về cơ-chế tạo-thành ra sữa và về một vài kinh-nghiệm thực-tiến mà người xưa đã thu góp được.

Có điều vui vui là những lập-luận kinh-nghiệm ấy cũng đã phát-sinh và tồn-tại trong quá-khứ, nhưng dưới trời Tây.

Từ thời thượng-cò, các y-sĩ Hy-La đã chống-đối vấn-đề phòng the trong khi người mẹ còn cho con bú. Galien (131-200) nêu một nguyên-tắc tuyệt-đối «Tôi hạ lệnh cho những người đàn-bà cho con bú phải hoàn toàn kiêng-cữ giao-hợp». Lý-do, theo Galien, là :

«.. vì nguyệt kinh do giao-hợp gây ra, và nếu có kinh thì sữa không còn đủ nữa ; vả lại nhiều bà đâm ra mang thai.» (1)

Theo Soranos và Hippocrate (2), không thể có thụ thai nếu không có nguyệt-kỳ, và sự kiện tiếp-tục giao-hợp kích-thích sự tái-xuất tín-thủy. Ở đây ta thấy có điều đáng lưu-ý : thưở ban sơ, y-giới cho rằng chính sự tiết-dục đã khiến kinh chậm xuất hiện, chứ không phải việc cho con bú như y-giới sẽ tin-tưởng về sau.

Cả Galien lẫn Soranos đều không cắt nghĩa được ảnh-hưởng của tinh-giao đối với kinh kỳ, nhưng cả hai cùng hàm ý rằng có một sự tương-quan mật-thiết giữa nhũ bộ và bào-cung, theo đúng chủ thuyết của y-tò thế-giới (3). Tuy theo nhân-tố kích thích dị-biệt, máu sẽ hướng về cơ-quan này hoặc cơ-quan kia. Rất nhiều tác-giả đã khai-thác lẽ lối lý luận này,

(1) R. Green.— A translation of Galen's Hygiene. *De sanitate tuenda*. Springfield, 1951; p. 29.

(2) *Traduction des oeuvres d'Hippocrate sur le texte grec*, theo De Foes, Toulouse 1801, Tome II, p.401 và Soranus, *Gynecology*, Baltimore, Johns Hopkins Press, 1956; P.27.

(3) *Ibid.*, P. 411.

và mãi đến thế-kỷ thứ 19, P. Roussel (1742-1802) còn quảng-bá luận cứ ấy trong một cuốn sách tái bản nhiều lần :

«Bản-năng, kinh nghiệm hay sự may rủi dạy cho đứa trẻ biết rúc đầu vào vú mẹ hoặc lần tay sờ tý để bú được nhiều sữa hơn. Những kích thích nhẹ nhàng và có khi thú vị ấy (...) tạo nên một giòng tân dịch hướng về nhũ phòng, trong khi với những điều kiện bình thường, cũng cùng giòng tân dịch ấy lại tạo nên những chất bài tiết đặc biệt khác của người đàn bà» (1)

Cho nên cần tránh đừng để kinh nguyệt tái hiện sớm quá, vì sẽ khiến hồng hoặc cạn sữa, mà nạn nhân sẽ là ấu nhi. Ý kiến cho rằng đàn bà «phát độc trong khi hành kinh» (2) và có thể «đầu độc các trẻ em còn nằm trong nôi» là một ý kiến phổ biến (3).

Chúng ta hãy nghe Ambroise Paré (1517-1590) giảng giải :

«Các tiểu hạch ở vú đang vô huyết và có màu trắng biến hóa máu kinh kỳ tràn ứ lên nhũ hoa thành chất dịch cùng màu với chúng» (4).

Nhưng thực ra thì Ambroise Paré chỉ nói theo Galien, mà Galien cũng chỉ khai triển lập trường của những tiên y khác, nhất là Hippocrate. Huyết chu lưu khắp nhân thể, trong công năng bảo vệ và dinh dưỡng. Huyết hoặc hướng về bào cung hoặc hướng về nhũ bộ, và sữa chẳng qua chỉ là máu nhạt màu, máu hóa trắng. Vì vậy, trong kỳ kinh, bởi máu chảy ra ngoài

nên không thể biến thành sữa nữa.

Hệ quả đương nhiên là khi đã có thai còn cho con bú thì chỉ di hại cho đứa bé. «Không còn gì tệ hơn đối với đứa nhỏ», Galien dạy. (5) Bởi giữa đứa con trên ngực và đứa con trong bụng, giữa anh hài và bào tử, sẽ có một sự đấu tranh giành giật, vì lẽ cả hai đều cùng được nuôi dưỡng do một giòng máu chung nhất hóa trắng hoặc không :

«Phần máu tốt tuôn cả vào cơ-thể thai nhi đang triển miên rút tĩa phần ăn của mình... Trong khi ấy, huyết của thai phụ giảm thiểu và nghèo xác, khiến sữa ở vú không những chỉ kém về phần lượng mà còn suy về phần phẩm» (6)

Thời-gian cứ trôi qua, nhưng lập-trường y-giới chẳng biến dịch. Chỉ có lý-do nêu ra là thay đổi : không cho con bú khi mang thai vì sức khoẻ của nhũ mẫu hoặc vì sức khoẻ

(1) P. Roussel. — *Système physique et moral de la femme*, Paris 1813; p. 205.

(2) Nguyên văn : (les femmes) « sont venimeuses durant le temps de leurs fleurs ».

(3) Albert le Grand (1192 - 1260) theo H. Bergues et al., *La prévention des naissances dans la famille. Ses origines dans les temps modernes*. Institut National d'Etudes Démographiques, Travaux et documents, cahier n^o 35, Paris, 1960, p. 80.

(4) A. Paré, *Oeuvres complètes*. Nouvelle édition publiée par Malgaigne, Paris, J. B. Baillières, 1840-41, Tome II, p. 763 et p: 771. Nguyên văn : «les glandules des mamelles estans exsangues et blanches convertissent le sang menstruel qui y regorge en humeur semblable à elles en couleur».

(5) Galien, *op. cit.*, P. 29.

(6) Galien, *op. cit.*, P. 29.

của nữ nhi, hoặc sức khoẻ của thai nhi. Cho đến thế-kỷ thứ 19, phần lớn các y-sĩ đều xác-định «khi đã có thai là phải ngưng cho con bú»(3) Dĩ nhiên là thân-phận người đàn-bà đi ở vú, mang sữa mình cung cấp cho con người, cũng bị chi-phối bởi cùng qui-luật khắt-khe: dầu cho sữa có nhiều bao nhiêu, nữ-dung có khoẻ-mạnh bao nhiêu, mà đã lỡ mang thai là cũng phải về vườn, về vườn thường là hiểu theo đúng nghĩa đen, vì mấy bà vú phần lớn là đàn-bà nông-thôn lên thị-thành kiếm sống.

Nhưng không phải mãi đến khi bụng mang dạ chửa thì sữa mới hư. Sự chung-đụng xác thịt vẫn là một thứ trái cấm cho người làm vú. Ambroise Paré cảnh giác nữ-mẫu:

«.. Bởi vì sự giao-hợp làm đen máu của bà ta, và do đó, khiến đục sữa; tính-giao gây nên mùi xú uế, như chúng ta nghĩ thấy ở những cơ-thể đang động cõn và đang bị ái-tình và động-tác hoa liễu nung đốt»(1).

Louise Bourgeois, 1563 - 1636) nữ hộ-sinh của hoàng-hậu Marie de Médicis khi phàn-bình về những người đàn-bà cho bú mà ham muốn gần chồng, cũng bảo: «Đối với trẻ con, sữa của họ thực đúng là chất độc»(2).

Nhưng thời-gian ở đây lại có tác-dụng tương-đối thuận-lợi, khoan-dung hơn: lần hồi, y-giới bớt khắt-khe và thiên về khuynh hướng hạn-chế phòng the thay vì cấm-đoán hẳn. Bởi tự-chế thái quá cũng sẽ có hại cho sữa, như

buông thả phóng-túng. Laurent Joubert (1520-1583), lấy chính đời sống lứa đôi của mình làm ví-dụ, đã tận tình bênh-vực các nữ-mẫu:

«Nên đề cho bà vú gần gũi chồng một cách khôn-ngoan và điều-độ hơn là đề cho bà ta phát sốt vì thèm ái ân. Dục tình không thoả-mãn là nguyên-nhân chủ-yếu khiến sữa bị vẩn đục: ta thấy biết bao nữ-mẫu khát tình chạy theo đàn ông như chó cái hừng hực»(1).

1.— Delote, trong *Dictionnaire encyclopédique des sciences médicales*, Paris, 1879, P. 405; F. Mauriceau, *Traité des maladies des femmes grosses*, Paris 1675, P. 498; J.C. Desessatz, *Traité de l'éducation corporelle des enfants en bas-âge ou réflexions pratiques sur les moyens de procurer une meilleure constitution aux citoyens*, Paris, 1760, p. 219; d' Alembert et Diderot, *Encyclopédie, Dictionnaire raisonné des sciences*, 1780, Tome II, P. 143; Morel de Rubempré, *Véritable médecine sans médecin* Paris, 1830, P. 193. (theo E. Van de Walle et F. Van de Walle, *Allaitement, Sterilite et Contraception: les opinions jusqu'au XIX^e Siècle, population*, N^o 4-5, Juil-Oct 1972, INED, pp. 686-701).

(2) Paré, *op. cit.*, p 686

(3) L. Bourgeois, *Observations directes sur la stérilité, perte de fruit, fécondité...* Rouen 1925, Livre 1, p.165. Nguyên văn: «C'est vray venin que leur laict aux enfants».

(4) L. Joubert, *Erreurs populaires et propos vulgaires, touchant la médecine et le régime de santé*, lère partie, Bo deaux, 1957, p. 538. Nguyên văn: «Il vaut beaucoup mieus, que la nourrice ait lo copaignie de son mary sagemant et moderemant, que si elle brule d'amour. Le grand désir nõ satisfait, est le principal qui trouble le lait: cõme l'on voit des nourrisses fort amoureuses, qui vont après les hommes comme chiennes chaudes».

Nhưng phần lớn các tác giả không minh định là chỉ cần tránh riêng sự giao hợp hay phải kiêng cả tình trạng đam mê nhục thể nói chung. Chúng ta cũng nên đan cử lập trường ngộ nghĩnh của Etmullerus, giáo sư ở Leipzig, vào thế kỷ thứ 17. Etmullerus chủ trương nhũ mẫu nên sống thanh khiết viện lẽ « các cảm xúc mạnh mẽ của ái tình khiến sữa sục sôi trong bao tử đứa bé, và sau này, sẽ khiến cả đời nó ghét ăn...phó mát » (1).

Người xưa gán cho nữ giới khả năng sản sinh tinh dịch, giống như nam giới. Đây cũng là một lý do khác để cắt nghĩa thái độ rộng rãi trong vấn đề tiết dục: nếu không gặn đàn ông, tinh dịch sẽ pha lẫn vào sữa và làm hỏng sữa, khiến sữa nóng. Nhưng cho đến cuối thế kỷ 19 ý niệm cho rằng giao hợp làm hỏng sữa vẫn chưa chịu rút lui. Bossu (1809-1898) chẳng hạn, tuy chấp nhận đề nhũ mẫu gặn gụi nam giới, vẫn đề đặt « với điều kiện là thời gian giữa lúc tính giao và lúc nhũ bỏ phải đủ dài... » (2)

Giới văn sĩ, qua các tác phẩm văn chương đương thời, cũng bị ảnh hưởng vì các tập tục liên hệ. Người thị nữ thủ túc của Madame de Sévigné (1626-1696) tìm mọi cách không cho mụ vú trong gia đình gần chồng (3). Cuối thế kỷ thứ 19, Emile Zola, trong *Fécondité*, mô tả một cảnh tương tự như lúc cai sữa, sau khi người đàn bà bị cấm chế suốt chín tháng mang thai và mười lăm tháng nhũ bỏ (4). Bà vú của vua Louis

XIV bị đuổi lập tức chỉ vì có người bắt gặp đang nói chuyện với chồng trên sân thượng hoàng cung (5).

Y khoa hiện đại đề ra nhiều lý do để giải thích những điều cấm kỵ vừa trình bày. Một nguyên nhân quan trọng, dĩ nhiên không bao giờ được các ông bố nói ra, có lẽ là một tình trạng ghen tương trong tiềm thức. Trong cuộc sống lứa đôi, đứa con trở nên một thứ đối thủ, một kẻ tiềm vị. David Hunt (6), khi luận bàn về những mối tương giao giữa các thế hệ vào thời thế kỷ thứ 17 đã gợi ý rằng có lẽ sự kiện mượn vú là một thắng lợi tính dục cho người chồng, đã tranh đấu lấy lại trọn vẹn những đặc quyền của mình đối với vợ. Nhưng luận cứ ấy của Hunt, nếu có thể đúng đối với giới thượng lưu trong hệ thống ngôi thứ và thiết chế của xã hội đương thời, thì đối với giới chân lấm tay bùn, ta cũng khó mà phân định nổi ranh giới giữa ảnh hưởng tâm lý và sinh lý, giữa chức năng thần kinh và đam mê nhục thể,

(1) M. Etmullerus *abridg'd*, London, 1703, Livre V, p. 582. Dĩ nhiên dấu ba chấm là do người viết thêm vào.

(2) A. Bossu, *Anthropologie, Etude des organes, fonctions, maladies de l'homme et de la femme* Tome II, Paris, 1882, p. 202.

(3) *Lettres de Madame de Sévigné*, Edition Monmerqué, Tome II, Paris 1862, p. 232.

(4) E. Zola, *Les quatre évangiles, Fécondité*, Les oeuvres complètes, 1928, p. 312.

(5) A. Franklin, *La vie privée d'autrefois, L'enfant*, Tome I, Paris, 1896, p. 85.

(6) D. Hunt, *Parents and children in history*, New York, 1970.

giữa tình mẹ thiêng liêng và ham muốn thường tình (1).

oOo

Tính chất kích động của nguyệt sự đối với đấng nhân và tha nhân thực rất rõ rệt và dễ hiểu. Mặt khác, chức năng sinh sữa nuôi con cũng không kém phần quyến rũ đối với sự phán đoán, suy nghĩ của con người. Và bởi cả hai đều cùng và chỉ xảy ra ở nữ phái, cho nên cở nhân, trong những phút suy tư về chính bản thể của mình, hẳn nhiên phải phát giác ra những giây liên lạc giữa hai hiện tượng sinh lý đặc thù nữ tính ấy.

Trong bảo khố thư liệu y khoa do tổ tiên truyền lại cho đám hậu sinh, các y kiến, các lập luận có thể dị biệt dưới từng bầu trời, qua các thế kỷ (2). Nhưng đem so sánh vẫn thấy có những điểm cơ bản tương hợp một cách kỳ-dị, đến cảm động. Từ Đông qua Tây, công luận vẫn chấp nhận những ý kiến rất chung nhất về vệ sinh dành cho thai phụ và nữ ầu. Hơn thế nữa, và trong y giới, niềm tương đắc Đông Tây còn mật thiết, tâm phúc hơn. Cũng chỉ là máu, nhưng sắc trắng và thoát ra ở nữ phòng là sữa, sắc đỏ và tiết ra từ bào cung là kinh. Chủ thuyết vừa đan cử là của ai? của Trung y, của Việt Y hay của Hy Y, La Y? Ta đang nghe lời dạy của Hippocrate hay Trương Trọng Cảnh, đang thụ giáo Ambroise Paré hay Nguyễn gia Phan? Vang vọng vào tâm tư là những lời vàng ngọc rút từ bộ *Corpus* hay từ

Tọa thảo lương mô, là những lễ huấn cáo trích từ *Ars parva* hay từ *Bảo thai thần hiệu*?

Thử tìm một điểm dị biệt, thì điểm dị biệt cũng thật là nhỏ nhol: phương Tây cho rằng sữa là máu hóa trắng trong khi phương Đông chủ xướng máu là sữa hóa đỏ. Nhưng cũng có những tác giả Đông phương chia cùng quan điểm với học giả Tây phương.

Lúc bắt đầu bài này, người viết đã đi vào bằng cửa ngõ nghệ thuật. Giờ có lẽ cũng đã đến lúc đi ra.

Họa sĩ siêu thực Pháp André Masson, qua bức "Hiếp dâm" đã cung cấp cho y học một tư liệu hữu giá để xác-minh sự liên-quan thần-kinh-nội-tiết giữa hệ sinh-dục và tuyến sữa. Từ hằng trăm năm nay, người ta vẫn tin-tưởng rằng sau những động-tác tính-giao nam-nữ, sữa có thể xuất-sinh ở nhũ-bộ, và trong những năm gần đây, thì khoa-học thực-nghiệm đã chứng-minh luận-điểm trên đây là đúng, không những ở loài vật mà ở cả loài người. Cưỡng-bức vốn là đề-tài quen-thuộc của Masson. Và riêng trong họa-phẩm đối-tượng của những giòng này thì cái cảnh vật-dụng bay tung hỗn-độn, cái cảnh hai thân người gắn vào nhau qua

(1) J. Knodel and E. Van de Walle Breast feeding, fertility and infant mortality. *Population Studies*, Vol XXI, No 2, 1967, p. 100.

(2) E. Van de Walle, Allaitement, stérilité et contraception: les opinions jusqu'au XIX^e siècle. *Population*, No 4-5, Juil-Oct 1972, p. 685-701.

André Masson.— *Le Viol*

một vết thương bụng — mà chỉ nhìn qua là nhà sinh-học liên-tưởng ngay đến thủ-thuật giải-phẫu ký-sinh nhân-tạo, parabiose — những cảnh ấy cho chúng ta một ấn-tượng cực sống động về tầm mức thô-bạo, cuồng-si cao-độ của tội ác. Chi-tiết riêng tây liên-hệ đến bài này là tia sữa phun ra từ một chiếc vú của

người đàn-bà, trong khi cơ-quan sinh-dục đang bị kích-thích điên-loạn. Nhìn bức tranh ấy, có thể tạm tưởng-tượng một cách đơn-giản, trực-quan là giữa sinh-dục và sinh-sữa vẫn có một đường giãy...

09-04-1973

TRẦN-VĂN-TÍCH

HOA LƯ 311 Thành-Thái Saigon 5 — Đã phát hành :

DỊCH HỌC NHẬP MÔN

của ĐỖ - ĐÌNH - TUÂN

HÀ ĐỒ, LẠC THU, BÁT QUÁI, 64 QUẺ KÉP

Y DỊCH : Dịch với y học Đông phương.

HÁN TỰ GIẢN DỊ : Gồm tất cả những chữ Hán viết tắt thông dụng ngày nay.

Giá 280 đ.

Bưu phiếu đề Bà VŨ-THỊ-MŨI



Pablo Picasso

Ông Vua không ngai trong thế giới nghệ thuật.

Với những người khác người ta có thể nói rằng họ là những vĩ-nhân có sự nghiệp lớn lao, nhưng đối với Picasso những danh từ này thực không đủ để diễn tả sự đóng góp của ông vào lịch-sử nghệ-thuật thế-giới cũng như số lượng tác-phẩm nghệ-thuật mà ông đã sáng tạo trong suốt cuộc đời với một sức làm việc mạnh mẽ vô biên. Những tác-phẩm hội họa và điêu khắc của ông nhiều không ai đếm nổi. Người ta ước lượng tài sản của ông lên tới khoảng 800 triệu Mỹ kim. Một họa-phẩm giá trị hàng đầu của ông hiện thời có thể bán với giá nửa triệu Mỹ kim tức là khoảng 250 triệu đồng bạc Việt Nam. Các bạn đồng thời

với ông đã lần lần lìa bỏ cuộc đời. riêng Pablo Picasso vẫn sống mạnh khỏe, sáng tác hăng say. Tuy rút về dưỡng già ở Mougins, một bãi biển miền Nam nước Pháp, nhưng Picasso vẫn tiếp tục sản xuất có khi một ngày tới ba bốn bức họa và làm việc một ngày tới 8 tiếng.

Từ một họa-sĩ thần đồng của xứ Tây-ban-nha sang thủ-đô nước Pháp lập nghiệp, Picasso đã có tên tuổi lẫy lừng trên toàn thế giới, và được giới nghệ sĩ cũng như những người thường ngoạn khắp các nước hết lòng thán phục, tuy có rất nhiều người vẫn chưa hiểu được ông đã vẽ gì !

HỌA SĨ THẦN ĐỒNG

Pablo José Francisco de Paula Juan Nepomuceno Crispin Crispiano de la Santísima Trinidad Ruiz Picasso sinh ngày 25-10-1881 tại Malaga bên Tây-ban-nha Mẹ của Pablo là Maria Picasso thuộc một gia đình thợ kim hoàn rất khéo. Cha của Pablo là José Ruiz Blasco Picasso lại là một họa-sĩ

và giáo sư về môn hội họa.

Ra đời trong một gia đình nghệ sĩ, Pablo đã tỏ ra có một năng khiếu đặc biệt về hội-họa. Được hơn 1 năm cậu đã bập bẹ nói tiếng đầu tiên : « Piz », nghĩa là cái bút chì dùng để vẽ. Cha cậu hết sức bồi dưỡng năng khiếu này. Ông truyền hết

cho con những kiến-thức về hội họa mà ông đã thu nhận được. Nhưng khi Pablo 15 tuổi thì cha cậu đành bỏ bút vẽ đầu hàng vì không những ông không còn điều gì để dạy cậu con mà cậu lại còn vượt cả tài-năng của ông bố nữa. Pablo Picasso sau này đã nhiều lần khoe rằng: « Năm 12 tuổi tôi đã vẽ giỏi như nhà đại danh họa Raphaël ». Trong hội-họa người ta luôn luôn ví Pablo Picasso như một Mozart trong âm nhạc vì cả hai đều là thần đồng của nghệ thuật.

Năm 14 tuổi Pablo thi đậu vào trường Mỹ-thuật Barcelone một cách dễ dàng vì trong một ngày cậu đã vẽ xong một bức họa mà các thí sinh khác phải bỏ ra cả tháng mới hoàn thành.

Cũng năm 14 tuổi Pablo đã vẽ bức « Cô gái chân đất » (Fillette aux pieds nus) được nhiều người chú ý. Năm 15 tuổi cậu bắt đầu nổi tiếng với bức « Cậu trai trước bàn thờ » (The Altar Boy). Và vào năm này cậu bắt đầu mở xưởng vẽ tại Barcelone.

Năm 1898, khi vừa được 17 tuổi, bức « Coutumes d'Aragon » đã mang lại cho Pablo huy chương vàng ở Malaga. Sau đó Pablo đã lên thủ-đô Madrid để mở xưởng vẽ và triển-lãm. Nhưng tại Tây-ban-nha nhà họa-sĩ thần đồng này cảm thấy rất cô đơn. Phái hội-họa Tây-ban-nha, quá gò bó vì những kỷ-luật khắt khe, không những không hiểu nổi đầu óc phóng khoáng của Pablo mà còn cản trở sự phát triển tài năng của cậu nữa. Pablo muốn tạo dựng một thế-giới nghệ-thuật rộng rãi hơn, cởi mở

hơn, tân tiến hơn. Vì vậy cậu đã quyết định sang Paris, thủ-đô ánh sáng của Pháp, để có cơ hội hoạt động theo hoài bão hằng ôm ấp.

Năm 1904, sau nhiều chuyến đi đi về về Picasso nhất định cư ngụ hẳn ở Paris. Tại đây Pablo đã sống trong một hoàn cảnh hết sức thiếu thốn. Cậu ở trong một căn phòng đường Ravignan, tồi tàn đến nỗi với vữa trên tường suốt ngày rơi rụng xuống đầu; giấy gián tường thì rách mướp, chỗ lồi chỗ lõm; đất bụi, tàn than ngập cả sàn.

Cho tới năm 1907, các bức họa của Pablo tuy được nhiều người tán thưởng nhưng vẫn chưa có được những nét độc đáo riêng biệt. Kỹ thuật tạo hình của Picasso trong thời kỳ này chịu ảnh hưởng của các họa sĩ nổi tiếng đương thời như Toulouse-Lautrec, Manet, Gauguin, Munch... Phần lớn các bức họa trong thời kỳ này phản ảnh cảnh nghèo túng hoặc ở Madrid hoặc ở Paris.

Năm 1907, khi Pablo Picasso 26 tuổi, thì nghệ thuật của ông cũng bắt đầu chuyển hướng. Bức « Những cô gái ở thành Avignon » (5 «chị em ta») được vẽ theo kiểu lập thể và do đó mở đường cho môn phái lập thể. Các họa sĩ thuộc môn phái lập thể cho rằng người họa sĩ không phải chỉ có việc ghi lại các cảnh vật bên ngoài đúng như mắt mình nhìn mà còn có nhiệm vụ suy diễn cuộc sống nội tâm của các sự-kiện bên ngoài, truyền đạt với người khác những tư tưởng của mình. Do đó đối tượng phải được vẽ dưới mọi góc cạnh (angles)

dưới mọi bình diện (plan). Vì vậy mà trong những họa phẩm «lập thể» người ta thấy có những khối hình nón, hình cầu, hình ống... chồng chất lên nhau. Bức họa «Những cô gái thành Avignon» cho người xem một cảm tưởng cuồng nhiệt, thô bạo, khiến các bạn hữu của Picasso đã ngại rằng đây là một dấu hiệu ông ta muốn tự tử. Họa-sĩ Braque đã nói rằng : « Nhìn bức họa này ta có cảm tưởng đứng trước một người đang uống dầu săng và khạc ra lửa ».

Nhưng họa phẩm này chỉ là một bước đầu cuồng nhiệt để bước vào một nền nghệ-thuật mới mẻ mà thôi. Sau đó các bức họa của Picasso đều bình thản và nhẹ nhàng hơn. Trước năm 1907, Pablo Picasso chỉ là một « thần đồng » trong ngành hội họa. Bắt đầu từ năm 1907 với bức « Những cô gái thành Avignon » ông đã trở thành một bậc thầy (maestro) trong ngành này.

Là một họa-sĩ, Pablo Picasso còn là một nhà điêu-khắc. Các sản phẩm điêu-khắc của ông cũng được tạo ra theo quan-niệm và kỹ-thuật lập-thể. Ông không cần tới đá cẩm-thạch, ông cũng chẳng cần tới đồng đen mà các điêu-khắc-phẩm của ông vẫn được

mọi người nồng nhiệt tán thưởng. Nghệ phẩm « Guitare » của ông chỉ là những mảnh thiếc tầm thường ghép lại với nhau. Tác phẩm « Đầu bò rừng » của ông năm 1943 chỉ là một cái yên xe đạp treo giữa một cái « ghi-đông » xe đạp cũng đủ diễn-tả cái đầu và hai sừng con bò rừng rồi. Trong tác phẩm « Khi mẹ và khi con » Picasso đã dùng một cái ô-ô trẻ con chơi đề làm cái đầu, và quả bóng đề làm cái bụng.

Các tác-phẩm này đã được dân chúng thích thú yêu chuộng. Françoise Gilot, người vợ thứ năm của Picasso, có kể lại rằng một hôm Jean Cocteau dẫn Jean Marais đến khoe với Picasso rằng Jeannot (Marais) sắp đóng vai Pyrrhus trong tuồng cồ-điền Andromaque. Theo Cocteau thì Jeannot sẽ khoác một áo bào dài 5 thước trông rất là uy-nghi. Duy anh chỉ thiếu một cây vương-trượng (Sceptre) nên Cocteau nhờ Picasso làm giùm cho. Suy nghĩ một lát, Picasso lấy cái cán chổi và cần lên trên những hình bằng sắt theo kiểu nghệ-thuật mới của ông.

Kết quả là khi Jean Marais xuất hiện trên sân khấu với cây vương-trượng dài lêu nghêu, khán giả đã bỏ ra cười ngả nghiêng, Tấn bi-kịch Andromaque đã trở thành hài-kịch !

ÔNG VUA KHÔNG NGAI CỦA NGHỆ THUẬT

Các tác phẩm của Picasso đã có mặt khắp thế giới. Các Viện Bảo tàng Nga rất tự hào là đã làm chủ được những bức họa danh tiếng của Picasso do chế độ cũ để lại. Các Viện Bảo

tàng Mỹ cũng kiêu hãnh không kém vì đã mua được của Picasso những bức tranh vô giá. Chính Picasso cũng không biết rằng mình đã sáng tác được bao nhiêu họa phẩm và hiện

do những ai làm chủ. Vì các tác phẩm của ông đều có mặt tại các Viện Bảo tàng trên thế giới, cùng rải rác trong tay các nhà sưu tầm tư nhân, các tay tỉ phú Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Anh, Hy Lạp... Ấy là chưa kể tới những bức phác họa (esquisse) mà Picasso lúc có hứng còn vẽ trên bất cứ mảnh giấy nào, từ trên cái bao thư đến miếng giấy lau miệng hay chiếc khăn giải bàn ở các tiệm ăn. Các bức phác họa này được Picasso tặng cho những người ái mộ vô danh đến xin ông một chút lưu niệm. Christian Zervos, một người bạn thân giao của Picasso, từ 41 năm qua đã cố gắng làm « Một bản tổng kết bằng suy luận » (Catalogue raisonné) các tác phẩm của ông. « Bản tổng kết » này đã được in ra tới cuốn thứ 23 mà Zervos vẫn chỉ mới đề cập tới các tác phẩm của Picasso vào giai đoạn năm 1960. Người ta tính rằng 2/3 các tác phẩm của ông nằm trong tay tư nhân. Các tay đầu cơ trên thế giới đã tung ra hàng tỷ Mỹ kim để « đầu tư » vào việc thu thập các tác phẩm này. Vì có dụng ý đầu cơ nên chưa ai chịu tiết lộ xem những tác phẩm nào đã được lưu giữ ở đâu.

Những nhà chuyên môn về hội-họa đã chia các tác-phẩm của Picasso thành những thời-kỳ khác nhau như « thời kỳ xanh », khi các tác phẩm được vẽ với một màu xanh chủ yếu, « thời kỳ hồng » với các tác phẩm có màu hồng chủ yếu, « thời kỳ đen » với các tác phẩm chịu ảnh hưởng của nghệ-thuật Hắc Phi, « thời kỳ lập

thê » v.v... Nhưng thực sự thì các tác phẩm của Picasso đều là những sản phẩm của một sự kiến-tạo trí-thức (construction de l'esprit) nên những người phân định các thời kỳ sáng tạo của Picasso ít ai đồng ý được với ai.

Tuy nhiên điều đáng chú ý là những kinh-nghiệm hay thí-nghiệm của Picasso với đàn bà thì luôn luôn được thể hiện trong các bức họa của ông. Năm 1917 khi ông 36 tuổi, Picasso lấy một cô vũ công trong một vũ đoàn Nga-sô tên là Olga Koklova. Vì nghề vũ là một nghề cao quý, rất được ưa chuộng tại Âu-Châu, nhất là tại Nga - xô dưới thời quân-chủ, nên Olga tính tình vô cùng truong giả. Cô khép Picasso vào vòng kỷ luật, bắt ông phải rời bỏ nếp sống buông thả của nghệ-sĩ. Tuy Olga sinh hạ được một con trai với Picasso, tên là Paulo, nhưng Picasso vẫn phải rời bỏ nàng. Để trả thù người vợ đầu tiên này, Picasso còn vẽ một bức tranh lấy tên là « Đầu đàn bà và chân dung tự họa » (Tête de femme et auto-portrait). Trong tranh này ông vẽ Olga dưới hình ảnh một cái miệng rộng hoác với bộ răng trắng nhớn, dữ dằn, đang đe dọa cắn một bức chân dung, chính là chân dung Picasso.

Sau Olga, Picasso lấy một cô gái Thụy-sĩ tên là Marie Thérèse Walter kém ông đến 33 tuổi. Marie Thérèse là một cô gái nhu mì, luôn luôn chịu thần phục ông, nên về phương-diện sinh-lý cũng như về phương-diện tự-ái đàn ông, Picasso rất thỏa mãn. Do đó trong thời kỳ này các họa phẩm

của ông luôn luôn phản ánh một vẻ thoải mái đầy đủ. Bức "Người đàn bà khỏa thân trên ghế đen" (Nude on a black couch) diễn tả một Marie Thérèse thỏa mãn. Đằng sau lưng cô là 1 chậu cây, cũng được Picasso diễn tả như đang ở trong tình trạng khoái lạc cực điểm (orgasme). Marie Thérèse có với Picasso một con gái tên là Maya hiện sống ở Tây-ban-nha.

Sau Marie Thérèse, Picasso lấy Dora Maar, một nữ họa-sĩ có tài, thông minh và trí thức. Thời-kỳ chung sống với Dora trùng hợp với thời kỳ nội chiến ở Tây-ban-nha, quê hương của ông. Trong thời kỳ này người ta thấy trong các bức họa của ông luôn luôn có một nét đau đớn khắc khoải của con người trước thời cuộc. Trong bức chân dung Dora mà ông đặt tên là « Người đàn bà khóc. » (Weeping woman) người ta thấy khuôn mặt một người đàn bà với những nét đau thương thê thảm. Sự đau thương được diễn tả tới cực điểm trong tác phẩm « Guernica » năm 1937. Trong bức họa này Picasso muốn nói lên tính cách tàn bạo man rợ của chiến tranh, nên thay vì vẽ súng đạn bom nổ, ông đã vẽ một chiến binh nằm ngửa cầm cái kiếm gãy trong bàn tay bị thương. Con bò rừng ở phía trái tượng trưng cho bạo lực ngu tối. Các nạn nhân của cuộc đấu bò rừng tượng trưng cho nạn nhân chiến cuộc với những cái miệng há hốc kinh hoàng, với những con mắt trợn ngược sợ hãi. Phía trên có ngọn đèn điện tượng trưng cho ánh sáng của văn minh. Trong

một khung cảnh chỉ có 3 màu, trắng đen và xám, người ta thấy dường như chỉ còn những tiếng gào thét ghê rợn và những tiếng rên rỉ âm thầm. (Bức tranh ở ngoài bìa Bách Khoa số này).

Sau Dora Maar, Picasso còn sống với một nữ họa sĩ khác là Françoise Gilot. Nhờ có sự giúp đỡ của Picasso mà Françoise Gilot cũng được nổi tiếng. Françoise gặp Pablo năm cô mới 21 tuổi. Trước tiếng sét ái tình, cô đã quyết định đến sống chung với Pablo trong cả 10 năm trời. Bắt đầu từ Françoise, đời sống của Pablo trở nên trầm lặng hơn nên các bức họa không còn những nét quăn quại, khắc khoải như vào những thời kỳ trước. Françoise có với Pablo 2 con : một trai tên là Claude và một gái tên là Paloma. Sau vì không chịu được lối sống của Pablo, Françoise đã rời bỏ ông để kết hôn với một người bạn cùng lứa tuổi. Chỉ vì Françoise viết hồi ký kể lại cuộc sống của mình bên cạnh nhà họa sĩ thời danh mà Pablo Picasso đã ngưng hẳn không trợ cấp cho hai đứa con, Claude và Paloma, nữa.

Sau khi đoạn tuyệt với Françoise Gilot, Pablo Picasso cưới một cô gái là Jacqueline Roque, năm nay mới có 43 tuổi. Françoise, từ nhiều năm qua, đã là một bức bình phong giữa Pablo và cuộc sống ồn ào bên ngoài, ngăn chặn không cho những kẻ ái mộ đến làm rộn ông, mất cả thì giờ.

Trong thời đệ nhị thế-chiến quân-đội Đức quốc-xã chiếm đóng nước Pháp đã cấm không cho triển lãm các họa

phẩm của Picasso vì theo Hitler, các họa phẩm này đều có tính cách suy đồi. Nhưng không vì thế mà những người hâm mộ tài ông lãng quên ông. Họ vẫn tấp nập đến xưởng vẽ của ông ở đường Saint Augustin tại Paris để, người thì đặt mua tranh, người thì tặng quà.

Khi Paris được giải phóng vào năm 1945, lính Mỹ đã kéo đến ăn dầm ở dề trước cửa nhà ông để đợi chiêm ngưỡng ông. Mỗi buổi sáng, khi ra khỏi cửa là Picasso phải khò sở mới tránh khỏi bước lên người các chàng thanh niên Mỹ nằm ngón ngang trước nhà ông. Một hôm văn hào Hemingway đến thăm Picasso. Bà già gác gian cho Hemingway hay rằng Picasso đi vắng, nhưng bà sẵn sàng nhận quà để chuyển lại cho nhà họa sĩ đại tài này. Hemingway chạy ra xe Jeep lấy một thùng lựu đạn mang vào cho bà gác đạn, khiến bà ta la làng và phải kêu cảnh sát tới mang đi.

Một mối vì sự hâm mộ quá nồng nhiệt của quần chúng thường ngoạn, Picasso lui về ẩn cư trong một biệt thự ở Mougins trên bờ biển miền Nam nước Pháp. Tại đây ông sống biệt lập với mọi người. Sống ăn dật, nhưng Picasso vẫn không ngừng sáng tác. Mỗi ngày ông làm việc khoảng 8 giờ đồng hồ và đôi khi thức đến hai hay ba giờ sáng mãi mê hoàn tất công việc. Có nhiều bữa ông khoe rằng trong một buổi trưa ông đã vẽ được đến 3 bức họa trên vải.

Về mặt sinh lý thì cô vợ Jacqueline

tâm sự rằng Pablo không những làm đầy đủ bổn phận người chồng mà ông ta còn là một tình nhân nồng nhiệt bà chưa từng gặp trong đời bà.

Đề nói lên sức mạnh của Picasso vào tuổi cửu tuần, nữ sĩ Hélène Parmelin đã viết ra một "huyền thoại Picasso". Theo huyền-thoại này thì: "Picasso mỗi buổi sáng dậy sớm điem tâm bằng ngọc-hoàn để rồi xuống xưởng vẽ thực hiện một lèo 30 tranh vẽ để làm bản khắc, 2 bức họa trên tường và 1 bức tĩnh vật, trước khi dùng một bữa ăn trưa vĩ đại. Sau bữa ăn trưa, ông ra sân dạy Dominguin nghệ thuật đấu bò rừng trong khi các nhiếp-ảnh-viên của báo Paris Match đua nhau chụp hình. Khi cuộc dạy đấu bò rừng chấm dứt Picasso gọi tài xế lên ra lệnh cho đi lượm 3 cô sử-nữ ở ngoài bãi biển về cho ông phá trình vào giấc trưa. Các cô này sau đó chỉ còn cách viết hồi-ký để tỏ lòng biết ơn Picasso. Thoả mãn rồi, Picasso vừa ngáp vừa nặn 83 cái chậu xír và vẽ 12 bức chân-dung rồi mới đi dùng bữa ăn tối. Trong bữa ăn này những quả trứng chiên cảm động run lên không ngờ mình được Picasso chiếu cố. Khi chiều xuống, tòa biệt thự chìm dần trong yên lặng, thì người ta chỉ còn nghe thấy tiếng sột soạt của những chồng giấy bạc 1.000 Mỹ-kim mà các tay cự phú Hy-lạp (kiểu Onassis) nhét vào hộp-thư của biệt-thự, để mong được Picasso vẽ cho một bức chân dung!".

Pablo Picasso là cả một sự mâu thuẫn. Tuy ông rất yêu thương con cái nhưng từ khi trở về Mougins ông

nhất định không chịu tiếp xúc với một người con nào. Khi Françoise Gilot có bầu ông đã lo lắng cho đứa con trong bụng Françoise đến nỗi cấm không cho cô ta đi thăm thai vì tính Picasso mê tín, ông sợ Françoise đi thăm thai sẽ làm hại cho cái thai. Trong nhiều trường hợp Picasso đã tỏ ra rất ít tình cảm. Khi cô vợ cũ Olga gần chết, mà con trai cô là Paulo bị mổ thận không tới thăm được, Picasso đã từ chối không chịu đến thăm cả hai mẹ con đề Olga sau đó chết một mình.

Trong nhà, ông thường cả ngày chỉ cời trần trùng trục, mặc mỗi cái quần đùi để làm việc, nhưng khi nào đi đâu ông ăn mặc rất « đàng điểm ». Đôi khi ông mặc một cái quần, một ống xanh một ống đỏ, áo thêu rồng phượng. Có nhiều lúc ông rất đú đờn : mặc quần áo cao bồi cầm súng giả, nhảy bản đùa rờn với tài tử Gary Cooper trong vườn. Có lúc cời trần, ngực đầy lông lá, ông nhảy múa theo các điệu vũ Tây-ban-nha giật gân nhất.

Picasso đã có lần gia nhập đảng Cộng-sản Pháp ông nhưng chỉ vô đảng cho vui vì chẳng coi đảng ra gì. Năm 1953 khi Staline chết, Aragon, Chủ-nhiệm tạp-chí «Les Lettres Françaises», muốn Picasso vẽ một bức chân dung của Staline để đăng vào tạp chí này. Nhưng Picasso chưa bao giờ trông thấy Staline nên không chịu vẽ. Aragon lại nâng nặc đòi cho kỳ được. Sau Picasso đành phải « vẽ đại cho nó rồi ». Nhưng càng vẽ thì hình Staline của

Picasso lại càng giống... hình cha vợ là ông già của Françoise Gilot. Sau cùng Picasso quyết định vẽ ông già của Françoise Gilot thì lại thành ra bức chân dung tạm tạm giống Staline. Khi bức chân dung này được đăng lên báo, các ký-giả Mỹ đã khoái trá đi tìm Picasso để hỏi xem có phải ông muốn diễu cợt Staline hay không. Trung-ương đảng Cộng-sản Pháp thì lên án Picasso và Aragon là thiếu kính trọng với lãnh-tụ Liên-xô. Nhưng trước sự công phẫn của dân chúng, Thorez đã phải đích thân tới xin lỗi Picasso, trong khi Aragon thì vẫn phải « tự kiểm thảo » !

oOo

Với tuổi già Picasso càng ngày càng xa lánh cuộc đời bên ngoài. Ra ngoài ông không còn biết giao thiệp với ai. Các bạn đồng hành của ông, các nhân chứng của thời đại nghệ thuật tiền-phong Pháp, như Matisse, Braque, Gris, Léger, Cocteau... đều đã qua đời. Mỗi khi xuất hiện trước công chúng ông vẫn được hoan hô nồng nhiệt. Mỗi khi vào tiệm ăn ông thường trả tiền bằng ngân phiếu, nhưng nhà hàng luôn luôn giữ tấm ngân phiếu này để làm kỷ niệm chứ không lấy tiền ra. Vốn tính kiêu hãnh, ông cho rằng trong những người hâm mộ ông ít người hiểu được tài ông, trong khi những người hiểu được ông thì lại không còn nữa. Năm 1971 khi Picasso được 90 tuổi, cả thế giới đã rầm rộ chúc thọ ông. Tại Pháp người ta đã đặc biệt triển lãm các tác phẩm của ông ở Điện Louvre, một vinh dự mà chưa họa sĩ nào được

hưởng khi còn sống. Tổng Thống Pháp Pompidou đã đích thân tới tới khai-mạc cuộc triển lãm này và tuyên bố rằng: « Nước Pháp muốn tỏ lòng mến chuộng một đại họa-sĩ đã chọn nước Pháp làm nơi trú ngụ và sáng tác ». Nhưng Picasso cũng không tới dự vì « đông người quá, có quá nhiều giới chức, quá nhiều tổng-trưởng, đại-sứ, ký-giả, nhiếp-ảnh-viên, mà tôi thì chả quen ai cả ! »

Những lời khen tặng, những lời tán dương đối với Picasso đã quá nhàm vì ngay từ buổi thiếu thời ông đã tự coi ông là một người xuất chúng. Năm 19 tuổi ông đã tự họa chân dung của mình và đặt tên cho bức tranh là: « Tôi, một ông vua » (Yo el Rey). Quả thực ông đã là một ông Vua không ngại trong nghệ thuật thế giới của thế kỷ XX, đi từ vinh quang này tới vinh quang khác cho tới khi buông tay nhắm mắt.

Thực ra tuy đã 92 tuổi đời mà Picasso vẫn không hề sợ chết vì theo ông « Cái chết có vẻ đẹp riêng của nó ». Ông chỉ ngại một điều là bị đau ốm đến nỗi không làm việc được. Một ngày trước khi chết, Picasso vẫn hoạt động bình thường. Sau khi vẽ ông đã ra vườn hái hoa hái rau vào buổi chiều. Đến tối ông đã cùng với Jacqueline mời khách ăn cơm tối. Bị cấm không được uống rượu vì lý do sức khỏe, Picasso đã đồ rượu cho khách thật nhiều để họ uống mừng sức khỏe của ông. Vào 11 giờ rưỡi đêm, ông rời bàn tiệc vào xưởng vẽ làm việc như thường lệ và ông đã vẽ tới 3 giờ sáng mới lên giường ngủ.

Sáng hôm sau, chủ nhật 8-4, lúc tỉnh giấc vào 11 giờ rưỡi trưa như mọi ngày thì Picasso đã không dậy không được nữa. Jacqueline điện thoại cho bác sĩ nhưng Picasso đã trút hơi thở cuối cùng trước khi bác sĩ tới lúc đó là 11 giờ 40 sáng. Có lẽ ông đã chết vì bệnh tim.

Hai hôm sau tuy đã hết mùa lạnh mà bỗng dưng tuyết rơi phủ kín cả miền Nam nước Pháp. Thi hài của Picasso đã được Jacqueline, Paulo và con gái riêng của Jacqueline đưa về chôn tại lâu đài Vauvenargues, cách Mougins hơn 100 cây số. Ngoài Paulo, năm nay đã 52 tuổi, là người thừa kế hợp pháp, không một người con nào của Picasso được đến viếng thăm cha lần cuối cùng. Marie Thérèse Walter và con gái là Maya, Françoise Gilot và hai con là Chaude và Paloma bị cảnh sát ngăn không cho lại gần, chỉ còn cách đặt một vòng hoa ở nghĩa địa trên đồi nhìn xuống lâu đài Vauvenargues mà thôi. Ngày hôm sau con trai của Pablo Picasso đã uống át-xít tự tử vì « không được quyền đến thăm ông » phải chờ đến nhà thương cứu chữa !

Picasso chết đi để lại cho xứ Tây-ban-nha của ông trên 1000 họa phẩm và làm quà cho điện Le Louvre của Pháp những họa-phẩm của các đại-danh-họa Corot, Cézanne, Courbet, Matisse, Braque mà ông đã sưu tầm được. Bức «Guernica» được Picasso tặng cho Tây-ban-nha, nhưng theo ý muốn của ông, bức danh họa chỉ được chuyển về Tây-ban-nha khi nào quyền tự do được tái lập ở nước này.

Những phát giác kỳ dị về

«*Những phát giác kỳ dị chung quanh cuốn Chinh Phụ Ngâm điển âm tân-khúc*»

Ông Vũ Tiến Phúc, trong Bách Khoa D (ngày 1-1-73), có bài nhận xét về cuốn «*Chinh Phụ Ngâm Điển Âm Tân Khúc* (Lá Bối, 1972) của tôi và ông gọi là *những phát giác kỳ dị* về các nhận định của tôi.

Khi đọc xong toàn thể bài ông, tôi lại có *những phát giác kỳ dị* về chính bài viết của ông.

Bài ông Phúc chia làm các phần,

I) Một nghi vấn văn học.

II) Phát giác của Giáo sư Nguyễn Văn Xuân.

Tôi trả lời ông từng điểm :

I/ Phát giác kỳ dị về ông Phúc không đọc sách mà phê bình sách

Trong phần *nghi vấn*, ông có nêu 2 điểm :

— a) Giới thiệu lại nguyên do có bản Chinh-phụ-ngâm cùng các bản dịch. Trong phần này, ông viết một cách chắc nịch :

Sự lưu truyền của Đoàn Thị Điểm phải có nguyên do. Nguyên do chính là cái tài phiên dịch lưu loát, tài tình, nhiều đoạn gần như sáng tác, có thể hay hơn nguyên tác.

Rồi ông cũng có giới thiệu qua bản dịch của Phan Huy Ích, với bài Ngẫu thuật, không phải đề suy luận về ý nghĩa, giá trị bài này mà là đề trình bày bài dịch của ông (nói cách khác, ông đọc được chữ Hán ? Điều này rất đáng ngạc nhiên ; vì sao, xin xem sau).

b) Trong phần tiếp theo ông không

nhắc gì, tí gì tới gần 40 năm tranh luận gay gắt từ khi Phan Huy Chiêm, 1926, trong Nam Phong số 106, đã cho biết bản lưu hành là của tổ tiên mình, do đó mới có bài thơ Ngẫu thuật ông Phúc đã nêu trên. Rồi tiếp theo đó là một loạt những cuộc thảo luận của các nhà biên-khảo Đông Châu, Hoàng Thúc Trâm, Trúc Khê, Dương Quảng Hàm v.v...

Vào 1953, xuất hiện một công trình biên khảo độc đáo của Hoàng Xuân Hãn : «*Chinh phụ ngâm bị khảo*» do nhà Minh Tân xuất bản ở Paris. Đây là một công trình đã làm xôn xao dư luận Nam, Bắc khiến nhiều nhà biên khảo, phê bình phải jên tiếng một cách thận trọng như ít khi thấy trong nền văn học của ta. Ấy là vì ông Hoàng Xuân Hãn đã tìm tài liệu trong nhiều nước trên thế

giới rồi khéo phân thoại cả bảy bản dề âm và phỏng dịch hoàn toàn khác nhau mà ông đã đoán tác giả như sau :

Bản A : Xuất hiện sau nhất trong loạt diễn nôm, đúng là của Phan Huy Ích, căn cứ theo gia phả, bài thơ Ngẫu thuật, bản lưu trữ tại gia đình Phan Huy.

Còn các bản khác thì có thể là của :

Bản B : Đoàn Thị Diễm (ông Hãn quả quyết)

Bản C : Nguyễn Khản ?

Bản D : Vô danh.

Cùng hai bài phỏng dịch :

Bản E : Bạch Liên Am Nguyễn

Bản F : Vô danh

Bản G : Vô danh

Công trình ấy đã được rất đông người nhận xét phê phán. Nhưng công phu nhất là có hai ông Nguyễn Văn Dương (Nam) và Lại Ngọc Cang (Bắc) đã nghiên cứu và viết nên hai bộ sách dày trên ba trăm trang (mỗi cuốn) đề biện minh cho thuyết của học giả họ Hoàng. Nhưng tuy thuyết ấy rất đúng mà vẫn còn thiếu một sự kiện xác nhiên, tức là một bản in cũ đề thập phần hoàn hảo. Tôi đã tìm ra bản chép in cũ và đã công bố bản chép in ấy trong tập *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* của Phan Huy Ích.

Việc quan trọng, phải đề ra bao nhiêu công lao của ông Hoàng Xuân Hãn như thế mà cũng trong phần đầu «Một nghi vấn văn học», ông Phúc viết như sau :

«*Học giả Hoàng Xuân Hãn có tìm được một bản in đầu thế kỷ XIX, có cả bài tựa của nhà xuất bản. Bài tựa như sau :*

«*Tựa Tân san Chinh Phụ Ngâm từ khúc.*

«*Năm Ất Hợi (...) Trung Hòa Hiệu căn tựa*».

Tôi lược bỏ nội dung bài tựa. Vì trong bài ông Phúc và trong sách của tôi có chép đủ. Nhưng tôi vô cùng sửng sốt và tôi chắc tất cả những ai đã đọc sách tôi cũng đều sửng sốt. Vì rành rành là bài tựa ấy nằm ngay trong bản chép in của chính tôi tìm ra. Rành rành đến độ không có cách gì mà lăm lăm. Ấy, như thế mà ông Phúc còn ghi chú thêm ở dưới, liền theo đó :

(*có dấu hiệu Chính trực đường hiệu từ, và Trung Hòa Hiệu đồ thư. Cái ngoặc chú thích ở trên nói «vào khoảng tháng 8, Tây lịch 1815» là của học giả Hoàng Xuân Hãn*)

Thật rõ ràng ông Phúc không đọc gì hết vào phần quốc ngữ. Hoặc giả phần quốc ngữ đọc không hiểu được thì lại còn phần chữ Hán và chữ Nôm rất rõ ở phía sau. Hay ông Phúc bảo là không đọc được phần ấy thì thật vô lý ! Vì chính ông đã dịch được bài Ngẫu thuật «học búa» trên kia mà (Chứng ông chỉ dịch... thụi ?) Hay ông bảo ông không biết có loại sách này ? Cũng vô lý vì trong sách của tôi, ở trang 31 tôi đã ghi rõ là có 500 cuốn in thêm phần Hán và Nôm cho người tham khảo. Nhà phê bình còn hơn một nhà tham khảo !

Hơn nữa, cũng trong bài thảo luận với Tạp chí Văn học suốt các số 153, 154 — 158, 159, 160, cũng đúng vào đạo ông cầm bút phê bình, tôi đã nói rõ là tôi còn để cả bản *chép in*, các phim, ảnh về bản *chép in* để những vị nghiên cứu, phê bình xem cho hãn hữu, tra cứu lại từng chữ bị mất trên bản in offset để các vị ấy có thêm dữ kiện.

Công việc từ bốn mươi năm, ông không đọc; công phu ông Hoàng Xuân Hãn ông không đọc; dở sách tôi ra xem, ông không chịu đọc kỹ, lẫn lộn bài của tôi với bài của ông Hãn, vậy mà ông cũng hạ bút khen chê thì quả ông thiếu thận trọng đến mức tối đa.

Ấy thế mà ông còn có *phát giác kỳ dị* này nữa mới lạ chứ:

«*Trung Hòa Hiệu ở đầu thế kỷ thứ XIX, bất quá chỉ mới xa thời sáng tác của Chinh phụ Ngâm khúc trong vòng năm sáu mươi năm, mà không dám khẳng định người dịch bản Chinh phụ Tân khúc là ai, thì người ở hạ bán thế kỷ XX, niên đại xa vời hơn, tài liệu thiếu sót hơn, quyết không nên võ đoán.*»

Ông Phúc bảo Trung Hòa Hiệu không dám khẳng định ai là người dịch? Thì chính họ đã khẳng định bằng hai bài tựa: *một của nhà xuất bản khi tái bản vào năm Gia Long mười bốn, sau khi ấn hành bộ «Bắc sử thông giám» và bài tựa khác của chính Phan Huy Ích viết đúng vào «Sơ Xuân năm Giáp Tý (1804) tôi phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành (...)*» (1).

Từ xưa tới nay, ít khi có tài liệu cớ nào chính xác đến như thế vì nêu rõ trường hợp sáng tác, địa điểm, thời gian và phương pháp làm việc của người diễn âm kỹ như chính trong bài tựa của Phan Huy Ích.

Dù bài tựa ấy mất tên của Phan Huy Ích, song nó là tài liệu xác nhiên mà không cần tra cứu kỹ, chỉ so sánh nó với bài Ngẫu thuật ông Phúc dịch trên kia cùng gia phả họ *Phan Huy* cũng biết là *một*, do *một* người viết ra cho *một* cuốn sách. Ngay Giáo sư Lê Hữu Mục, người cố tìm cách nhận xét bản nôm đề soi sáng tác giả là ai, (2) cũng phải xác nhận: «*Đọc vào*

(1) CPNDATK. Sđd (trg 32)

(2) G.s Lê Hữu Mục và Tạp chí Văn Học dành 1 số đặc biệt đề «*Khám phá danh tính dịch giả Chinh phụ Ngâm*» số 153 kéo dài sang số 154. Tôi có trả lời liên tiếp trên ba số 157, 158, 159. Tạp chí VH, trong 2 số 158, 159 hứa sẽ trả lời tôi với sự hợp tác của các vị chuyên môn sau đây:

— Gs Nguyễn Văn Sâm, gs chữ nôm Đại học Văn khoa Saigon.

— Gs Nguyễn Văn Y chuyên viên Hán văn tại Phủ Văn Hóa.

— Giáo sư Lê Hữu Mục, chuyên viên chữ nôm Đại học sư phạm Saigon.

Nhưng qua mấy tháng, không thấy phần trả lời của Văn Học và các vị trên, nên tôi coi như cuộc thảo luận với Văn Học chấm dứt và tên Phan Huy Ích diễn giả là một điều xác nhiên.

Dù sao nhân đây tôi cũng cảm ơn Giáo sư Lê Hữu Mục đã nói những điều trong phạm vi hiểu biết về chuyên môn. Tôi cũng cảm ơn Tạp chí Văn Học đã *thấy tầm quan trọng của vấn đề* mà mời các chuyên viên góp phần xây dựng dù về sau không thực hiện được.

bài tựa chữ Hán, ta phải công nhận với giáo sư Xuân là các dữ kiện được đề cập tới rất phù hợp với những chi tiết trong tiểu sử của Phan Huy Ích» (VH 154)

Vậy chỉ khi nào ông Phúc bác bài tựa trên kia (như G.s Lê hữu Mục đã làm và không thành công) (1), và ông có lý luận cao xa gì để bác thì mới nên nói, còn không thì rõ ràng

(1) G.s Mục chỉ ngờ là tựa ấy viết cho bản chữ Hán. Nhưng rõ ràng là tựa nói : (...) Sơ Xuân năm Giáp tý (1804) tôi phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc thành (Hà Nội) trong lúc nhân muện, dỡ sách cũ (cựu giải tức các bản dịch Chinh Phụ Ngâm cũ đã nhắc trên) ra, nhân ngứa nghề, mới lấy *nguyên ngâm* kiểm điểm thật kỹ lưỡng, có câu rút ngắn, có ý kéo dài đều dùng từ

là ông không chịu hiểu gì về bài tựa có tầm mức vô cùng quan trọng đối với văn học sử kia cả.

Vậy mà ông dám lên giọng khuyên răn « quyết không nên vô đoán » thì tôi thấy thật là *kỳ dị* !

NGUYỄN VĂN XUÂN

Kỳ tới : Phát giác kỳ dị về việc ông Phúc cho ai yêu trộm... Ngọc Hân là không thể tưởng tượng nổi.

khúc (tức song thất lục bát) cộng hai trăm bốn liên (408 câu). Tôi chỉ cốt ý cho rõ tinh thần lý mạch của *nguyên tác* kẻ đọc sẽ lấy làm thỏa thích, chứ không có ý cạnh tranh...» Rõ ràng là bài tựa nói tới *nguyên ngâm*, *nguyên tác* (của Đặng Trần Côn) thì nó là bài *dịch* rồi, huống nữa nó còn đi xa hơn là « có câu rút ngắn, có ý kéo dài » thì rõ ra một bản diễn âm tự do.

Đã phát hành :

BỨC BÌNH PHONG

Truyện dài của S. MAUGHAM

Bản dịch của NGUYỄN MINH HOÀNG

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

NHÀ XUẤT BẢN CỬU LONG

đã hoàn tất và phát hành một kiệt tác :

TOM PAINE

của HOWARD FAST

Tom Paine là nhà cách mạng lừng danh trong lịch sử cách mạng ở Châu Mỹ.

Nhưng Tom Paine lại cũng là một nhà cách mạng đơn độc, một đời tranh đấu cho người, trọn đời vì người, vì đời, vì nhân loại. Đến rồi sau cùng, khi nhắm mắt nằm xuống, không một giọt nước mắt nhỏ cho người đã suốt đời làm cách mạng phục vụ cho đời, cho nhân loại.

Tom Paine

Đã sống lại dưới bút pháp độc đáo tân kỳ của Howard Fast trong tác phẩm :

TOM PAINE

làm say mê và làm hài lòng những bạn đọc khó tính nhất.

ĐỒNG NAI TỔNG PHÁT HÀNH

Gặp lại Vũ Hữu Định

Thơ TƯỜNG LINH

Thì ra người ch[?]a hết gian nan?
Thôi hãy cầm như lửa thử vàng
Tạm gác ưu ư ngồi nán lại
Cùng ta đối ẩm mặc canh tàn.

Ta ở phương này mãi ngóng trông
Tin người, ta đợi suốt mùa đông
Tìm nhau giữa bóng đêm kinh dị
Ngày hẹn còn xa vết nắng hồng.

Chai rượu chờ người dịp tết qua
Ba hôm nguyên đán, một mình ta
Phổ đông rạo rức cờ ngưng chiến
Ta nhớ người thêm nỗi nhớ nhà.

Rượu vẫn còn nguyên—người uống đi
Đã lâu ta mới rót đầy ly
Bao nhiêu hệ lụy đời gieo rắc
Không đủ làm cau hai nét mi.

Có phải dường như hơn một lần
Sầu riêng người kẻ với tha nhân
Qua thơ đầy dáng tân chinh phụ
Tóc rối mùa thương mấy độ xuân?

Ta đọc rồi lây tâm sự người
Cảm ơn Thơ với cảm ơn người,
Cảm ơn... uống tiếp ly này nữa
Rồi cảm ơn ngày lửa đã vui.

Ta? — vẫn lừng khừng như rứa đó
Thường buồn nên cũng có khi say
— Không không, đâu dám xưng nghèo khổ
Giữa lúc bao người quá đặng cay!

Người yêu xưa hã—hơi đâu nhớ
Và chắc gì ai vẫn nhớ ta ?
Tất cả trở thành bèo bọt hết
Còn gì giữa biển sóng bao la !

Xin hứa ly nà thôi, ráng lên
Phải chặng người mới nhắc vài tên
Chúng không về nữa... không về nữa
Hãy cố say rồi người sẽ quên...

(Gia-định, 25-3-73, đêm)

TƯỜNG LINH

Mùa Trắng Chim Biển Hoa Quì

Thơ ĐẠM NHƯ

Chim tha nụ hoa Quì
Về bên kia cõi núi
Gió chiều mây trôi đi
Nghe mang mang lòng sưởi

Em về mây cuối Hạ
Ao tơ xanh màu cỏ
Có đôi con bướm vàng
Làm một mùa thương nhớ

Anh hái nụ hoa Quì
Em cười trong lòng mắt
Anh làm chim biển Bắc
Bay trong giòng Xuân-Thu

Tóc em rẽ đôi bờ
Đỗ xuôi con suối nhỏ
Anh như thuyền cuối bãi
Năm nhớ trắng đầu sông

Đêm nguyệt cầu

Thơ TRẦN NGỌC KIM

(tặng Lê-Nguyên-Ngũ)

Tôi u hoài tìm lại dấu chân xưa
ngồi đốt lửa một mình trong thạch động.

oOo

Cảm ơn đời đã cho tôi ý sống
cảm ơn em tôi đã biết tôi buồn
trong những đêm dài gặm nhấm cô đơn
với thức mắc chưa bao giờ dám hỏi.

Lòng vốn có những-qi-không-thể-nói
nên một đời không hiểu nổi thiền sư
cũng vào chùa nhưng lánh mặt thầy tu
xé sách vở và cầm thù chữ nghĩa.

Hé cửa sổ mỗi chiều nhìn nghĩa địa
tôi bỗng buồn cho cái-cõi-người-ta
những con ngựa già thất thểu đi qua
ngoảnh cổ lại nhìn mộ bia bờ ngõ.

Làm hoa dại trong vườn hương bở ngỡ
chắc em buồn nằm đếm những mùa thu
rời trong đêm dài tháng bảy mưa Ngâu
em đối bóng có thương mình lẻ bóng ?

Tôi còn đó đam mê và ảo vọng
những ly cà phê đắng những đêm đen
những người tình khoảng khắc hoặc chưa quen
những loạn tinh những lần đi trốn nợ.

Dòng sông đó—có lần em tự tử
chắc cũng buồn đổ lệ khóc tà huy ?
mình không còn hộ ngộ hay chia ly
mà chỉ có những đêm dài mất ngủ.

Như bóng vượn kêu sương dài tiếng hú
tôi hiện hình làm thú dữ đêm nay
như người mù không chiếc gậy cầm tay
tôi quờ quạng tìm tôi trong bóng tối.

oOo

Bởi điên loạn nên một đời sám hối
tôi nguyệt cầu xin tôi được là tôi.

Vách đá cheo leo

Thân tặng anh Phạm-Ngọc-Lư

Cu Tý chờ không được nữa, lên tiếng giục :

— Mặt trời sắp lặn rồi nội. Mình về thôi.

Ông lão không trả lời đứa cháu nhỏ, cố nheo mắt nhìn vào lùm cây rậm bên bờ suối. Chẳng bé không chịu thua :

— Nội không chịu về thì con về trước. Mai con không theo nội nữa đâu.

Ông lão gắt :

— Mà theo chỉ làm rồi ông chứ được ích gì. Để yên cho ông tìm sợi mây cột bó củi đã. Nội mới tìm được có một sợi thôi.

Cu Tý chộp được cơ hội chứng tỏ mình cũng là người hữu ích, chạy đến lay tay ông nội :

— Để con chỉ cho. Chỗ lùm cây này không có sợi nào đâu. Chỗ phía trên gành có nhiều mây lắm.

Ông lão gật gù, lăm bằm điều gì trong mồm, vui vẻ theo chân đứa cháu nhỏ.

Hai ông cháu vừa làm việc khác nhau chuyện bán củi hôm qua. Cu Tý bảo :

— Mình bán đủ củi cho lò bánh xong, thì đi chặt bồi bán cho lò gạch.

Ông lão nhận xét :

— Ủ, tao chặt trụi hết cả rừng

dày, mà chưa lấp nổi mấy cái lò hấu ăn.

Cu Tý không hiểu, hỏi lại :

— Nội nói cái gì ?

— Ta nói mấy cái lò hấu ăn, hiểu không ?

Vừa nói ông lão vừa chỉ vào miệng cu Tý đang há hốc ra kinh ngạc. Ông lão giải thích thêm :

— Tụi bay ăn dữ quá, một bữa năm sáu chén cơm, làm cho nội chặt trụi cả cây rừng đem bán vẫn chưa đủ tiền mua gạo.

Rồi ông lão trầm ngâm, lời nói giống như một tiếng thở dài :

— Đáng lẽ tới tuổi này, tao chỉ ngồi vuốt râu uống nước trà, chờ cha tụi bay nuôi. Nhưng Trời không chịu lòng người, biết làm sao giờ.

Cu Tý mãi nghe, không chịu kéo mạnh dây mây để siết chặt lưng bó củi. Ông lão nhắc :

— Con kéo mạnh cho nội chứ. Miệng nói, tai nghe, nhưng tay đừng quên làm.

Cu Tý cười, giúp ông nội bó ôm củi còn lại. Để chữa lỗi, nó lẳng xẳng chạy lấy cây đôn xóc đem lại cho nội, phụ với ông cầm mạnh đầu nhọn cây đôn vào phía dưới dây buộc. Hai ông cháu vừa làm việc vừa cười đùa. Xong đâu đấy, ông lão hỏi cháu :

— Bây giờ cháu muốn gì? Vác rựa cho ông, hay là đi tay không để nhặt đá cuội về chơi ở làng?

Cu Tý phụng phịu:

— Hôm qua con mất công đem về, tụi nó khóc la dành hết của con. Bữa nay con không thèm nhặt nữa. Để con vác rựa cho nội.

— Vậy càng tốt. Đem về bỏ lẩn lóc thêm dơ nhà. Nào, chúng mình về.

Ông lão chậm chạp khom lưng xuống, kê vai vào dưới cây đòn xóc, bậm môi lấy gân nhắc gánh củi đứng dậy. Sức nặng đè lên đôi vai già làm cho ông lão xiềng tảng một chút, nhưng ông gắng gượng giữ được thăng bằng. Ông đứng yên một chỗ nhún nhún vài cái cho quen vai, rồi vịn một tay vào bờ đá bắt đầu bước.

Cu Tý chạy trước ông nội, đôi chân nhỏ chuyên liến thoắng trên các mỏm đá như con sơn dương hí hửng. Tự nhiên nó thấy hồn rộn rã. Nó quên mất gánh nặng của nội. Đến lúc nhớ lại thực tế, nó hốt hoảng khi quay nhìn sau lưng không thấy cái dáng chậm chạp khắc khổ của nội đâu cả. Cu Tý chạy ngược trở lại, qua khỏi một khoảng trường rậm quanh co, mới thấy ông nội đang ngồi bệt bên đường, gánh củi đặt sát bờ đá. Cu Tý hỏi:

— Nặng quá phải không nội?

Ông lão chưa kịp trả lời, đứa bé đã nói tiếp:

— Con đã bảo bấy nhiêu đủ rồi,

không cần chặt thêm nữa. Nội không nghe. Nội cứ sợ người ta chê ít, mai không mua của mình. Gánh củi của bác Ba ít chứ đâu có nhiều như gánh củi của mình. Mà lò bánh họ có nói gì đâu. Con...

Ông lão ngắt lời:

— Không phải đâu. Đừng lải nhải nội bực lắm. Gánh củi này thối gì. Nhưng mắt nội hơi yếu. Nội vấp cục đá. Sợ móng chân cái tróc ra mất.

Cu Tý sợ hãi ngồi sà xuống trước mặt ông nội. Ông nội đã nói thật. Ngón chân cái bên phải của ông lão đầy cả máu, và mỗi lần ông lão ấn ngón trỏ vào móng, thì máu lại trào ra. Cu Tý cuống quít không biết làm gì, cứ hỏi:

— Làm sao hở nội? Làm gì bây giờ hở nội?

Ông lão hơi bực, gắt đứa cháu:

— Mày làm gì la nhặng lên thế? Đi rừng vấp chân chảy máu là thường, chứ có gì đâu. Vạch quần dài lên chân ông nội cho sát trùng, rồi chờ cầm máu mình lại gánh củi về.

Cu Tý không dám nói gì thêm, vâng lời ông lão, đi tiểu lên chỗ bị thương.

Thấy bụi đường văng lên chỗ lở, nó nhắc:

— Ông để chân lên hòn đá cho sạch.

Ông lão thấy cháu nói có lý, dòi

bàn chân đau lên chỗ mặt đường có tảng đá phẳng. Cu Tý hơi khom người xuống để nước tiểu rơi nhẹ lên ngón chân, cho nội khỏi đau. Ông lão thấy cháu có ý tứ, cảm động, vỗ vỗ lên vai Cu Tý :

— Sao con biết nội bị vấp mà quay lại ?

Cu Tý nói dối :

— Con cứ chạy một quãng lại nhìn trông chừng, sợ nội theo không kịp.

Khi cu Tý tiểu xong, ông lão bảo :

— Thôi, được rồi. Để nội ngồi yên một chút cho máu hết chảy, mình lại bắt đầu đi. Con không thích lượm đá cuội nữa sao ? Ông nói đùa, ông không la đâu. Lại chỗ lòng suối kia tìm mấy viên nhỏ và tròn đem về chia bớt cho mấy em.

Cu Tý đi rồi, ông lão nhìn lại ngón chân cái của mình. Tuy hơi rát, nhưng máu đã bớt chảy. Đầu móng chân bị vệt đi một chút, để lộ một mảng thịt hồng. Ông lão đảo dặt nhìn quanh, tìm lại viên đá đã làm cho chân ông đau. Nó nằm cách đó không xa. Ông lão nghiêng mình với tay nhặt lên. Viên đá nhỏ xù xì, đầy góc nhọn sắc chẳng kém mũi dao. Lòng tự nhiên tức giận, ông lão cầm viên đá giơ lên cao, lấy đà, định ném thật xa cho rơi tôm xuống khúc suối nước đục. Nhưng vào phút cuối, ông lão dừng lại. Ông nhìn hòn đá chăm chú một lần nữa. Viên đá màu mỡ gà, nhưng chẳng chịt những đường chỉ đỏ như gân máu trong lòng mắt người già. Ông lão nghĩ :

Trong thân thể mình, chắc cũng có những đường máu chẳng chịt như thế này. Nhờ thế khi bị vấp, máu chỉ rịn dần dần chứ không tuôn xối xả. Ông lão tự nhiên thấy trở thành quyến luyến viên đá. Ông cảm thấy, mơ hồ, trên cái dáng xù xì lồi lõm, bằng những màu sắc hỗn tạp chỗ vàng chỗ trắng chỗ xám chỗ đỏ, một gương mặt chập chờn. Chỗ nhô ra này có thể giống với chóp mũi con chó nhỏ, nhưng chỗ lõm này lại giống cái miệng người. Ông tìm đôi mắt. Tuyệt nhiên không thấy đâu. Chỉ thấy các đường gân máu trên má trắng. Ông chợt nhớ viên đá đã làm cho ông chảy máu chân, nên sẫm soi tìm kiếm xem máu còn dính đâu đây không. Vẫn tuyệt nhiên không thấy đây. Hay là mình lầm với một viên đá khác. Mình có vấp vào một viên đá, nhưng có thể viên đá này vô tội. Tay ông mân mê viên đá xù xì, dần dần cảm thấy hơi ấm mặt trời chuyển từ viên đá qua tay mình. Khám phá ấy làm cho ông lão xúc động, ngồi lặng trầm ngâm. Sức sống của mặt trời truyền vào tấm thân tàn tạ này, giữa lúc hoạn nạn và trong bóng chiều ử dột khiến ông nôn nao. Ông nhìn thẳng trước mặt, chỉ thấy màu lục chập chờn, trong khi gió lay động chòm râu bạc, từng sợi từng sợi phát phơ. Nếu đứa cháu không trở lại, chắc ông lão còn ngồi trên như vậy lâu lắm. Cu Tý khoe :

— Con chọn được 25 viên cuội trắng. Mỗi đứa được năm viên. Con chỉ sợ thằng Mạnh lại đòi phần của con Lý.

Thấy ông nội vẫn còn ngờ ngác, cu Tý hỏi :

— Đau lắm phải không nội ? đã hết chảy máu chưa nội ?

Ông lão giật mình, trả lời lấy có :

— Hết rồi con.

— Nội vấp vào chỗ nào, đâu ?

Ông lão nghe cháu hỏi, vội giấu viên đá đang cầm nơi tay trái vào lòng.

Cu Tý không chú ý, tiếp tục hỏi :

— Đã hết chảy máu chưa nội. Để con coi thử. À, hết rồi. Máu đã khô. Nhưng sao tay nội còn dính đầy máu thế này ?

Ông lão cống quít định đưa tay trái lên xem, nhưng cu Tý đã chụp lấy bàn tay phải của ông. Cháu ông nói đúng. Mấy ngón tay phải của ông còn dính đầy máu. Từ nãy đến giờ mãi lo săn sóc cái chân, ông quên cái tay. Ông đưa tay lên chùi vào vạt trước, nhưng sợ giặt không đi, nên ngập ngừng dừng lại ở khoảng lưng chừng. Ông nhìn quanh quất. Cu Tý hốt hoảng :

— Tay của nội cũng bị thương nữa sao nội ?

Ông lão trấn an đứa bé :

— Không phải đâu. Đừng lo. Ông lấy tay nặn cho máu bầm chảy ra hết, nên bị dính phải. Để nội chùi sạch cho con coi. Không bị thương chỗ nào hết.

Ông lão vừa nói vừa tiếp tục tìm thứ gì chùi máu trên bàn tay. Chợt ông chú ý đến lớp rêu khô bám trên mặt đá vệ đường. Mặt đá quay về hướng bắc, và lớp rêu một

mùa gió mưa năm trước bây giờ chỉ còn lại một mảng khô màu thẫm.

Ông lão đứng dậy, tiến về phía mặt rêu :

— Nội chùi vào đây cho sạch tay, rồi mình còn về.

Lớp rêu khô mịn như mặt nhung. Máu dính lên lớp rêu, để lộ lớp da nhẵn chai đá trong lòng bàn tay lão tiều. Nhưng một vài cọng rêu héo bám theo bàn tay, nằm rải rác trên năm ngón gầy. Ông lão tìm khoảng rêu khác chùi mạnh tay một lần nữa, cần thận lau sạch máu bầm trên từng ngón đen đúa. Chính lúc đó ông mới chú ý dưới lớp rêu khô héo còn có một lớp rêu non mới nhú. Ông lão thích thú lấy ngón tay trở nhẹ khắp mặt rêu. Đâu đâu cũng có một tầng rêu xanh ần nấp, chờ sẵn sương đêm. Cu Tý giục :

— Đã xong chưa ông nội. Trời tối qua mương không kịp đâu.

Ông lão quay lại nhìn cháu, thấy mái tóc dài phủ gần kín vầng trán thơ ấu, trong khi đôi mắt cu Tý mở lớn một vùng trời hy vọng, mơ ước. Ông lão chợt nghĩ đến việc so sánh cọng rêu xanh và đôi mắt đen láy này, lòng xôn xao khác thường. Bấy giờ nắng chiều qua ngọn cây, tung tăng bên bờ đá phía bên kia suối. Côn trùng chim chóc bắt đầu hoạt động trong các bụi rậm, nhộn nhịp riu rít. Ông lão muốn ôm cháu vào lòng để tỏ niềm triu mến, nhưng khi đưa hai bàn tay lên ông mới nhớ mình còn cầm viên đá xù xì ở tay trái. Cu Tý tò mò :

— Nội cũng lượm đá về chơi ở làng hờ nội ?

Ông lão vội vã cải chính:

— Tao chừng này tuổi đầu mà còn chơi ở làng hay sao ? Đem về cho mẹ tụi bay đặng thạp dưa cải.

Cu Tý cũng không vừa:

— Nội lắm rồi. Đặng dưa cải thì phải chọn mấy hòn đá tròn láng mới được. Hôm trước con cũng đem về một viên đá lớn cho mẹ, nhưng mẹ chê xù xì quăng đi. Mẹ muốn nhờ nội tìm cho một viên thật lớn, nhưng sợ nội yếu nội mệt...

Lời đùa cháu làm ông lão suy nghĩ. Vâng, ông chưa yếu, nhưng không còn mạnh mẽ. Không biết bao giờ ông yếu đến độ không thể đi củi được nữa, và đến lúc đó, liệu gánh dưa cải của người dâu nhỏ ốm có đủ nuôi cả gia đình ? Vợ ông mất từ lâu. Từ hồi thằng Đành mới có 10 tuổi. Một cha một con sống âm thầm bên rẫy, ngày hai lần nhìn mặt trời mọc lên từ bên kia đỉnh Chóp Vàng và lặn mất đằng sau đỉnh Chóp Vàng. Thằng Đành lớn lên như cây cối, cho đến lúc ông lão thấy phải dời nhà xuống đồng cho con lập gia đình. Ông nhớ núi, ngày ngày ngồi bó gối nhìn ngọn cao sừng sững bên kia đồng lúa trĩu. Nhưng ông còn nhiều việc để làm cho tạm người nhớ. Cu Tý ra đời. Rồi lần lượt con Lý, thằng Sư, thằng Mạnh, con Miên. Đành mạnh khỏe và tháo vát, ngược xuôi chu cấp cho cả gia đình đông đúc. Lúc Đành phải nhập ngũ, ông lão tưởng đời sống sẽ bị

hoàn toàn đảo lộn, nhưng lúc nào Đành cũng lanh như con sóc. Nó xin làm việc ngay tại chi khu, gần gũi gia đình. Sự đảo lộn chỉ thật sự bắt đầu lúc cây cầu bắc ngang qua suối do Đành can nhữ bị giật sập. Sức nồ phanh thây Đành ra một đồng bầy nhầy. Ông lão không còn có quyền ngồi bó gối gửi nhớ nhung về đỉnh Chóp Vàng. Ông phải trở lại nghề cũ nuôi cháu. Ông biết sức khỏe mình ngày càng kém. Gối đã run, tay đã yếu. Mắt đã hấp hèm trên bước chân nam chân xiêu khó nhọc. Nhưng ông lão còn ráng được. Ông tin mình còn đủ sức kéo lết cuộc đời qua ngày đoạn tháng. Con ho trở mùa chưa tới, đó là một điềm lành.

Nghĩ tới đó, tự nhiên cõ ông ngửa, và dù cố gằn, cơn ho dữ dội vẫn ào ạt ập đến. Ông lão ngồi rũ bên gánh củi, gập người lại cố lấy hết ý chí cưỡng lại bệnh tật. Cu Tý quăng cả mấy viên cuội đẹp trên tay, chạy đến vuốt ngực ông:

— Nội ho trở lại phải không nội ? Chắc sương chiều đã xuống rồi. Khí núi lạnh lắm. Mẹ nói hơi núi độc hơn cả gió bắc. Minh về nhanh lên nội.

Lời thằng bé giúp ông lão nhận thức được hoàn cảnh. Phải, có lẽ khí núi lạnh khi mặt trời đã lặn bên kia Chóp Vàng làm cho phôi ông lão yếu đi. Phải về gấp. Ông bước đến gần gánh củi, khom lưng kê vai vào đòn xóc. Ông lấy hết sức đứng dậy, nhưng sức lực ông tiêu tán đâu mất hết. Ông không nâng nổi gánh củi lên

khỏi mặt đất. Thấy Cu Tý theo dõi mình, ông lão giả vờ bảo :

— Trời còn sáng mà cháu. Đều ông ngồi một chút cho hạ đàm, rồi về cũng không muộn. Khi nào nắng hết chiếu trên đỉnh Chóp Vàng, mình mới sợ.

Cu Tý không biết nội quá yếu phải ngồi dưỡng thương, vui mừng đề nghị :

— Nếu thể nội chờ con đi nhật lại mấy hòn cuội. Lúc nội ho rũ, con sợ quá, quãng đi mất hết.

— Ừ, con đi nhật đi, nội chờ.

Lúc Cu Tý chạy đi rồi, ông lão thử bậm môi nhắc gánh củi lần nữa. Nhưng nước mắt tự nhiên trào ra, đầu gối run lay bầy. Ông ngồi phệt lên mặt sỏi, lo lắng, rồi sợ hãi. Chắc cơn ho làm cho mình yếu đi, hoặc máu chảy nhiều làm cho gân cốt mềm lại. Hãy chờ một chốc nữa. Có tiếng sột soạt trong bụi rậm gần đó. Một con rắn mới ló đầu ra khỏi mớ cây dại thấp, dáo dác nhìn quanh, rồi dăm dăm nhìn ông lão. Bốn chân rắn bám vào mặt đất, trong khi cái đầu không thôi ngơ ngác. Ông lão nhặt một hòn đá nhỏ, quãng vào bụi rậm để gây tiếng động. Con rắn sợ hãi quay đầu chạy trở lại đường cũ.

Cu Tý nghe tiếng đá rơi, chạy lại hỏi :

— Cái gì vậy nội ?

— Không có gì đâu. Nội nhát con rắn mới

— Nó đâu rồi, để con quãng cục đá cho dẹp đầu quách.

— Không nên. Nó chạy mất rồi.

Bốn cái chân lằng quằng bê cái mình nặng. Tội nghiệp.

Cu Tý cười :

— Nó có bốn chân mà thua mình hai chân. Mình nhảy vài cái, là về tới nhà liền.

Câu nói của Cu Tý làm ông lão suy nghĩ. Viên đá nằm lơ đễnh, bất động trên lối đi. Màng rêu bám vào vách núi, chờ gió chờ sương của mùa đông cũ. Con rắn mới khó nhọc bám chặt mặt đất lồi lõm. Gánh nặng cuộc đời đè nặng lên đôi vai, cũng dán chặt đời ông thân ông vào đồng lầy, sườn non, luống rẫy. Nhưng ông còn hai chân bước. Đầu gối ông chỉ cần khẽ gấp, là bàn chân có thể nhô lên khỏi mặt đất. Và bàn chân này đặt xuống là bàn chân khác lại nhắc lên, bước tới. Đất không đủ sức chôn chặt chân ông. Và thân hình ông đứng thẳng, mắt ông nhìn xa. Ông chưa đến nỗi nào. Trừ khi cuộc đời và tháng năm bẻ cong lưng ông xuống, trừ khi cái chết ép sát thân ông vào mặt đất, ông vẫn còn có thể tiến tới. Ông còn đứng dậy được. Ông muốn tự đặt mình trước một sự đã rồi. Ông bảo cu Tý :

— Thôi. Ông cháu mình về.

Cu Tý đồng ý :

— Phải đó nội. Nắng đã hết chiếu trên đỉnh Chóp Vàng rồi.

Lão tiều khom người xuống, hai chân dặng ra theo thế tẩn. Ông nghiêng vai. Đôi vai hơi mỏi, Ông bậm môi nhắc gánh củi lên. Gánh củi không nhúc nhích. Ông lão hít mạnh một lần nữa,

trí nghĩ đến cái nhục của loài bò sát.
Miệng ông bảo cháu :

— Nó bốn chân, nhất định phải
thua mình hai chân. Mình vươn vai
một cái, đã đứng thẳng lên ngay.

Ông vừa nói vừa lấy gân đứng dậy.
Ông lão đứng dậy được. Gánh củi
hơi chòng chành. Nhưng tay ông lão

kịp giữ lại cho nguyên thể thẳng bằng.

Rồi cụ Tý đi trước, bước chân
nhảy nhót như chân sóc. Và lão tiều
theo sau, bước chân đầm vững theo
chập thờ. Hai ông cháu về tới nhà
thì trời mới tối hẳn.

Qui-nhon 13-3-1973

NGUYỄN NGÂN SƠN

số 9 ...



... LÃ THUỐC THƠM
CỦA BẠN

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM
BẠC HÀ

Belfort
FILTER

RẤT MẬT

MIC CHOLON

Bánh mì và nghệ thuật

Gã ra khỏi nhà với cái bụng rỗng.

Xâu chìa khóa gã đã không nhớ bỏ vào túi nào nhưng chắc chắn nó nằm trong sáu túi đó. Hai túi áo lain^e và bốn túi quần.

Đường người đông.

Mặt trời buổi sáng ló lên sau lùm cây mờ đặng dầy đời xa. Người bạn đã tới Ty Bruu điện gọi một cái mandat về cho bà già ở miệt vườn miền Tây. Con chó mực miệng ngậm miếng xương chạy qua. Thằng bé vác gậy đuôi theo trượt chân té ở vũng nước khiến khúc bánh mì văng rớt nằm khuất sau bãi cỏ. Thằng bé khóc.

Gã không dám nhìn bãi cỏ.

Gã vẫn đi. Với áo quần. Với giày vớ. Với cái bụng rỗng.

Vì bụng rỗng nên đầu óc gã cũng rỗng. Gần hai ngày rồi gã không ăn một hột cơm. Chiều hôm kia mua chịu được khúc mì của con bé gần sạp báo. Nguyên một ngày hôm qua gã chỉ uống nước cầm cự. Đói, đọc sách cũng không vô. Ngủ cũng chẳng được. Suốt đêm rồi gã nằm thức chong. Và lúc vừa chợ mắt được một tí gã lại chiêm bao. Gã mơ thấy tiền bạc từ trên trần nhà rớt xuống như lá rụng thảng mười. Rớt xuống đê chôn ngang ngực gã. Ngộp thở gã sung sướng thức dậy chẳng thấy tiền bạc đâu chỉ thấy mớ sách báo hồi chiều, gã tức giận xé bỏ vắt lẫn lóc cùng giường. Sau đó, gã nằm thức, không tài nào dỗ giấc ngủ được.

Thức khuya và nhịn ăn khiến cơ thể gã suy yếu là dịp tốt cho bọn vi trùng nham hiểm mang bệnh tới. Trước tiên là bệnh nhức đầu. Nhức mỗi. Tứ chi gã long rời như cây thiếu nước vươn cành lá lên không nổi. Đầu gã nặng trĩch như đang đội một thúng đá.

Gã đang đi về phía chợ. Trước khi đi, gã đã cẩn thận uống mấy viên thuốc của người quen làm ở nhà thương cho hôm kia. Thuốc A.B.C. hết. Gã phải uống nửa viên Cotracyn. Uống thêm hai viên Ascorbic để giữ sức. Thuốc uống thì dư nhưng thuốc hút không có. Suốt một buổi gã phải vắn tàn hút như những bác nông dân. Hút như hút thuốc rê. Và khi có kẻ quen tới chơi vô tình đổ phần nước thừa trong ly vào chiếc gạt tàn làm ướt những khúc-tàn-tiên-dược gã đã tức giận la vang.

Chợ đông. Buổi sáng mù sương chưa tan. Đồi có biển cả mênh mông và những chân trời xa mịt nhưng gã lại bị vướng mắc vào cơm áo như sợi hữu hình cột niu lấy bàn chân mơ mộng. Gã bị vướng kẹt. Gã vung vẩy ngoi ngóp trong vũng bùn ô trọc. Gã vẫn đi.

Tiếng người đàn bà rao mời xôi bên góc. Bọn đàn bà lựa lựa đứng với chòm mặc cả trước gian hàng bán áo quần ngoại quốc viện trợ. Những chiếc bánh tiêu đang sôi lèo xèo trong cái chảo lớn. Đưa bé gái ngồi ăn chiếc bánh bao trên bệ gỗ để thương.

Người ăn xin, đi bằng hai tay và mông, đang khàn khàn ca điệu cải lương, lời than rên đã học thuộc. Người đàn bà bán cháo lòng hươu dao đuôi con chó đang châu mỏ ngửi nồi nước lèo.

Gã chóng mặt. Nhưng cứ đi. Gã đang băng qua một ngã tư có nhiều quán ăn. Có rất nhiều người ngồi cúi đầu trước những tô mì bốc khói. Mùi thơm bay tỏa quanh được khứu giác của gã tiếp nhận mau lẹ làm quận thắt ruột gan. Nghệ sĩ : Bánh mì và nghệ thuật. Hình như Nietzsche đã nói thế. Nghệ sĩ. Bánh mì. Nghệ thuật. Gã tin Nietzsche nói đúng. Và gã đang lần thân đi tìm kiếm cái nòng cốt của nghệ thuật là bánh mì.

Mười một giờ.

Báo từ Saigon đã lên tới. Gã ghé sạp báo.

Con bé bán bánh mì cười với gã. Gã định cười đáp lại nhưng khi thấy bà già của con bé đứng bán báo một bên, gã vội xụ mặt xuống. Có mặt con mẹ già đó thì chẳng được tích sự gì.

Gã lần khần tới rút một tờ báo coi. Coi tờ này đến tờ khác. Gã cố nấn ná chờ cơ hội tốt. Gã làm bằm. Trời ạ. Hãy khiến xui con mẹ đi đâu một lát. Một lát thôi, gã sẽ có khúc bánh mì.

Những cột báo trang nhất chạy từng tit lớn tin về chiến trường sôi động. Tin về những kẻ chạy loạn đói rách. Có rất nhiều người cũng đói. Có rất nhiều người đồng minh với gã. Cũng còn chút an ủi.

Gã đọc thêm. Con mẹ già vẫn ngồi ì ra đó. Những giòng chữ li ti như có chân đang nhảy múa trước cặp đồng tử lò dò của gã. Một thằng bạn quen, dừng xe, thấy đồng kềm trúng ngực con mẹ chủ, thò tay rút tờ báo, gật đầu chào gã rồi rú ga phóng đi. Đứa con gái mặc chiếc robe đỏ hỏi mua tờ Phụ Nữ Mới. Mùi nước hoa rẽ tiền tỏa ra từ thân thể ả người thấy như mùi rưng rức của xác chết ướp dầu thơm. Gã che mặt hắt xì. Người lính mặt lầm lì đứng sát vào cô gái khẽ cử động cánh tay. Đứa con gái hé miệng cười miêng chi. Miêng ả bôi son đỏ, há ra trông giống hai vệt máu bầm. Người lính lấn sát hơn với tay rút tờ Thách Đố lật sang trang tư xem mục phóng sự bề hội đồng.

Gã vẫn còn đứng. Và nhớ.

Cách đây không lâu, được một chú tăng quen biết giới thiệu, gã được vào ở chùa. Hai bữa cơm của ngày đầu gã thấy có sự mời và những nụ cười. Qua ngày thứ ba những nụ cười tắt mất. Đến ngày thứ năm thấy đã có các khuôn mặt nhăn. Tới ngày thứ chín những lời nói xiên xỏ bóng gió đã vang. Cho đến một ngày giữa tháng, buổi chiều, lúc ngồi vào bàn sắp sửa bưng chén cơm lên, gã bị một người đàn bà chừng như là kẻ trông coi việc bếp núc, đưa tay cản lại, nói :

— Thầy bảo chú không được ăn nữa.

— Tôi ?

— Ủ. Chính chú.

— Tại sao ?

— Không tại sao hết. Nhưng thầy không cho chú ăn nữa.

Gã kinh ngạc buông chén lằm bằm :

— Tu thì phải làm phước chứ. Tu hành gì thất hơn ác đức quá vậy.

— Chú nói gì ?

Gã giận giữ la lớn :

— Tôi nói bà tu cái kiêu này, trong vòng vài tháng nữa bà sẽ được xuống địa ngục ở với quỷ.

Người đàn bà, tức thì vén quần lên chồm tới châu miệng xỏ một tràng dài :

— Tao tu với Phật chứ tao có tu với chú mày đâu ? Chú mày muốn gì ?

Muốn gì ? Muốn đập ngay mặt bà một cái. Rồi nói : Chính bà là ác quỷ. Chính bọn người như bà đã bán Phật. Đồ bọn rắn độc. Gã nghĩ vậy nhưng không nói chỉ buồn tình rời khỏi chốn từ bi. Gã tưởng chừng như tượng đức Thích Ca bằng đồng ngồi giữa chánh điện đang rưng rưng nhìn theo những bước đi quàng xiên của gã.

Chuyện thật đã xảy ra như thế.

Con mẹ già vẫn còn ngồi đó. Gã trả tờ báo về chỗ cũ.

Gã tới phía con bé. Con bé đang gói bánh mì, thối tiền cho khách. Gã nói vài mẩu chuyện tầm phơ. Con bé nói cười miệng nhai rau rầu trái đào tiên. Hết trái đào con bé ăn sang trái bơ.

Gã không muốn nhìn vào chiếc miệng xinh xinh của con bé.

Nghệ thuật và bánh mì. Bánh mì và nghệ thuật. Tiếng nói thúc hối từ dạ dày và tâm thức gã vang vọng như kinh. Gã muốn có bánh mì. Nhưng con mẹ già ác ôn vẫn cứ ngồi trơ ra đó làm sào cản mũi. Gã không thể nào mua chịu được.

Hai đầu gối gã run run. Mười lăm phút trôi qua.

Thôi đi chỗ khác. Gã thăm nhủ xong chào con bé đi trở lui đường cũ. Giờ này cũng đã gần trưa. Gã vừa đi vừa tính tên những người quen khả dĩ có thể nhờ tạm một bữa. Chú Mạnh, Anh Phúc, Thăng Thiện, Anh Từ. Cộng lại bốn người.

Nhà chú Mạnh. Gã nhắm hướng đi tới chú Mạnh.

Cánh cửa sắt khép hờ. Gã đẩy cửa. Con chó to lớn ba màu sủa chồm hai chân trước. Gã la ới ới.

Thím Mạnh chậm chạp ra khàn khàn la chó như người mắc bệnh suyễn kinh niên. Gã gật đầu chào thím. Thím ngó lơ, lo la chó.

Gã vào nhà. Nồi su đang sôi sùng sục trên chiếc réchaud mười sáu tim đỏ lửa xanh.

Thằng nhỏ nằm khóc trong nôi. Gã đến gần vỗ nôi ru. Nín đi. Nín đi. Nhưng thằng nhỏ không nín.

Thím Mạnh hết la chó. Thím đang la con. Đầu tiên thím kêu :

— Con Hương đâu ?

Tiếng một bé gái từ trong buồng vọng ra :

— Dạ con đây má.

— Mà lo rợn gì đó hả con ranh ?
Mày có biết em khóc không ?

— Dạ biết.

— Biết mà còn ngồi trơ trơ ra à ?

— Dạ đề con đỡ.

Bé gái lại gần nôi. Gã hỏi thím
Manh :

— Chú đâu rồi thím ?

Thằng nhỏ vẫn khóc.

Thím Manh cầm cây chồi lông gà.
Gã hỏi lại lần thứ hai. Thím Manh
xoay cán chồi quất đập vào mông
đứa bé gái. Thím vừa đập vừa
nghe thấy răng gặm hú.

— Chơi. Chơi. Lo chơi. Chú
Manh đi Dalat rồi. Con ranh. Ăn rồi
chơi. Cửa đâu ăn hoài. Mẹ con tôi
đau gần tuần nay. Chỉ ăn cháo. Khốn
nạn chưa con ơi. Ăn rồi chơi. Con
chơi, cha cũng chơi. Chú ở lại ăn
cơm ? Tôi đi nấu. Con quý. Con mất
dạy. Tao đánh cho mày tổn mặt. Ăn
rồi chơi. Đồ ăn hại. Đồ...

Thằng nhỏ nằm trong nôi khóc
lớn. Đứa bé gái cũng quần quai khóc
lớn. Lạy má. Con lạy má.

Gã thấy hết đời. Người cái hơi này
chắc sẽ thắm đậm hơn mùi một tô
hủ tiếu Nam-vang. Chắc sẽ no và
nhớ một đời.

— Chú ở lại ăn cơm tôi đi nấu.
Thôi. Tôi no rồi. Tôi ăn rồi.

Gã nói thôi, xong vươn tay giật
cây chồi lông gà trên tay thím Manh
đang đưa cao chọc giáng xuống. Gã

ôm đứa bé gái vào lòng. Gã xoa xoa
vào chỗ đau của nó. Gã ghé môi hôn
lên trán nó. Nó bị đòn oan.

Đứa bé gái hình như tủi thân òa
khóc to.

Gã chào thím Manh lúc thím bỏ
tới khuấy nồi xúp su nấu với xương
heo. Thím ừ.

Gã vội rời khỏi căn nhà của thím
Manh. Đứa bé gái gọi chú chú buồn
bã trông theo. Người đàn bà gánh
cơm heo đặt đôi thùng xuống cạnh
bếp. Con chó mực ngoắt đuôi tới
gần đôi thùng. Người đàn bà lượm
hòn đá ném trúng đầu con chó. Con
chó oằn lưng nhảy lên chơi chơi xong
chạy mất sau khu vườn trồng lan
xanh. Trong cơn đói gã học được
bài học ở thím Manh : Nên lấy một
người vợ khá hiểu biết và có trí
thức chút ít.

Gã lại đi cô độc trên đường trưa
rất bóng nắng Cao nguyên. Nắng trên
cao. Nắng dưới thấp. Nắng chung
quanh. Nắng chói lóa.

Gã đi dưới nắng. Hết một con
đường. Gã đang tới phòng anh Từ.
Cửa phòng đóng khóa. Anh Từ
chưa về.

Gã uể oải ngồi xuống chân thang.
Rán đợi vài phút thử với thời vận
xem sao.

Gã ngồi đó đưa tay áo lau mồ hôi.
Và nghĩ nhớ. Hồi mới tới đây, túng
quần quá, gã đã có ý định đi tu. Gã
đã từng đi gõ cửa từng chùa nhưng
chẳng có ông sư nào chịu xuống tóc
cho gã. Sau có người quen giới

thiếu, một ông sư bằng lòng, ngày mai tưởng gã sẽ cắt tóc mặc áo thầy tu, nhưng chiều đó, P. từ Saigon lên chơi, sống với P. gã thấy đời tươi vui quá, tuyệt diệu quá, nên quên chuyện đi tu. Không đi tu thì đi lang thang.

Anh Từ vẫn đi đâu chưa về. Dạ dày của gã không cho phép gã ngồi lâu. Gã lại tiếp tục đi.

Râu tóc gã dài thậm thọt. Gã cởi áo laine khoác lên vai đi như một tên lãng tử Mỹ-tây-cơ. Thuốc trụ sinh Cotracyn khiến gã bớt nhức đầu một phần nào nhưng cơn đói vẫn làm gã chóng mặt.

Trời không có gió. Con đường buổi trưa vắng người, rộng, phẳng phất mùi hắc ín. Ngang qua một quán cà-phê gã tần ngần đứng lại. Gã muốn vào kiếm một thằng bạn quen hoặc kêu một cái phin đen ngồi nhìn L. mặc chiếc tunique xanh, ngồi im sững sau quầy gỗ, tuyệt vời với cái nhìn buồn bã dịu dàng, đề may ra lắng sâu cơn đói cũng như nỗi buồn chìm khuất xuống một xó góc nào trong dạ dày, đề nghĩ tới những chiếc áo màu xanh của một thời ước mơ con gái trước khi bước vào thế giới náo nhiệt ồn ào của đàn bà. Gã muốn thế. Nhưng chợt gã nghĩ sao đó nên lại thôi.

Hay mình thử ghé nhà anh Phúc ? Được đấy. Ghé anh Phúc đi.

Ngõ dẫn vào nhà anh Phúc được rào kỹ bằng kẽm gai xin. Nhà anh Phúc không có chó. Không có chó

nhưng có những cặp mắt xoi bói nghi ngờ của bọn chung quanh.

Anh Phúc đang cho gà ăn. Những hạt cơm trắng trộn chung với lúa dưng trong chiếc đĩa sành. Bọn gà đứng thóp ăn trong chuồng.

Gã tiến sâu vào. Anh Phúc ngừng đầu lên nét mặt thay đổi đột ngột. Anh đang nhăn.

Gã nói một câu :

— Bữa nay anh không đi làm ?

Anh Phúc trả lời một câu :

— Đi bây giờ đây. Không làm lấy chi ăn. Tôi vừa dùng cơm xong.

Bọn gà dành nhau ăn kêu cục cục. Anh Phúc đổ nước vào đầy chiếc lon. Giỏ trứng gà nằm căng đầy trên bệ gỗ chờ sáng mai ông bán phở ngoài bến xe đến lấy. Một trứng bán hai mươi đồng giá sỉ.

Gã hỏi thêm câu khác :

— Chị đâu rồi anh ?

— Ngủ.

Gã nhìn vào giường, màn đề hở một khoảng lớn như cánh cửa. Chị Phúc nhấp nháy mí mắt. Gã biết chị chỉ vờ ngủ đang lắng tai nghe.

Gã tới gần anh Phúc hơn. Dẫn đo một lát gã nói nhỏ với anh Phúc :

— Tôi... Tôi đói. Hai ngày rồi tôi chưa ăn chi. Anh cho tôi mượn dờ vài trăm.

Chị Phúc đặng hăng. Chị đã nghe. Cái đặng hăng như một ám hiệu chị ra ngăm cho anh Phúc. Anh Phúc đoán biết ý vợ, rất sẵn sàng nghe

theo lời phải của vợ, bèn khoát tay, nói :

— Chú chịu phiền. Tôi bữa nay kẹt lắm. Tiện tận cả năm chỉ để dành được mấy ngàn phòng khi con cái ốm đau. Chú thấy thời buổi bây giờ...

— Mượn ít thôi. Một trăm cũng được.

— Hồi sáng tôi phải căn răng đập con heo đất của cháu bé để trả tiền điện nước. Chú...

— Năm chục cũng được.

— Chú thông cảm.

— Hai mươi đồng đi.

Anh Phúc lắc đầu. Nét mặt anh trông đau khổ như người vừa chết cha chết mẹ. Như kẻ suốt đời sống chỉ gặp toàn chuyện khổ đau. Hai chục cũng được. Chẳng hiểu sao gã lại có thể nản nì hạ số tiền xuống từng nấc như thế. Hay khi gần gũi chung đụng với kẻ bần tiện mình cũng đâm ra bần tiện chăng ?

Lũ gà không hay biết gì vẫn tiếp tục thối ăn. Một chú gà trống dáng dềnh dàng hứng bắt từ cục tác phóc lên lưng con gà mái. Gã nhói đau. Lũ gà thế mà no sướng hơn gã.

Anh Phúc đứng dậy tới mở tủ. Chắc là anh lấy tiền. Gã nghĩ thế, cũng đứng lên theo.

Chị Phúc xây mặt vào vách. Nét mặt đó chắc phải hài lòng vì có người chồng cần kiệm. Gã đoán vậy, và đưa mắt nhìn về phía anh Phúc, hy vọng một chút.

Nhưng Anh Phúc không lấy tiền. Anh lấy chiếc áo khoác vào người. Anh nói :

— Chú ở chơi. Tôi đi làm.

Ở chơi ? Còn bụng dạ nào để ở chơi ? Nhưng nếu ở lại thì chơi với ai ? Không lẽ chơi với chị Phúc ?

Anh Phúc đã đuôi khéo. Thôi đi chỗ khác.

Gã lại đi.

Trước khi đi, gã có chào anh Phúc với lời chào run run như tiếng hót thương tâm của loài chim nghệ sau buổi rông rã đi kiếm mồi cho con trở về thấy tổ đời mình bị người hiểm ác lấy mất đi.

Đi, đi xuống con dốc, gã muốn khuyu ngã. Bụng gã sôi từng cơn. Đầu gã quay quay.

Một người bộ hành cô độc đi trong sa mạc. Gã ngỡ gã là người bộ hành đó lúc gã cố thâu ngắn đoạn đường dài dẫn đến nhà thẳng Thiện.

Có nhiều kẻ sung sướng đi ngược chiều với gã. Có nhiều cô gái học trò dễ thương đi ngược chiều với gã. Họ vui quá. Tất cả đều vui quá. Chỉ mình gã buồn. Nhưng chẳng ai thấu rõ nỗi buồn đó.

Cửa nhà thẳng Thiện khép kín. Gã mệt mỏi đưa cánh tay lên dấm gõ. Lúc này gã không còn linh hoạt để điều động tứ chi.

Im lặng. Gã lại dấm. Dấm và lay. Vẫn im lặng.

Chắc thẳng Thiện đã đi làm. Hay hẳn ngủ ?

Gã mệt nhọc ngồi phịch xuống trụ đá nghĩ hơi. Trước nhà đối diện, đứa con gái đang rửa chén bát ở ảng nước nhoèn miệng cười vu vơ. Chắc là cô ả cười với "phuy" nước. Hoặc là cười với người khác. Hẳn nhiên là không thể cười với gã được rồi. Mặt gã đang nhăn.

Bầy ong bay lượn nhớn nhơ cùng khắp giàn dưa tây đầy hoa thơm. Gã hít. Mùi hương tinh khiết của hoa lảng vơi cơn đói của gã một phần nào. Mùi hương làm gã nao nức. Nếu bình thường gã đã có thể mơ mộng.

Gã nhìn cánh cửa của căn phòng sau bếp. Cửa không khóa. Gã tin chắc thằng Thiện có ở nhà nhưng chắc hẳn đang ngủ.

Gã đến gần sát căn phòng đó nghe ngóng. Hình như có tiếng sột soạt bên trong. Hay là chuột chạy?

Lại có thêm tiếng rên thờ. Thêm tiếng giương chuyền kêu răng rắc. Không phải chuột đâu. Gã làm bầm. Đó là tiếng người. Tiếng cọ xát của áo quần.

Gã áp tai vào vách ván. Đúng là tiếng người.

Trước tiên là tiếng một cô gái.

— Em không tiếc chi với anh cả. Anh thấy chưa?

Tiếng thằng Thiện trả lời nhát gừng:

— Thấy.

— Nhưng em lo quá vì em nghèo.

— Tình yêu không phân giai cấp. Tình yêu không cần giàu có. Tình yêu chỉ cần một cái nhà chòi. Gạo. Đói chén dĩa. Lu nước mưa. Và hai đứa mình.

Gã cảm thấy khí tức xông lên tới đầu. Tình yêu với lu nước mưa? Gã muốn tông cửa vô đập cho mỗi đứa một đập.

Lối dẫn ra nhiều đá sỏi. Gã tưởng như mình đang bước lên những mũi chông.

Hết. Hết chỗ trông nhờ. Gã không có cái số đỏ như anh chàng Knulp của Hermann Hesse bao giờ áo quần cũng chài chuốt, dạ dày luôn luôn no và tiền bạc tới đều đều. Những kẻ quen thân có thể giúp đỡ gã thì hoặc vì vài xích mích nhỏ nhen hoặc đã lần lượt đi hết. Nha Trang. Saigon. Dalat. Mỗi kẻ về một miền. Mỗi người về một cõi. Nồi nôi. Chìm chìm.

Gã vẫn đi lang thang trong thành phố nắng chói chang. Cơn đói đang chín tới. Những vết mồ hôi dính bết mờ tóc buông rủ trên vầng trán đầy mơ hồ các vết nhăn. Cơn đói như muốn quật ngã gã. Năm mươi đồng cũng được. Mười đồng cũng được. Nhưng biết kiếm đâu ra bây giờ.

Những khi bình thường gã có ý nghĩ gã có thể đánh đổi bất cứ thứ gì để lấy câu thơ hay. Nhưng bây giờ, với cảnh huống mặt tận này, hình như ý nghĩ đó đang lung lay. Tiếng kêu cấp cứu của dạ dày quan hệ hơn tiếng nói của tâm thức và thơ. Cây cần phải có nước sống để trở hoa. Nghệ thuật cần phải có bánh mì.

Bánh mì. Bánh mì. Tiếng nói của Nietzsche mấy mươi năm về trước như đang vang vọng liên hồi. Nhưng biết kiếm đâu?

Gã vẫn đi. Qua hết khu nhà thờ.

Qua hết xóm chùa. Vượt quá khu nghĩa địa. Đi ngang xóm diêm. Xóm diêm có nhiều đứa con gái hờ hênh ngồi nằm trước những căn nhà gỗ cười mời kêu ngoắc.

Hàng cây hai bên đường đứng bất động. Năng chụp xuống độc tàn như lời nguyện rủa của Pharaon gửi đến Moise. Gã men theo lối cát có từng bóng cây im.

Hai đầu gối gã như muốn phản lại gã, chực khụy xuống. Gã cố bám vào chút hơi sức yếu mỗi gượng thẳng bằng thân thể.

Bước chân gã chậm dần. Gã cúi đầu nhìn mũi giày mình di động.

Bọn người đi cùng chiều ngược chiều với gã quá vui tươi. Gã không dám ngẩng mặt nhìn ai...

... Mươi đồng. Biết đâu lại có kẻ vô ý đánh rơi xuống nằm dưới đồng rác thối kia. Dưới khóm lá kia. Dưới bụi cỏ xanh kia. Biết đâu ta lại may mắn nhìn thấy được mười đồng?

Gã đi, hy vọng như thế nên chăm chú hướng tầm mắt xuống mặt đường với chủ ý tìm kiếm.

Bỗng, rẹt. Có vật gì chạm vào vai gã. Gã nhìn sang: mười đồng kềm rớt nằm mé vũng nước. Gã sung sướng định khom mình xuống nhặt nhưng chợt nghe tiếng kêu "chú, chú" của một đứa bé nên gã ngừng lại, rồi không hiểu nghĩ sao gã tiếp tục lượm đồng tiền xong giang tay ném trả về cho thằng bé. Đứa bé li nhí cảm ơn. Gã gượng cười. Đứa bé trở lại nhập bọn với lũ trẻ đồng lứa tiếp

tục cuộc chơi ném tường.

Gã buồn bã đi. Đi và nhìn.

Nhìn bụi cỏ. Nhìn cụm lá. Nhìn đồng rác.

Nhìn. Và đi.

Chợt gã dừng lại. Có vật gì cứng chạm vào mũi giày. Gã nhìn xuống. Mắt gã sáng lên: Đồng tiền kềm tròn nằm khuất nửa mình dưới lớp cát mỏng.

Gã quay mặt trông lui. Gã quay mặt nhìn tới. Không có ai. Không có ai nhưng gã cũng cúi xuống vò cột lại sợi giây giày, để yên tâm cầm lấy đồng tiền.

Gã lau sạch đám bụi bám bên ngoài. Con số và hàng chữ hiện ra: Hai chục đồng bạc Việt Nam.

Vị cứu tinh đây rồi. Gã la thầm như thể xong đi mau ra đường cái tìm chiếc xe bán bánh mì.

Gã tính. Mươi lăm đồng mì. Năm đồng thuốc lá.

Người đàn bà bán bánh mì tuy xấu xí nhưng dưới mắt gã, gã thấy đẹp gần như tiên. Mọi cái mọi sự, lúc này, dưới mắt gã đều mang đầy tính chất và màu sắc đẹp đẽ, nhân từ.

Gã cầm khúc mì trên tay. Hai điều Bastos gã đút vô túi áo len.

Hai hôm rồi gã không có một hột cơm trong bụng. Bụng gã rỗng quá. Gã phải đi vội xuống bờ hồ kiếm gốc cây chạm rải thường thức từng tí linh được. Phải kỹ lưỡng cắn nhai từng miếng mới thấy bánh mì là hiếm

quý, là quá ngon lành đối với kẻ đã nhịn đói hai ngày. Mới thấy sự sống là thiêng liêng.

Gã đang ngồi trên bãi cỏ ăn vừa hết khúc mì. Gã thấy khỏe khoắn. Hai chục đồng bạc Việt-nam thật giá trị.

Gã vui vẻ nhìn đàn cá lội ngu ngơ dưới hồ. Nước hồ trong xanh. Gã vốc nước hồ lên uống. Gã khoát nước hồ lên rửa mặt. Mặt gã bây giờ tươi hẳn ra.

Gã đốt một điếu thuốc. Hơi khói thứ nhất được gã lim dim mắt nhả ra từng đợt cuộn vòng.

Xong gã nhìn trời. Mọi sự sống đều thiêng liêng. Every thing that lives is holy. William Blake đã từng kêu reo khoái chí như thế. Và cùng theo với nhịp khúc đầy nhân bản của Blake gã đứng dậy ngược mặt nhìn đất trời. Khung trời rộng cao có những áng mây hồng trôi lướt. Có chim đàn soái cánh bay. Vững nước trong có rong rêu biếc xanh và ngu ngơ đàn cá lội. Cỏ cây đất đai vang vọng điệu ca múa của côn trùng. Mọi vật như sống. Như có khoác linh hồn.

Cứ như thế, gã lái nhái. Thơ òa vỡ tuôn tràn lênh láng một giòng đầy. Thơ rung ngân phiếm đàn hồn xuất mấy cung kỳ ảo.

Gã sướng rên. Gã thần thờ với tay trong thình không như đang bơi lội giữa vùng mờ ảo bóng tiên và hương của muôn triệu loài hoa trên thế giới gom về.

Gã đi lui. Gã đi tới.

Gã đốt nối tiếp điếu thuốc thứ hai. Bánh mì thật tuyệt. Bánh mì thật tuyệt. Gã lớn tiếng kêu như thế. Tiếng kêu bất chấp thời gian vượt thoát dặm đường đưa gã về dạo chơi giữa lòng thế giới mới, không cùng. Thế giới có buổi sáng. Buổi chiều. Có những nụ hôn đắm say. Có bánh mì và sự sáng tạo. Có lửa của tình người thiên thu nhúm nhen. Không có những con điếm hạng bét há hoác miệng cười xúc phạm. Không có những thằng người ngợm hồn hào tồi bại. Không có bọn ích kỷ. Không có bọn đàn bà tâm địa thâm hiểm đê tiện đáng bị đem đi treo cổ hết...

Thế giới ấy có cái đáng có. Không có cái không đáng có.

Thế giới ấy, đang chớm hé như bình minh non một sớm mai hồng.

Gã kêu.

Gã rên.

Gã cảm thấy thú vị.

Cuối cùng, như mặt trời sẽ lặn vào lúc cuối ngày, gã sung sướng rời khỏi hồ bằng những bước chân rộn ràng như có tiếng thơ vang.

Nhưng gã chưa vội trở về. Có lẽ gã sẽ còn đi dạo chơi cho tới khuya. Đêm nay có trăng. Gã sẽ đi cô độc qua các nẻo đường. Đi. Một mình. Tự nhìn lại mình. Tự nghĩ.

Ngày mai gã sẽ không có bánh mì. Ngày mai gã không còn cái may ngàn năm một thuở lượm được đồng tiền kềm.

Và biết đâu, ngày mai, dưới mặt hồ yên lặng kia, gã sẽ cô đơn ôm bóng trắng nằm chết vô danh.

LÊ MIÊN TƯỜNG

(Báo. 07-06-1972)

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Lá thư Cam-bốt

● MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Phnom Penh, 9-3-1973

Anh Ch.

Thư này viết cho các anh ở Căm-bốt, vì sau khi dự cuộc chuẩn bị ngưng chiến, ngày ký kết lịch sử và những cuộc vi phạm ở trên đất Lào, đoàn chúng tôi được hồi thúc sang Căm-bốt đi tìm những hình ảnh chiến tranh.

Người Âu thật buồn cười, làm như họ thêm được nhìn chiến tranh trên xứ người khác tuy họ rất lo sợ nếu phải xảy ra trên xứ họ. Tôi đọc bức điện tín mà cáu quá, vì những người ngồi ở nhà, nhìn vào máy truyền hình, trông những cảnh bom đạn, thấy thích thú vui tai, vui mắt có biết đâu đến sự vất vả của những kẻ phải chạy theo, góp nhặt tất cả những hình ảnh ấy.

Dầu sao thì chúng tôi cũng vẫn phải thu dọn hành trang chạy sang Căm-bốt ngay hôm sau. Một điều cần ghi nhớ là ở các nước nhỏ, không phải ngày nào cũng có đủ chuyến máy bay để đi bất cứ nơi nào.

Muốn sang Căm-bốt chúng tôi lại bay sang Thái-lan trước rồi ngày hôm sau mới từ Thái sang Miên được. Anh chàng quay phim của đoàn chúng tôi là người Hương Cảng, cứ tin chắc với cái thông hành của mình anh sẽ được xuống Bangkok 24 tiếng đồng hồ như mọi người, một khi anh có vé máy bay rời Thái-lan. Không ngờ đến nơi thì vừa có luật mới ra, cấm chỉ những người mang thông hành Hương-Cảng ghé đất Thái-lan nếu không có nhập cảnh.

Thế là anh chàng phải trở lên máy bay với tất cả số hành trang 200 ký của mình. Vì người quay phim phải có phận sự rất quan trọng đối với cái máy quay phim, các cuộn phim và những thứ máy ghi âm khác.

Anh thử tưởng tượng sự bực mình của chúng tôi lên đến đâu.

Dầu sao thì sự thê đã như vậy, kẻ lại để các anh rút kinh nghiệm với cái xứ Thái-lan ấy mà đề phòng.

Sang đến Căm-bốt, việc thứ nhất của ông đạo diễn và tôi là phải chạy đi hợp thức các thứ giấy tờ để hành nghề. Đồng thời cũng phải xin gặp các quan lớn và nhất là các vị tướng lãnh để còn xin phép ra mặt trận đi tìm chiến tranh.

Căm-bốt sạch sẽ, nhờ đường sá được tráng nhựa đều chứ không phải như Vạn-tượng mà đất đỏ tung bụi mù mỗi khi có chiếc xe đi qua.

Chiến tranh, nhưng nói gì về chiến tranh bây giờ? Nhìn mãi những ông lính, những chiếc phi cơ những cái xe thiết giáp, chán chết. Bao nhiêu người đã nói rồi, bao nhiêu hình ảnh

đã được thu và phát ra trên toàn thế giới.

Ông đạo diễn nhăn nhó, thở dài chẳng biết tìm cái đề tài nào cho nó mới lạ. Ông ta lại có tính dai như đĩa, muốn cái gì là muốn cho bằng được.

Chúng tôi chia nhau đi nhật tảo liệu và tin tức. Sau khi tìm gặp được một số đồng nghiệp và những nhân vật đáng gặp, chúng tôi quyết định nên đi tìm một đoàn tàu vận tải tiếp tế từ Saigon lên để đi theo vì đây là một đề tài mới mẻ nhất, chưa có anh nào làm, cố nhiên với điều kiện là phải được sự chấp thuận của chính quyền.

Bắt liên lạc được với những nhân vật có thẩm quyền thật khó. Nhất là ở Cam-bốt các công sở chỉ mở cửa từ sáng đến 1 giờ rưỡi trưa là hết. Lý do: theo một số người thì vì đồng lương công chức ít ỏi, làm như thế để cho các công chức có thể kiếm chỗ làm thêm ở nơi khác.

Các ký-giả nghe thấy thế là phải bịa đặt thêm đề đũa với nhau, chẳng hạn một anh báo thảo nào thấy ông X. đạp xích-lô ở trước nhà họ. Một anh khác còn bịa cao hơn, báo thấy một ông sĩ quan sáng làm bên này chiều sang làm sĩ quan bên kia v.v... Nói thế mà các ông ấy nghe được thì phải biết là khỏi có hy vọng bén mảng sang xứ ấy. Nhưng đây chỉ là những câu chuyện đũa trao dồi giữa ký-giả.

Tìm đủ cách mà cuối cùng chúng tôi vẫn không xin được phép đi quay đoàn tàu vì quá nguy hiểm, vì đoàn

tàu vừa bị nổ một chiếc trong chuyến vận tải trước, vì con sông Mekong có một đoạn rất hẹp mà khi tàu đi vào đây rất khó tránh khỏi phức kích ở hai bên mặc dầu có tàu nhỏ và cả trực thăng yểm trợ.

Bao nhiêu công trình chờ đợi, châu chực, mưu mô, đề gặp ông Tướng này, ông Tá nọ. Thế mà rồi phải thay chương-trình, tìm một đề tài khác.

Ông Tham-muru-trưởng quân đội đề nghị đưa chúng tôi ra con đường số 3. Thôi thì đành đi vậy. Quên nói với anh rằng chúng tôi phải thay ê-kíp. Trả ông Tàu lại cho Hương Cảng, đi mượn một ê-kíp Pháp. May quá, có thế tôi mới đỡ vất vả.

Anh chàng quay phim trước, người Hương Cảng, tên là Alex So. Anh chàng rất ngầy chiến tranh, mới có 27 tuổi, trước ngày đi Cam Bốt anh chàng đã hỏi thăm tôi, nghe nói Cam Bốt chiến tranh gay cần lắm phải không?

Tôi phải an ủi là không sao, ông đạo diễn có gia đình và yêu các con ông ấy lắm, ông ấy chẳng đại dột gì mà đi tìm cái chết đâu. Làm việc gần một tháng với nhau nên khá quen thuộc chúng tôi xem nhau như bạn thân mặc dầu biết rằng có thể rồi đây không bao giờ có dịp làm việc chung với nhau nữa.

Khi thấy Alex phải về Hương Cảng, tôi tưởng vài hôm sẽ gặp lại ở Cam Bốt, không ngờ hăng không cho anh chàng sang làm với đoàn chúng tôi nữa. Lại phải làm việc với những

người mới; may là chúng tôi đặt công việc lên trên hết cả nên rồi đâu cũng vào đấy ngay.

Mỗi một chuyến đi, mỗi một vùng đến mỗi cuốn phim thực hiện đã để lại một số hình ảnh, kỷ niệm vào tâm tư tôi. Rồi những hình ảnh tiếp tục chồng chất lên nhau. Làm cái nghề này lâu con người chắc sẽ trở nên một thứ máy. Nguy quá, phải tính chuyện giải nghệ đăng báo tìm người thay thế chẳng?

Ấy vậy mà ở nhà các anh cứ bảo rằng nghề lý tưởng. Ở Căm-bốt còn có một bà cứ đòi xin đòi lấy một năm cuộc đời của M.Đ. Anh thấy sao?

Nhưng nói mãi những chuyện gì chẳng đâu vào đâu mà quên mất cái chính yếu là đi tìm chiến tranh. Con đường số 3, số 4, số 2, số nào nghe chừng cũng có đánh nhau to cả.

Ông Tướng Tham-muru-trường đã chỉ định cho chúng tôi đi con đường số 2 thì cứ đi. Nhưng ngày thứ nhất đến chờ để được trực thăng đưa đi thì chắc có xảy ra những sự gì bất trắc nên người ta không chịu đưa chúng tôi đi. Hẹn ngày mai, và chờ điện thoại.

Cuộc đời người ký giả nhất là loại ký giả truyền hình, hình như được đặt nằm trong lòng ngôi sao chờ đợi. Hết chờ máy bay đến chờ xe, nếu không chờ điện thoại của ông Bí thư này, ông Chánh văn phòng khác. Chưa kể chờ sáng, chờ mặt trời mọc chờ mặt trời lặn... Khi phải chờ đợi một nhân vật quan trọng mà ông cứ nhõng nhẽo, không chịu cho người

ta quay phim phỏng vấn thì anh biết chúng tôi phải làm gì không. Nhờ ai tổ chức một buổi tiệc trà hoặc nhân những dịp có tiệc trà cho ông quay phim ngồi rình sau một bụi hoa ở sân ngoài, đạo diễn và ký giả đợi ông vào đề bao vây và xin phỏng vấn nhảy dù với ông vài câu... Lắm khi vất vả muốn phát điên mà nhân vật mình chờ đợi lúc nói lên vài câu, nghe nó lại chẳng xứng đáng chút nào với những cực nhọc của mình.

Thế rồi cũng xong. Ngày thứ hai, đi theo quân đội quay vài cuộn phim, súng bắn loạn xạ cả lên. Một lúc sau nghe báo rằng cánh quân giữa rút lui — cánh quân giữa tức là cánh quân mà bên này đang tìm đến.

Ông tướng Chi huy còn trẻ cười ha hả rằng toàn thắng. Đi thẳng tới, một lúc lại nghe đằng trước súng bắn liên hồi... Ông Tướng lạc quan lúc này không ngờ bị đánh úp. May mà chưa đi vào sâu nên ông còn kịp trở tay. Điều thứ nhất là ông đuổi chúng tôi về, nhất định không cho đi theo. Thế là anh em lại phải ra về nằm tạm một nơi. Ngày mai chúng tôi lại chuẩn bị quay trở lại.

Lần này thì quân của Căm-bốt đã đi được sâu hơn, có thắng trận nhưng rất nhiều thương vong. Theo lời dân chúng thì bên kia cũng chết ngồn ngồn như vậy.

Con đường chúng tôi đi, đằng trước có một chiếc xe rà mìn. Tram-kahar là vùng mà từ một tháng nay bị chiến tranh lan tràn đến, cách thành phố Nam-vang có độ 40 cây số, nhà cửa bị đốt tan hoang, bị sập đổ,

vườn tược đều xơ xác, mặc dầu một tháng trước nơi đây là một khu trù phú, nhà cửa toàn là thứ nhà gạch mới cất. Có thứ cất theo lối căn phố từng dãy hai tầng, có thứ theo lối vi la. Ngày giờ này chẳng còn gì nữa cả. Người ta bỏ chạy hết, chỉ còn lại một vài người già, người nghèo, chẳng biết chạy đâu, thôi thì ở liệu tới đâu hay đó.

Chúng tôi lại tìm đến chỗ đóng quân của quân đội. Thấy ông Tướng trẻ đang ngồi nhìn bản đồ với Bộ Tham mưu của ông. Chúng tôi vào hỏi thăm, nhìn ông chỉ bản đồ một lúc rồi mới trở về. Mục đích để quay thêm một vài cảnh điêu tàn, nhà cửa đồ nát.

Chung quanh chỗ đóng quân, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều vỏ đạn súng cối lớn. Trên đường về chúng tôi dừng lại nhiều nơi có một nơi hoang tàn hơn cả, thấy có một anh lính, một thứ nhân dân tự vệ, đang ôm khẩu súng canh gác sự điêu tàn...

Ông đạo diễn đề nghị quay cái nhân vật đặc biệt này. Anh ta rất vui vẻ được chọn làm minh-tinh, bảo làm gì là làm ngay một cách ngoan ngoãn. Thấy tôi nhìn anh ta chăm chú, anh còn cố ý chỉ dẫn và giảng giải cho tôi rất nhiều nhưng tôi chỉ hiểu được hai tiếng «Việt Cộng» mà thôi! Trong đoàn có một người nói được tiếng Chăm-bốt, nói chuyện với anh ta, và được anh ta đưa đi xem xác Việt Cộng.

Chúng tôi đi một quãng xa vào một ngôi nhà đồ nát và nhìn thấy một cái xác đã khô đến nỗi ruồi nhặng

không thềm bâu nữa. Xác chỉ còn lại cái đầu và một cánh tay một cái chân. Biết rằng người chết đã bị thương ngã ra chết rồi mới bị cháy với căn nhà. Thỉnh thoảng có người đến đưa mũi giày lật cái xác lên xem bên dưới. Chẳng ai nghĩ đến chuyện chôn cất vì không có mùi hôi gì nữa nên cũng không làm phiền ai. Hỏi thêm mới biết rằng đây là những nơi mà cách đây một tháng đã bị Cộng sản chiếm đóng và bên này đã dành lại.

Đứng trước cái xác khô queo ấy mỗi đứa chúng tôi đều có vẻ suy tư. Nghĩ đến tháng trước còn là người, cũng có gia đình vợ con, cũng biết yêu biết ghét như ai mà bây giờ chỉ như một khúc gỗ, trang trí cho ngôi nhà đồ nát này, ai muốn lật qua lật lại cũng được. Gia đình khi tiễn con người ấy ra đi đâu có ngờ người thân của mình đã ra nông nỗi này.

Cái số phận của mỗi người, sống khác nhau mà đến lúc chết cũng khác nhau. Không được chôn cất là một chuyện, cũng không được sâu bọ chiếu cố nữa.

Cuộc chiến ở Chăm-bốt đối với người Chăm-bốt lại đâm ra có chính nghĩa. Họ căm thù người Cộng-sản và cố nhiên là người Cộng-sản Việt-Nam. Họ bảo rằng lỗi tại người Cộng-sản Việt-Nam nên ngày nay nước họ mới có chiến tranh. Nói chung thì họ ngán người Việt từ lâu rồi, chẳng cần nói dài dòng chắc các anh cũng đã rõ.

Chỉ tội nghiệp cho những người Việt sang bên xứ ấy làm ăn. Tưởng tránh được cái nạn chiến tranh không ngờ là tránh chẳng khỏi.

Đối với Sihanouk, ông Hoàng đã từng khe khắt với ký giả, thì có một số rất oán ông, bảo rằng ông nuôi ong tay áo. Họ kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện ngụ ngôn Căm-bốt: "Có một con Sói cái đến xin người chủ nhà cho nằm đẻ, vài hôm đẻ xong sẽ đi. Người chủ bằng lòng nhưng đẻ xong Sói cái không chịu đi nữa cứ ở lại nuôi bầy Sói con. Khi bầy Sói lớn khôn, xem nhà trọ như nhà mình, thì một hôm quay lại cắn luôn người chủ nhà đã có lòng giúp đỡ mẹ con chúng"... Nghe câu chuyện anh nghĩ thế nào? Vì vậy mà đối với người Việt ta họ ngán lắm, vì họ chẳng biết ai là Sói, ai không.

Chắc anh đã rõ tin đình Tổng Thống Căm-bốt Lon Nol bị ném bom. Máy bay của ông rề Cựu-hoàng Sihanouk thả bom thế nào mà đúng ngay vào cái trại gia binh bên cạnh, nên chỉ có đàn bà và trẻ con chết nhiều. Nhà cửa cháy hết, vào xem chỉ thấy một khoảng đất đen mông mênh. Mùi xương cháy và thịt cháy cộng với mùi đất cháy được tưới nước bốc lên hơi nồng nặc. Bao nhiêu người may mắn ra khỏi nhà thoát chết thì bây giờ cũng phải trải chiếu nằm ngoài đường. Lập tức có lệnh đình chỉ hết mọi sự đi lại, chính phủ ban hành tình hình khẩn trương. Báo hại anh nào đã giữ chỗ máy bay cũng bị đuổi về, đợi điều tra lại từng trường hợp. Các anh cư ngụ thì khỏi đi đâu cả, chỉ có nhân viên ngoại giao, khách du lịch và ký-giả mới được phép hy vọng.

May cho chúng tôi là vừa xin được phỏng vấn Thủ-tướng, nên có sự can thiệp từ trên, chúng tôi mới được trèo lên máy bay và anh biết không, máy bay rộng thênh thang...

Mãi đến giờ phút này ngồi viết một đoạn cuối của bức thư đề gửi anh mà lệnh cấm xê dịch cũng còn được duy trì.

Thư sau sẽ gửi anh từ Pháp, anh có thấy cái cuộc sống như loài chim của tôi là vất vả không? Con chim nó bay có mùa, người ký giả thì chẳng có mùa nào cả. Nhưng hy vọng là rồi đây sẽ có ngày tôi được ngừng... Tôi sẽ có một căn nhà nhỏ, bên trong có một cái bàn rộng ba thước bề dài, 8 tấc bề ngang, để làm việc. Cạnh bàn có cái giường bé xiu để nghỉ lưng và chung quanh phòng có đầy đủ các sách vở cần thiết. Quên chứ, ngoài kia phải có một mảnh vườn cho tôi trồng hoa và nhìn mây bay.

Mộng bé thế mà mãi vẫn chưa thực hiện nổi.

Còn một điểm chính của giấc mơ là ngôi nhà nhỏ lý tưởng của tôi phải được nằm trên đất nước Việt Nam. Nếu nó phải nằm ở trên đất người thì mộng vẫn chỉ là mộng. Và suốt đời, nửa con người của tôi vẫn chỉ có lang thang đi tìm nửa con người tôi ở quê hương mà thôi.

Anh có cảm thông được sự phức tạp ấy không? Tôi chắc những người nào hiện đang sống xa quê hương mà không phải là phùng túi cơm giá áo đều nghĩ như thế. Cũng

Có thể rằng lúc sống ở nhà sẽ gặp những sự trái ý, bực mình để cho con người lại băng khuâng, nhưng tôi bằng lòng đánh đổi.

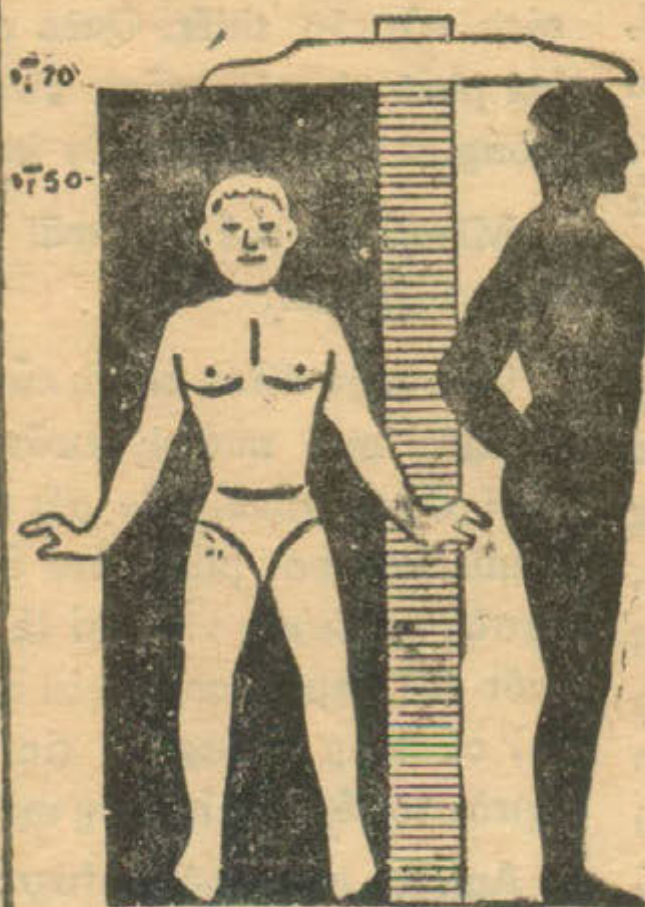
Giờ phút này tôi đang mặc cả với định mệnh đây, anh biết không? Vì cuộc đời là một sự mua bán, vì định mệnh là một chú lái, mình phải mặc cả nếu không thì lại mua lầm, mua đắt, mua cái thứ không ra gì mà giá quá cao thì sao.

Hôm nay còn tí thì giờ viết thư này cho anh trước khi làm va-li lên đường đi Pháp, nhìn thấy các thứ ngồn ngang, sách vở trên bàn mà mình sẽ phải xếp dọn tôi ngại quá, vì vậy mới có những lời tâm sự vụn vụn với anh ở trên. Anh đừng có lên tiếng phê bình nhé. Xin ngừng và xin hỏi thăm tất cả những ai... thương tôi, dầu chỉ là tình bé xiu.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CŨNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CŨNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những ngày vừa qua dư luận quốc tế đã đặc biệt chú ý tới 3 sự kiện được coi là quan trọng nhất trong đời sống thế giới.

Trước hết là vụ cảm tử quân Do-thái đột nhập vào thủ đô Beyrouth của xứ Liban để lùng bắt các lãnh tụ kháng chiến Palestine.

Sau đó người ta bình luận sôi nổi về tình hình chiến sự tại Campuchia khi Cộng quân bắt đầu tăng cường mức độ tấn công quân đội chính phủ.

Và sau cùng là một giải pháp cho vấn đề sống chung giữa hai cộng đồng Công-giáo và Tin-lành ở Bắc Ái-nhĩ-lan đang được hé mở khiến cho nhiều người hy vọng rằng cuộc xung đột đẫm máu giữa hai cộng đồng kéo dài từ 4 năm qua có thể đi tới hòa giải.

Do thái đột kích Beyrouth

Từ trên 1/4 thế kỷ vừa qua dân chúng thế giới đã trở nên quá quen thuộc với hình ảnh của một nước Do-thái thiện chiến, đánh đâu được đấy khiến cho kẻ thù Ai-cập của họ chỉ còn một cách là đánh dùng phương sách khủng bố để giải phóng Palestine.

Từ nhiều năm qua người ta luôn luôn nói tới các vụ khủng bố của phe kháng chiến Palestine như cướp máy bay, đột nhập vào làng Thế-vận Munich, sát hại lực sĩ Do-thái, giết Đại-sứ Mỹ ở Khartoum. Nay người ta mới được chứng kiến hoạt động khủng bố của Do-thái để trả đũa Á-rập.

Vào 1 giờ đêm đầu tháng 4 vừa qua một đoàn cảm tử quân Do-thái đã được tàu thủy đưa đến đồ bộ xuống Beyrouth, thủ đô Liban là nơi các lãnh tụ phong trào kháng chiến Palestine đóng đại bản doanh. Đội quân cảm tử này gồm khoảng 60 người đều vũ trang bằng súng tiểu liên, lựu đạn và chất nổ. Những người này đã hợp tác với những nhân viên mật vụ Do-thái tại chỗ đi truy lùng các lãnh-tụ Palestine trong khi trực thăng Do-thái được bay ngay trên trời Beyrouth để chuẩn bị yểm trợ cho các cảm tử quân ở dưới đất.

Suốt trong 2 giờ rưỡi đồng hồ, quân cảm tử Do thái di chuyển trên khắp thủ đô Liban như ở chỗ không người và trực thăng đã không cần phải yểm trợ họ trong thời gian này. Họ đã đột nhập vào nhà Kamal Adwan, trùm gián điệp Palestine. Khi Adwan vừa mở cửa thì đã bị gục ngã dưới 53 viên đạn. Quân cảm tử Do-thái ủa vào nhà lục soát, tịch thu các tài liệu mật mã khiến chính phủ Tel Aviv đã bắt được một loạt gián điệp làm việc cho phe Á-rập.

Tư lệnh phó tổ chức Al-Fatah, một tổ chức khủng bố Palestine lợi hại nhất, cũng bị quân cảm tử Do-thái hạ sát tại một cao ốc khác cách đây không xa.

Một toán cảm tử khác cũng đã đến trụ sở của «Phong trào Dân chủ Nhân dân Giải phóng Palestine», một tòa cao ốc 8 tầng và đặt mìn phá vỡ 3 tầng lầu.

Hoàn thành công tác, cảm tử quân Do-thái đã ung dung trở về sau khi giết khoảng 14 người và để lại một số bị thương lớn hơn nữa. Phe Do-thái chỉ mất có 2 người chết và 2 bị thương.

Dân chúng Liban đã hết sức xúc động trước sự tự do đi lại của quân cảm tử Do-thái. Họ không hiểu sao quân đội Liban lại không có hành động gì đối với toán quân Do-thái nhỏ như vậy. Thủ tướng Liban đã bị dân chúng liệng cà chua trứng thối và đã phải từ chức.

Cả thế giới Ả-rập phần nọ quay sang tố cáo Mỹ đã giúp Do-thái trong cuộc đột kích này. Kho dầu hỏa của Mỹ ở Sidon, bên bờ biển Liban, bị phát nổ và hàng triệu lít dầu bị cháy.

Vụ khủng bố ở Beyrouth được đưa ra trước Hội-đồng Bảo-an đã mở màn cho một cuộc đấu khẩu kịch liệt giữa các đại diện Nga và Trung Cộng. Vị đại diện Nga, Jakob Malik đòi đưa ra nguyên tắc không dùng võ lực trong bang giao quốc tế, thì đại diện Trung Cộng Hoàng Hoa đã hỏi móc Malik rằng : Nga-sô đặt cả triệu quân dọc biên giới Trung-Hoa như vậy là sử dụng hay không sử dụng võ lực?

Sau một hồi đả kích lẫn nhau Hội-đồng Bảo-an bằng 11 phiếu thuận, 0 phiếu chống và 4 phiếu trắng (trong đó có Hoa-kỳ) đã ra một quyết nghị lên án Do-thái.

Trong khi Hội-đồng Bảo-an nhóm họp thì tại Hoa-thịnh-đốn Phong trào « Tháng Chín đen » đã bắn vào phòng ngủ của viên Xứ lý Thường vụ Tân-

tây-lan, làm tướng là nhà Đại-sứ Jordanie. Thật ra thì cách đây 2 năm Đại-sứ Jordanie có mượn căn nhà này nhưng đã dọn đi từ lâu. Xứ lý Thường vụ Tân-tây-lan đã điều cốt vụ này khi ông ta nói rằng : « Chắc hẳn quân khủng bố đã dùng cuốn niên giám ngoại giao cũ » :

Tình hình chiến sự tại Campuchia

Với hòa bình được thực hiện ít nhất trên giấy tờ, tại Việt Nam và tại Lào, lãnh thổ Campuchia đã trở thành một mặt trận mới. Cộng quân gồm có quân Bắc Việt và quân Khmer đỏ đã liên tiếp tấn công quân đội chính phủ.

Sự leo thang chiến cuộc này khiến cho nền hòa bình ở Đông-Dương đã mong manh lại càng mong manh thêm. Song song với các cuộc tấn công này, Bắc Việt đã di chuyển lính và vũ khí dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh để tiến về phía Nam Việt. Cùng một lúc phe Cộng sản tại Nam Việt đã liên tiếp vi phạm hiệp định ngưng bắn khiến cho cả nhân viên của Ủy-hội quốc-tế kiểm soát và giám sát cũng bị thiệt mạng.

Trước hành động của Bắc-Việt Hoa-kỳ đã phản ứng lại bằng cách cho phóng pháo cơ không lồ B.52 tới oanh tạc ngay gần kề thủ đô Nam Vang, nơi Cộng quân đang bao vây.

Ngoài ra chính phủ Hoa-kỳ đã tạm ngưng các cuộc thương thuyết về kinh tế với Bắc Việt tại Paris và các giới chức Mỹ đã đe dọa là sẽ không giúp Bắc Việt tái thiết nữa.

Các công tác vớt mìn cũng được ngưng lại và tại thủ đô Hoa-thịnh-đốn người ta nói nhiều tới việc Mỹ có thể tái oanh tạc Cộng quân tại Nam Việt.

Với các đợt tấn công mới của phe Cộng sản, Thái tử Sihanouk hy vọng trở về lấy lại chính quyền. Ông đã trở lại Campuchia sống hơn một tháng trời tại các mật khu Cộng-sản để điều nghiên tình hình.

Để chống âm mưu cướp lại chính quyền của Sihanouk, Chính phủ Mỹ đã khuyên Tổng Thống Lon Nol nên mở rộng chính phủ để có một hậu thuẫn dân chúng rộng rãi hơn. Thề theo lời khuyến cáo của Mỹ, Tổng Thống Lon Nol đã giải tán Nội các để loại em ông là Đại tá Lon Nol và đồng thời lập một hội đồng tư vấn tối cao có 11 nhân vật và mời 3 đối thủ cũ của ông ta là cựu Phó thủ tướng Sirik Matak, cựu Quốc trưởng Cheng Heng và cựu Tổng trưởng Nội vụ In Tam gia nhập.

Các biến chuyển tại Campuchia hiện thời cho người ta cảm tưởng rằng cuộc chiến tranh Đông Dương thứ hai đang mở một mặt trận mới.

Một tia hy vọng tại Bắc Ái-nhĩ-lan.

Từ trên 4 năm qua Bắc Ái-nhĩ-lan luôn luôn bị làm mồi cho một cuộc tranh chấp đẫm máu giữa hai cộng đồng Công giáo và Tin lành. Chính phủ Anh-quốc đã cố gắng dùng mọi biện pháp, mọi phương thức mà không sao buộc hai cộng đồng này sống chung được với nhau. Sau nhiều lần

thất bại trong các toan tính giải quyết cuộc tranh chấp giữa hai phe, chính phủ Luân-đôn, trong tháng 3 vừa qua, đã cho phổ biến một cuốn bạch-thư ấn định các phương thức cho cuộc bầu cử ngày 28-6 tới. Theo các phương thức này thì cuộc bầu cử sẽ bảo đảm cho thiểu số công giáo quyền đại diện trong Quốc hội tương lai.

Trong khuôn khổ cuốn bạch-thư này, hai chính đảng mới vừa được xuất hiện tại Bắc Ái-nhĩ-lan: Đảng Liên-minh và đảng Lao động Bắc-ái. Hai đảng này chiếm vị trí trung tâm giữa hai cộng-đồng Công-giáo và Tin-lành và do đó có đảng viên thuộc cả hai cộng đồng tôn giáo.

Cả hai đảng đều hy vọng lôi cuốn các phần tử ôn hòa của hai cộng đồng và mong muốn đóng vai trò trung gian trong công việc hòa giải dân tộc.

David Bleakley, một giáo sư chính-trị học thuộc đảng Lao-động đang tranh cử với luận điệu là «chúng ta đã giết trên 800 người, trên 10.000 người đã bị tàn phế. Chúng ta đã chán chưa?» Khai thác sự chán ngấy của dân chúng trước các cuộc chém giết, hai đảng Liên-minh và Lao-động hy vọng lấy được khoảng từ 15 tới 20 ghế trên 78 ghế tại Quốc-hội để lập một vùng trãi độn giữa hai cộng đồng đối nghịch.

Sự xuất hiện của hai đảng ôn hòa cho người ta một tia hy vọng tin tưởng vào tương lai, và có thể là bước đầu tiên đi tới một cuộc hòa giải chính trị tại Bắc Ái-nhĩ-lan.

PHI LẠC SANG TÀU, kết thai từ năm 1945, khóc oa oa mà chào đời, không có tên tác giả, như đứa con hoang, năm 1948.

Nhà văn Sơn Khanh nhận được vóc dáng của nó, khai với công chúng rằng nó là hòn máu bỏ rơi của Hồ Hữu Tường. Từ ấy, lối kể chuyện hấp dẫn, giọng trào phúng hóm hỉnh, lối suy luận trạo cẳng ngỗng, cách chơi chữ xỏ lá của đứa bé văn chương này đã làm cho tác phẩm xuất bản đến bảy lần.

Nhưng mà lần này, với sự biến chuyển của bàn cờ thế giới, ba siêu cường quốc Nga, Mỹ, Tàu, vì muốn tránh Thế Chiến III, phải bắt tay nhau mà « cộng tồn hòa bình chơn vạc với nhau ». Hơn trăm ngàn người đã đọc Phi Lạc Sang Tàu, cả mấy triệu người chưa đọc Phi Lạc Sang Tàu, hơn năm 1973 này, cần phải đọc Phi Lạc Sang Tàu, để nhận xét rằng trong trận TÀN XÍCH BÍCH, ai đã đoạt được KINH CHÂU ? Và Kinh Châu đó là gì ? Đọc trong :

PHI LẠC SANG TÀU

của Hồ Hữu Tường

TRÍ ĐĂNG tái bản và phát hành

Trong tủ sách của bạn đọc không thể thiếu quyển :

KỊCH ĐỜI

của WILLIAM SAROYAN
Bản dịch của ĐẶNG TÂM

● William Saroyan đã viết đề kính dâng thân mẫu ông, với những hàng như sau : « Con đã chần chờ mãi trước khi viết một cuốn truyện dành riêng cho Mẹ, bởi vì con hằng ao ước làm sao viết được một cuốn truyện hay, hay nhất mà sức con có thể viết được ».

● Cuốn truyện hay nhất đó là KỊCH ĐỜI, một tác phẩm nổi danh của một nhà văn Hoa-kỳ nổi danh, được bạn trẻ ưa chuộng nhất.

đã ra mắt bạn đọc
ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Sách Hiện Đại

Bách Khoa đã nhận được những sách sau đây của Hiện Đại Thư Xã — do Giáo sư Lê Xuân Khoa làm Giám đốc — xin giới thiệu cùng bạn đọc và trân trọng cảm ơn Giáo sư Lê Xuân Khoa :

— Sự biến đổi cơ cấu của quốc tế công pháp, nguyên tác «*The Changing Structure of International Law*» của Wolfgang Friedmann, bản dịch của Tạ Văn Tài, dày 250 trang, phân tích diễn trình biến đổi trong sự bang giao giữa các quốc gia và nhấn mạnh vai trò quan trọng của quốc tế công pháp trong tình trạng thế giới hiện thời. Giá 250đ

— Căn bản chính trị của phát triển kinh tế, nguyên tác «*The Political Basis of Economic Development*» của Robert T. Holt và John E. Turner, dày 250 trang, nghiên cứu ảnh hưởng của các định chế chính trị đối với tiến trình phát triển kinh tế tại Pháp, Trung Hoa, Anh và Nhật. Giá 180đ.

— Khía cạnh kinh tế của phát triển nông nghiệp. Nguyên tác «*The Economics of Agricultural Development*»

của John W. Mellor, dày 180 trang, nghiên cứu những yếu tố căn bản của nền nông nghiệp cổ truyền và nhận định từng nhiệm vụ của nông nghiệp trong tương quan với các nhiệm vụ khác ở từng giai đoạn phát triển. Giá 150đ.

— Từ điển hành chánh công quyền Việt-Anh-Pháp, của Bùi Quang Khánh và Vũ Quốc Thông, dày 280 trang, phiên dịch các danh từ Hành chánh Công quyền Việt ngữ ra Anh và Pháp ngữ và định nghĩa những danh từ ấy. Giá 500đ.

— Vấn đề gia cư tại các đô thị ngày nay, nguyên tác : «*Man's Struggle for Shelter in an Urbanizing World*», của Charles Abrams, dịch theo bản phỏng lược của Roma Connable, khổ 20,5 x 26,5 dày 144 trang đề cập đến vấn đề gia tăng dân số và hiện tượng khủng hoảng nhà đất tại các đô thị, những trở ngại cải tiến gia cư và những đề nghị cụ thể để giải quyết các vấn đề trên. Giá 200đ

— Vết chân báo, truyện dài rút ngắn nguyên tác : «*The track of the cat*» của Walter Van Tilburg Clark, bản dịch của Nguyễn Thế Hùng, dày 160 trang, giá 150đ.

TIN MỪNG

được Hồng thiệp bạn đồng môn k óa Bù Đ.H.S.P Saigon.
NGUYỄN VĂN MINH kết duyên cùng **CAO THỊ HOÀNG HOA** hôn lễ sẽ cử hành tại Phan Thiết ngày 22-5-73 (nhằm 20-4 Quý Sửu.)

Thành thậ chúc VĂN MINH — HOÀNG HOA trăm năm hạnh phúc.

SỬ — LIÊN — HUỆ
(Giáo sư Trung học Tổng Hợp
Nguyễn-Trung-Trực Rạch-Giá)

SINH HOẠT

«Kim-Túy Tình Từ» phải chăng là thoại gần nguyên bản Truyện Kiều nhất?

Trong các áng văn cổ của ta, không có áng văn nào được truyền tụng sâu rộng bằng *Truyện Kiều*, mà cũng không có áng văn nào nhiều thoại bằng nó.

Còn nhớ mới đây, trong một cuộc nói chuyện với ông Bùi Hữu Sùng ở tòa soạn Bách Khoa, giáo sư Nguyễn Văn Trung ở Đại học Văn khoa Sài-gòn mong muốn được thấy một thoại gần nguyên bản nhất, thoại ấy sẽ giúp ta giải quyết nhiều vấn đề. Và từ mười năm trước, một giáo sư tại Đại học Văn khoa Huế, ông Nguyễn Văn Dương, có viết trong quyển «*Thử giải quyết vấn đề diễn-giả Chinh phụ ngâm*» (1): «Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* vào đầu thế kỉ thứ XIX. Nếu ta được bản thảo do chính thi sĩ viết ra và sửa chữa kĩ càng sau khi hoàn thành, thì ta có một tài liệu quý báu để hiệu đính những bản *Truyện Kiều* sau này.»

Có lẽ quyển «*Kim-Túy (2) tình từ*» của Phạm Kim Chi, ra đời từ năm 1917 — năm mười lăm năm chẵn! — đáp ứng được lòng mong mỏi nói trên, mặc dầu nó ít được biết đến (3) và ít được nhắc đến.

Vì ông Phạm Kim Chi (nay đã qua đời) trong khi làm việc quan ở miền Trung, có ở ba năm tại Hà-tĩnh, và hơn đó, có làm quen với ông Nghè Nguyễn Mai, cháu của Nguyễn Du,

ông được xem một bản truyện *Kiều* viết tay, có kèm chú thích mà ông Nghè Mai cho là chính tay Nguyễn Du viết.

Mà nhan không phải *Đoạn trường tân thanh*, mà là *Kim Túy tình từ*, nghĩa là chuyện tình của chàng Kim và nàng Túy. «Chắc gốc như vậy» nên ông mới xin phép ông Nghè Mai sao lại rồi diễn ra quốc ngữ, cả truyện lẫn lời chú thích và «in ra cho tài nhơn tao khách xem chung, ngõ biết ý nhiệm mầu, lời tao nhã và khuôn linh sắp đặt cho người đời, ít ai trốn qua trời đặng». Ông Nghè Mai bằng lòng và có cho ông một bài tựa. Và sách được ông Nguyễn-Thành-Điềm xuất bản tại Sài-gòn, năm 1917, in tại nhà in Huỳnh Kim Danh, 156 trang, giá 1\$,20.

Nay, ông Phạm Kim Chi không còn, hẳn bản *Nôm* sao lại bản chánh cũng không còn. Cụ Nghè Mai cũng đã ra người thiên cổ (Bách Khoa đã có nó, đến), chẳng biết con cháu có còn giữ được bản cái qua bao cuộc biến đáu?

Nhưng bản «*Kim-Túy tình từ*» diễn ra quốc ngữ còn đây, thì chúng ta có thể cho đây là thoại gần nguyên bản nhất.

(1) Nhà xuất bản Đại học Huế, 1964.

(2) Chữ *Thúy*, trong Nam đọc là *Túy*.

(3) Phú Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa vừa cho in lại.

Tôi được thấy một số chữ khác những bản thông dụng khi đọc đoạn đầu, xin ghi lại đây để các bạn cùng rõ:

— Những điều trông thấy đã đau đớn lòng...

— Trời xanh quen với má hồng đánh ghen.

— Ngọn ngang gò đồng kẹo lền, Thoi vàng búa rắc, tro tiền giấy bay.

— Bụi hồng một nắm, mặt dầu cỏ hoa.

— Một nền Đồng-tước tỏa xuân hai Kiều,

— Gặp tuần đỏ lá, thỏa lòng tìm hoa.

— Sầu đông càng gặt càng đầy.

— Ra tuồng trên bệc trong dâu

Những con người ấy ai cần làm chi?

— Tiếc thay một đóa trà mi,

Con ong đã mở đường đi lối về.

.

NGÊ-BÁ-LÍ

Sa-kê hay Mít nài?

Ở cựu kinh-thành Huế vẫn còn thứ cây đó...

Trong bài tựa đề «Sa-kê» của Ô. Võ-Phiến đăng ở Bách-Khoa số 384 trang 20 có viết:

Cũng không biết cây Sa-kê hồi đó rồi vua quan triều Gia-Long đã cho trồng ở nơi nào tại kinh thành Huế mà ngày nay không thấy bóng dáng đâu cả.»

Vậy để góp phần vào cuộc khảo-cứu này xin có vài lời sau đây. Tôi còn nhớ vào thời-kỳ Việt Minh năm chánh-quyền năm 1946, ở nhà Ô. Ngô Trọng Lữ, 17 đường Tôn-nhơn, trong Thành-nội Huế (nay là số 19 Đinh Công Tráng) có một cây Sa-kê (có người lại gọi là Mít nài). Kinh nghiệm bản thân cho biết: Lá cây ấy như lá mít nhưng lớn hơn nhiều và có chẻ ra như lá thù-đu. Trái cũng có vỏ gai, sống đem nấu ăn như mít nhưng chín thì hôi và dở, phải để rụng xuống mà lượm lấy hạt đem nướng thì ăn thơm ngon vô cùng (hơn hạt sầu riêng nhiều).

Đến nay đã 27 năm rồi, không biết cây ấy có còn không (vì chỉ một lát dao cũng đủ định số mạng của nó).

Vậy không biết cây nói trên là Sa-kê hay Mít-nài, xin lục-châu chư vị giải thích giùm để làm sáng tỏ vấn đề.

«Thương hải biến vi tang điền», cuộc đời dâu bể, Vua Gia Long đem du nhập giống cây Sa-kê mà người đời sau không hưởng ứng thì cũng không ích lợi gì, mà cũng vô hại. Chỉ như bèo Nhứt-bồn hay sen độc-bình thì nhà tổ chức Hội-chợ Hà-nội vào đầu thế kỷ này chỉ đem vào nước ta có vài ba cây mà đến nay nó đã lan tràn trên khắp các hồ ao, phải tốn không biết bao nhiêu công phu vớt bỏ thì thật là việc bất ngờ, — rồi đây các nhà bác học phải tìm cho ra một thứ sâu gì để tiêu hủy nó đi trong khoảnh khắc như những cây xương rồng đã bị «lạm phát» một thời gian bên Úc-Đại-Lợi.

PHẠM-NGỌC-ẤN



Đan thanh bạch chi

(tặng nữ họa sĩ Văn Hoàng Oanh người đã thực hiện bức truyền thần của chính tác giả)

Ông đứng chờ ai thế hỡi ông
Thơ gieo vàng cỏ áo nâu sồng
Khư khư tay chống ô nhìn thẳng
Liệu chống trời xanh có nổi không

Ta đứng trông về cái chính ta
Hồn xanh trong nếp áo Thu già
Cánh tay xưa níu trời cao mãi
Nay chống ô chờ đất nở hoa

Chân dung với giả thân nhìn nhau
Này giả này chân có khác đâu
Nét vẽ khen ai lòng tự đẹp
Cùng thơ sống mãi chẳng phai màu

Xuân Quý Sửu 73

VŨ HOÀNG CHƯƠNG



Chân dung với giả thân nhìn nhau...

BỨC CHÂN DUNG NHÀ THƠ
VŨ HOÀNG CHƯƠNG ở trang
bên là do Chị Hoàng Oanh, một nhà
văn, một nữ nhạc sĩ cổ nhạc vẽ
bằng phấn tiên tháng 11/72.

Bức tranh vẽ nhà thơ họ Vũ mặc áo
dài màu nâu, chiếc áo mà đôi khi ông
thường mặc đến Hội Bút Việt và
cũng là chiếc áo mặc từ hồi còn
Kháng chiến. Cái nền của bức tranh là
tên tất cả các thi phẩm đã xuất bản
của nhà thơ viết bằng các màu khác
nhau trông như một thảm hoa sau
lưng họ Vũ. Hình chụp bức tranh
cũng như hình Vũ Hoàng Chương
chống ô ở nơi đây đều do bạn Lê
Thanh Thái thực hiện.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Ông Bà Đại tá PHẠM-ĐỖ-THÀNH ở 290/21
Công Lý Saigon, làm lễ vu quy cho thứ nữ là Cô PHẠM-THỊ
KIM HỢP và Cậu MAI-VĂN-BẢO.

*Xin trân trọng mừng Ông Bà Phạm-Đỗ-Thành và thành thực chúc cô
dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.*

PHẠM DUY LÂN, NGUYỄN VĂN MINH,
ĐÀO TRỌNG ĐỈNH, LÊ NGỘ CHÂU.

NĂM NĂM DÒNG SÔNG THƠ

Thơ TRẦN HUIỀN AN

● Tiếng nói tha-thiết của Người gửi tới Người và Người gửi tới
Trời Đất, Non Sông, Hoa Cỏ...

● Tất cả in trên giấy trắng đẹp...

● Bìa và phụ bản : Nguyễn Trung-Lê Vĩnh-Ngọc.

Bạn đọc ở nơi không có sách, xin gửi bưu phiếu 300đ. về địa chỉ :

Ông TRẦN SĨ-HUỆ — Hộp thư 64 — Tuy Hòa

Sách sẽ được gửi bảo đảm đến tận nơi

NHÀ XUẤT BẢN VÀNG SƠN
VỪA CHO PHÁT HÀNH KHẮP NƯỚC

HỒ MỘNG TƯỞNG

TRUYỆN DÀI MỚI NHẤT CỦA
TỪ KẾ TƯỜNG

- Tác phẩm viết về tình yêu ngây ngất còn lại trong trận chiến đã tàn.
- Bông hoa rực rỡ thấp sáng ngày về mang theo thương nhớ và kỷ niệm.
- Một mùa hạ óng ả, thơm hương và một chút mưa ngậm ngùi rơi đầy trên những trang sách.

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm,
cảm, suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Cuộc đời Phật Thích Ca

(tiếp theo trang 21)

định chấm dứt việc tuyệt thực, xuống sông tắm gội, rồi nhận một chén thực phẩm do một thiếu phụ là Sujàtā dâng lên. Sức khỏe và dung mạo tuấn tú lập tức được phục hồi. Năm đệ tử thấy sư phụ mình thay đổi đường lối tu hành, nghĩ rằng ngài đã thối chí cầu đạo, bèn cùng nhau bỏ đi Benaras.

Thành đạo

Gautama tiến đến một cây vả lớn (asattha), lựa một vị trí ở hướng Đông trái một lớp cỏ kusha do một đạo sĩ bà-la-môn đi qua đó dâng cho rồi tọa thiền với lời nguyện chỉ đứng dậy sau khi đã chứng ngộ đạo quả giải thoát.

Khi ấy, Ma-Vương (Màra) là chúa tề của loài quỷ đang ngự trị thế gian rất lo sợ vì sự thành đạo của Gautama Shakyamuni sẽ làm cho quyền lực của y bị sụp đổ. Bởi vậy Màra tìm đủ mọi cách phá hoại. Thoạt tiên, y tung ra một đạo quỷ binh ào đến tấn công Gautama, nhưng bao nhiêu khí giới đụng vào người Ngài đều biến thành những cánh Hoa tươi. Thất bại, Màra dùng lời ngon ngọt đề thuyết phục nhưng vẫn bị Gautama xua đuổi. Không nản chí, Màra cho ba cô con gái xinh đẹp của y là Tanhà (Dục vọng) Priti (Hi vọng) và Rati (Hoan ái) xuất hiện đề cảm dỗ, nhưng Gautama vẫn không lay chuyển. Màra đành ôm hận ra đi.

Canh ba đêm ấy, nhằm đúng ngày trăng tròn tháng vaishàka (tháng Năm

528 tr. T.C.) cũng là ngày sinh nhật Gautama chứng ngộ được Chánh Pháp. Từ canh một, Ngài lần lượt nhập hết bốn bậc thiền. Khi ấy, tâm cảnh hoàn toàn trong sáng như một tấm gương soi không vấy bụi có thể phản chiếu vạn vật một cách vô cùng trung thực. Tư tưởng trở nên lắng dịu, tinh khiết, không còn tham ái và ô nhiễm, Ngài hướng tâm về các cõi thế gian, thấu suốt các kiếp sống quá khứ và nẻo đường tái sinh của chính Ngài. Đó là tuệ giác đầu tiên gọi là Túc Mạng Minh (Pubbe-nivāsānussatināna), tức là tri thức về các kiếp quá khứ.

Sang canh hai, Ngài hướng tâm thanh tịnh về sự tri giác hiện tượng diệt và sanh của các cõi chúng sinh, nhận rõ được sự cấu tạo của Nghiệp báo luân hồi, các cõi tái sanh và giải thoát, từ tầng địa ngục thấp nhất đến đến tầng trời cao nhất. Đó là tuệ giác thứ nhì gọi là Thiên Nhân Minh (Cūcūpapātanāna) tức là tri thức về các kiếp tương lai.

Sang canh ba, Ngài hướng tâm thanh tịnh về sự chấm dứt các hiện tượng trầm luân, về con đường chấm dứt các phiền não, ô nhiễm và đạt tới giải thoát. Tâm Ngài hoàn toàn thoát ra khỏi dục lậu (ô nhiễm của dục vọng), hữu lậu (ô nhiễm của sự luyến ái đời sống) và vô minh lậu (ô nhiễm của vô minh). Đó là tuệ giác cuối cùng gọi là Lậu Tận Minh (Asavakkhayanāna.)

Liên sau đó, Gautama đắc quả vô thượng bồ đề, trở thành bậc toàn giác, và đó là ý nghĩa của tiếng Buddha hay Phật mà từ nay sẽ được dùng để nói đến Ngài.

Sau đêm thành đạo, Phật Thích Ca còn tiếp tục tham thiền cho đến hết bốn mươi chín ngày. Trong thời gian đó, ba cô con gái của Måra lại xuất hiện và tìm đủ cách cám dỗ Phật một lần chót. Lần này Phật biến dung nhan của họ trở thành tiểu tụy,

nhưng chỉ cốt để cảnh cáo rồi lại cho hồi phục nhan sắc như trước. Måra đành chịu thua hẳn, nhưng khẩn cầu đức Phật đi thẳng vào Niết bàn mà không giảng pháp ở thế gian Phật cho biết Ngài chỉ nhập diệt Niết-bàn sau khi đã có một giáo hội vững bền.

LÊ XUÂN KHOA

— Kỳ tới : Công cuộc hoằng pháp và những ngày cuối cùng của Đức Phật.



Nhức đầu
Đông
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KH 121/BVT/GC09

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Sự thực nguyên chất

Nhà dân tộc học trứ danh Margaret Mead nhận xét: «biển cổ này cũng quan trọng như sự xuất hiện của tiểu thuyết».

Biển cổ quan trọng ấy là một chương trình truyền hình hàng tuần, ở Mỹ, có cái tên rất xoàng, là: «Một gia đình Mỹ».

Chương trình chiếu mỗi lần một giờ, vào tối thứ năm, và kéo dài tất cả mười hai kỳ là hết. «Gia đình Mỹ» được đưa lên màn ảnh là một gia đình có thật: chồng tên William Loud, vợ tên Pat Loud, kẻ 50 tuổi, người 45 tuổi, có ba cậu con trai, hai cô con gái, sống tại Santa Barbara ở Nam Californie. Mọi việc xảy ra trong «gia đình Mỹ» được đưa lên màn ảnh cũng hoàn toàn là có thật. Không ai đóng phim hết, chỉ có người quay phim mang ống kính tinh quái vào gia đình, thế thôi.

Tại sao anh chàng quay phim Craig Gilbert lại nảy ra cái ý kiến kỳ quặc ấy? Bởi vì anh ta vừa tan vỡ một gia đình. Anh ta muốn dùng ống kính tìm hiểu cảnh sống của những gia đình khác tại nước Mỹ hiện tại: người ta sinh hoạt ra sao? hưởng hạnh phúc cách nào? khi vui khi buồn thế nào? vợ chồng con cái ăn ở với nhau thâm thiết ra sao? và tan rã ra sao? v.v... Anh được giới thiệu với vợ chồng Loud.

Craig Gilbert đến với gia đình này đúng bảy tháng, thu hình hơn ba trăm giờ, tốn phí ngót 1.250.000

mỹ kim, Anh ngưng cuốn phim vào lúc bà Pat Loud đi tìm luật sư lo vụ ly dị chồng, còn ông William Loud thì bỏ nhà đi sống... độc thân!

Một gia đình trung lưu, một gia đình bình thường trong số muôn triệu gia đình Hoa-kỳ khác, sống đoàn tụ rồi dần dần tan rã dưới sự phân tích của ống kính: cảnh tượng ấy làm bàng hoàng cả nước Mỹ.

Thực tại «nguyên chất» đưa lên màn ảnh truyền hình lại có sức thu hút hơn mọi công trình tưởng tượng!

Một ông hàn

Ngót ba tháng rồi, cuốn «Anne Prédaille» của ông hàn Henri Troyat đứng đầu danh sách các tác phẩm bán chạy nhất nước Pháp. Giới phê bình không thể bỏ qua một cuốn truyện như thế. Bèn có lời nhận xét: H. Troyat viết truyện văn tồi, nhưng cuốn này thì tồi nhất. Bản thảo «Anne Prédaille» nếu không phải do một ông hàn lâm, mà do một tác giả vô danh gửi đến thì nhà xuất bản đã vất ngay. Trường hợp «Anne Prédaille» được hoan nghênh không biết đáng cười hay đáng khóc v.v...

Tuy vậy, nhà phê bình của tạp chí «L'Express» cũng nhận thấy tác phẩm của cụ hàn lâm lão thành có một đoạn văn miêu tả đáng trích ra trình hải nội chư quân tử thưởng ngoạn. Đó là đoạn nói về cái «sừng bằng thị» (corne de chair) mọc cách dưới rốn của một anh chàng sinh viên chừng vài tấc tây: cái sừng nó dựng lên oai vệ khi chàng sinh viên túm lấy nàng Anne, lột y phục.

Ba, bốn ông hàn

Một ông hàn lâm khác vừa làm chuyện tréo cẳng ngỗng : Đó là ông Maurice Genevoix. Chức vụ của ông là thư ký vĩnh viễn của hàn lâm viện Pháp quốc, thế mà ông từ chức : ngang xương, chửi bỏ cái danh từ «vĩnh viễn».

Một ông bỏ ra, ba ông nhảy vào. Đó là các ông André Chamson, Maurice Druon, Jean Mistler. Nghe đâu ông sau cùng được chọn.

Con chim cứu thế.

Một cuốn sách mỏng 50 trang chữ với 60 bức ảnh đang làm sôi nổi nước Mỹ. Đó là cuốn «Jonathan le Goéland» của Richard Bach.

Thoạt tiên, bản thảo đưa tới đâu cũng bị từ chối : tác giả thì vô danh tác phẩm thì kém quá, ai dám xuất bản ? Rốt cuộc một tờ tạp chí hàng không, tờ «Private Pilot», bằng lòng đăng, trả cho tác giả vài trăm Mỹ kim. Đây không phải là vì ông chủ báo nọ có cặp mắt xanh, khám phá ra giá trị của cuốn sách kia. Chẳng qua là vì tác giả trước từng làm phi công, vì ham đề râu mép quá dài nên bị đào thải... Vì tình đồng nghiệp, R Bach được đăng vào *Private Pilot*, thế thôi.

Sau đó, năm 1969, nhà Mac Mil-lan có in mấy cuốn : chẳng ai chú ý

đến, chẳng có một bài phê bình nào nhắc đến, mà nhà xuất bản cũng chẳng buồn quảng cáo.

Chợt gần đây, R. Bach có dịp lên ti-vi. Thế là đám thanh niên miền Tây khoái tác giả và khoái luôn tác phẩm. Sách bán ào ào, ngót hai triệu cuốn. Như vậy, nó đánh ngã hết mọi kỷ lục, kể từ «Cuốn theo chiều gió» đến nay.

Có cái rắc rối là các ông chủ tiệm sách vẫn chưa biết xếp cuốn «Jonathan le Goéland» vào loại nào : sách thiếu nhi chẳng ? sách tôn giáo chẳng ? sách vạn vật chẳng ? Bối rối hết sức.

Nguyên sách kể chuyện một con hải điều... cứu thế. Nó sinh ra, bỗng dưng quên bắt cá kiếm mồi, mà lại say mê lý tưởng... bay ! (y như ông phi công R. Bach vậy) Nó bị đồng loại khai trừ, đuổi đi, nhưng nó lại trở về cứu rỗi đồng loại nó.

Sự thành công của đấng chim cứu thế bên Mỹ là một hiện tượng thật đáng chú ý : ở cái quê hương của bom nguyên tử, của phi hành gia không gian, của hỏa tiễn lên lục địa v.v... phải chẳng vẫn tiềm tàng một khao khát tin ngưỡng ?

TIỀN CHIẾN : *Đọc TỰ LỰC VĂN ĐOÀN*
CHIA CẮT : *Đọc SÁNG TẠO*
HÒA BÌNH : *Tìm đọc*

Tập san **VĂN CHƯƠNG**

Sáng tác — Phê bình — Thông tri Văn chương Nghệ thuật

Nhóm chủ trương : Phạm Xuân Đạm — Nguyễn Đạt — Nguyễn
Tương Giang — Phạm Hoán — Nguyễn Tử Lộc — Nguyễn Nghiệp
Nhượng — Phạm Thiên Thư — Nguyễn Quốc Trụ — Joseph Huỳnh Văn

SỐ RA MẮT : Trung tuần tháng 4/73

XỬỞNG

NGUYỄN TRÃI

218-228 đường Nguyễn Trãi, Chợ-lớn

Rửa, bơm mỡ các loại xe

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

**NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS**

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

● THƠ : Lê Thái Hòa, H.V. Phan đình Phùng, Thái Tiên Trần, Ngô Như Kh., Nguyễn Ngọc Hoàng, Vũ Ngự Đảng, Trần Dzure Lữ, Trần Trường, Mai Quế Phương, Nguyễn Thủy Huỳnh Uyên Trang, Võ Văn Thông, Hoài Mặc Thanh, Yên Giang, Nguyễn Đông Lộc, Hoàng Lộc, Trần Chế Ngự, Dã Châu, Trần Hoàng Vi, Cao Trường Huy, Ngô Thị Cát Nhung, Võ Duy Chung, ĐVX.

● TRUYỆN Tàn Hoa (Con thần lẩn), Phạm Đức Hạnh (Lời trời trăn ấy), Trần Hoài Thư (Cơn mưa ân sủng), Thái Tiên Trần (Biển và người yêu), Nguyễn Văn Hiền (Những kẻ giết người), ĐVX (Chuyến đi).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã

gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắc tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

HOÀNG NGỌC TUẤN **Nhắn Tin**

Rất mong nhận được thư từ của Bạn bè và Sách báo của các văn hữu cùng các nhà Xuất bản quen biết.

Gửi theo địa chỉ :

Trung úy Nguyễn Phú Long VP/
TMT, KBC 4061 (H.N. Tuấn)



Tăng cường sinh lực bằng

C E T O N I C

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.D.